

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

(Master program specification)

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Việt Nam

Tên tiếng Anh: Vietnamese Language

Mã ngành: 8220102

(Kèm theo Quyết định số 267/QĐ-ĐHĐT, ngày 20 tháng 01 năm 2025

của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Tháp)

Đồng Tháp, tháng 01 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. GIỚI THIỆU	5
1.1. THÔNG TIN VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP	5
1.2. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC	5
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
1. NGÀNH ĐÀO TẠO.....	5
2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	5
2.1. MỤC TIÊU CHUNG	5
2.2. MỤC TIÊU CỤ THỂ.....	6
3. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH.....	6
3.1. Đối tượng tuyển sinh	6
3.2. Ngành tuyển sinh	7
3.3. Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần	7
3.4. Môn thi/xét tuyển sinh.....	7
3.5. Phương thức, phạm vi tuyển sinh	7
4. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	7
5. THỜI ĐIỂM PHÁT HÀNH/CHỈNH SỬA BẢN MÔ TẢ.....	8
6. NƠI PHÁT HÀNH: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP.....	8
III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	8
IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	9
1. TỔNG SỐ TÍN CHỈ PHẢI TÍCH LŨY.....	9
2. TỶ LỆ GIỮA CÁC KHỐI KIẾN THỨC.....	10
3. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHI TIẾT	10
4. MA TRẬN CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA	12
V. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	15
5.1. Tổ chức dạy học và phương pháp dạy học	15
5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập	16
5.3. Chuyển đổi và công nhận tín chỉ	17
VI. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	17
1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	17
1.1. Giảng viên cơ hữu	17
1.2. Giảng viên thỉnh giảng	17

2. CƠ SỞ VẬT CHẤT, HỌC LIỆU	17
3. CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA CHUYÊN NGÀNH	18
VII. TỔNG QUAN VỀ CÁC HỌC PHẦN	18
HỌC PHẦN 1: TRIẾT HỌC	32
HỌC PHẦN 2: TIẾNG ANH.....	37
HỌC PHẦN 3: PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ	47
HỌC PHẦN 4: NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN	51
HỌC PHẦN 5: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG.....	56
HỌC PHẦN 6: LỊCH SỬ VÀ LOẠI HÌNH TIẾNG VIỆT	61
HỌC PHẦN 7: ÂM VỊ HỌC VÀ ÂM VỊ HỌC VIỆT NGỮ	65
HỌC PHẦN 8: DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	72
HỌC PHẦN 9: PHƯƠNG NGỮ HỌC ĐỊA LÝ VÀ PHƯƠNG NGỮ HỌC XÃ HỘI.....	78
HỌC PHẦN 10: NGÔN NGỮ HỌC VÀ VĂN HÓA.....	82
HỌC PHẦN 11: NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU	87
HỌC PHẦN 12: CÁC VẤN ĐỀ VỀ CÚ PHÁP HỌC VÀ ỨNG DỤNG	92
HỌC PHẦN 13: VĂN HÓA - NGÔN NGỮ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	98
HỌC PHẦN 14: NGÔN NGỮ HỌC TÂM LÝ	103
HỌC PHẦN 15: CÁC TRƯỜNG PHÁI NGÔN NGỮ HỌC TIÊU BIỂU	109
HỌC PHẦN 16: GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA.....	115
HỌC PHẦN 17: CÁC BÌNH DIỆN CỦA PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN	122
HỌC PHẦN 18: NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT	126
HỌC PHẦN 19: PHÂN TÍCH VĂN BẢN.....	132
HỌC PHẦN 20: NGỮ NGHĨA HỌC TỪ VỰNG.....	138
HỌC PHẦN 21: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ TỪ HÁN VIỆT	145
HỌC PHẦN 22: NGÔN NGỮ TRONG BIÊN TẬP XUẤT BẢN	152
HỌC PHẦN 23: NGÔN NGỮ VÀ TRUYỀN THÔNG.....	157
HỌC PHẦN 24: NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI.....	162
HỌC PHẦN 25: DỤNG HỌC VIỆT NGỮ.....	169
HỌC PHẦN 26: NGÔN NGỮ VĂN HỌC VIỆT NAM	176
HỌC PHẦN 27: PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ	183
HỌC PHẦN 28: NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG	188
HỌC PHẦN 29: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	194

HỌC PHẦN 30: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NGŨ LIỆU DẠY TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG.....	199
HỌC PHẦN 31: TỰ ĐIỂN HỌC ỨNG DỤNG	204
HỌC PHẦN 32: THỰC TẬP 1.....	208
HỌC PHẦN 33: THỰC TẬP 2.....	212
HỌC PHẦN 34: LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ/ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP/ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP	216

PHẦN I

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. GIỚI THIỆU

1.1. Thông tin về Trường Đại học Đồng Tháp

- Tên tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**
- Tên tiếng Anh: **DONG THAP UNIVERSITY (DThU)**
- Cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Địa chỉ: Số 783 - Phạm Hữu Lầu, Phường 6, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: 0277.3881518
- Email: dhdt@dthu.edu.vn
- Website: www.dthu.edu.vn

1.2. Sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục

a) Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đa lĩnh vực, trong đó khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học và cung cấp các dịch vụ cộng đồng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

b) Tầm nhìn: Trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

c) Triết lý giáo dục: Kiến tạo - Chuyên nghiệp - Hội nhập.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo

- Tên ngành:

Tiếng Việt: **Ngôn ngữ Việt Nam**

Tiếng Anh: **Vietnamese Language**

- Mã số ngành đào tạo: **8220102**
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ.
- Chương trình đào tạo theo định hướng: Ứng dụng.
- Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học.
- Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng).
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Bằng thạc sĩ.
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam theo định hướng ứng dụng có kiến thức lý luận về ngôn ngữ và kiến thức chuyên sâu về Ngôn ngữ Việt Nam; ứng dụng được kiến

thức chuyên ngành trong lĩnh vực giảng dạy, làm việc, quản lý và nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam; có khả năng phát hiện, sáng tạo trong ứng dụng những vấn đề lý luận vào thực tiễn; có đủ điều kiện cơ bản để tiếp tục học tập các ngành phù hợp ở trình độ cao hơn; có đạo đức nghề nghiệp và năng lực tự chủ trong công việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu chung đã đề ra, chương trình đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam theo định hướng ứng dụng xác định các mục tiêu cụ thể (viết tắt là PO) như sau:

PO1: Vận dụng các kiến thức lý luận về ngôn ngữ học, kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Việt Nam và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành vào các hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động chuyên môn khác có liên quan đến ngôn ngữ Việt Nam.

PO2: Có kỹ năng phản biện, phân tích, truyền đạt tri thức về các vấn đề lý thuyết vào hoạt động giáo dục, nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam và các lĩnh vực liên quan.

PO3: Có năng lực tự định hướng, quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu để nâng cao hiệu quả công việc trong lĩnh vực ngôn ngữ Việt Nam.

PO4: Có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần tự chủ, thích ứng các nhu cầu xã hội và ý thức trách nhiệm với xã hội.

3. Thông tin về tuyển sinh

3.1. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021-TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, ban hành theo Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06/06/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp, cụ thể:

a) Chuẩn đầu vào ngoại ngữ

Ứng viên đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Đồng Tháp cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

c) Ứng viên tốt nghiệp ngành chưa phù hợp, phải hoàn tất việc chuyển đổi, bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển hoặc/và xét tuyển.

d) Ứng viên dự tuyển là công dân người nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường Đại học Đồng Tháp.

3.2. Ngành tuyển sinh

3.2.1. Ngành phù hợp: *Ngôn ngữ học, Sư phạm Ngữ văn, Cử nhân Ngữ văn.*

3.2.2. Ngành gần: *Việt Nam học, Văn học; Văn hóa học, Báo chí, Đông phương học, Đông Nam Á học, Hán Nôm; các chuyên ngành thuộc Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (Ngôn ngữ Anh, Pháp, Trung, Nga, Đức, Nhật, v.v...), Sư phạm tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Đức... ; Ngôn ngữ, Văn học và văn hóa Việt Nam; Sáng tác văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Du lịch.*

3.3. Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần

Thứ tự	Tên học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
1	Cơ sở ngôn ngữ học	2
2	Ngữ pháp tiếng Việt	2

3.4. Môn thi/xét tuyển sinh

- Thi tuyển:

(1). Môn cơ sở: Ngôn ngữ học đại cương

(2). Môn cơ bản: Triết học

(3). Đánh giá năng lực ngoại ngữ: Trình độ ngoại ngữ bậc 3 (hoặc tương đương) trở lên theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Hoặc xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Đồng Tháp.

3.5. Phương thức, phạm vi tuyển sinh

- Thi tuyển hoặc/và xét tuyển: Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp quyết định việc thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển, xét tuyển và hình thức thi tuyển theo từng đợt tuyển sinh.

(Thông tin về tuyển sinh, thi tuyển, xét tuyển, môn thi tuyển có trong Đề án tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Đồng Tháp, công khai trên website của Trường và đơn vị liên quan).

- Phạm vi tuyển sinh: Cả nước và nước ngoài (nếu có).

4. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021-TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, ban hành theo Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp, cụ thể:

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Người học đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10). Trong đó, không có học phần nào dưới 5,5.

- Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ: Đạt từ 7,0 trở lên.

5. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả: Ngày 20 tháng 01 năm 2025.

6. Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngoài yêu cầu chung về đạo đức khoa học, đạo đức nghề nghiệp và đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định, người học sau khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam theo định hướng ứng dụng phải đạt các yêu cầu tối thiểu sau đây:

PLOs	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs - Program Learning Outcomes)	Mức độ năng lực
1. Kiến thức		
PLO1	Vận dụng các kiến thức có tính liên ngành và chuyên ngành ngôn ngữ Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp.	4
PLO2	Vận dụng kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ Việt Nam vào hoạt động phát triển tiếng Việt, giáo dục, nghiên cứu ngôn ngữ, biên tập, truyền thông và các hoạt động khác.	4
PLO3	Vận dụng các lý thuyết về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ vào quá trình nghiên cứu khoa học.	5
2. Kỹ năng		
PLO4	Sử dụng kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các nguồn ngữ liệu phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.	4

PLOs	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs - Program Learning Outcomes)	Mức độ năng lực
PLO5	Sử dụng các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ vào việc tổ chức triển khai đề tài nghiên cứu thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam.	4
PLO6	Triển khai được vấn đề nghiên cứu, bảo vệ được kết quả nghiên cứu của cá nhân hoặc của nhóm, sử dụng được các phương tiện hỗ trợ, khai thác nguồn tài nguyên mở để phục vụ cho công tác nghiên cứu và các công tác chuyên môn khác có liên quan đến ngôn ngữ Việt Nam.	4
PLO7	Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tham gia, hỗ trợ, tư vấn, giải quyết các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ Việt Nam.	4
3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO8	Có năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong hoạt động chuyên môn, hoạt động xã hội; gương mẫu về đạo đức nghề nghiệp.	4
PLO9	Tôn trọng, hợp tác, sáng tạo trong công việc và trong hoạt động tập thể; thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.	5
PLO10	Tiếp thu, học hỏi để thích ứng với yêu cầu của công tác chuyên môn, tư vấn, chia sẻ và phổ biến tri thức để phục vụ cộng đồng và xã hội.	4

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được thể hiện trong Bảng tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo dưới đây:

PO	PLOS									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	X	X	X	X						
2					X	X	X			
3								X	X	
4								X	X	X

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: 10 tín chỉ (Bắt buộc: 10 tín chỉ; Tự chọn: 00 tín chỉ)
- Kiến thức cơ sở ngành: 14 tín chỉ (Bắt buộc: 08 tín chỉ; Tự chọn: 06 tín chỉ)
- Kiến thức chuyên ngành: 21 tín chỉ (Bắt buộc: 9 tín chỉ; Tự chọn: 12 tín chỉ)
- Thực tập: 06 tín chỉ
- Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ: 09 tín chỉ

2. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức

STT	Thành phần	Số tín chỉ		Tỷ lệ%
		Bắt buộc	Tự chọn	
1	Khối kiến thức chung	10		16,7%
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	8	6	23,3%
3	Khối kiến thức chuyên ngành	9	12	35%
4	Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ/ Đề án tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp	9		15%
5	Thực tập	6		10%
TỔNG CỘNG:		42 (70%)	18 (30%)	
		60		100.0

3. Khung chương trình đào tạo chi tiết

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Tiến độ
				LT	ThH	TH	
I. Kiến thức chung			10				
1	GPS.801	Triết học	4	60	00	140	1
2	GEP.801	Tiếng Anh	6	60	60	180	1
II. Kiến thức cơ sở ngành			14				
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			8				
1	MVL.801	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	2	20	10	70	1
2	MVL.802	Ngôn ngữ học tri nhận	3	30	15	105	1
3	MVL.803	Những vấn đề về ngữ pháp chức năng	3	30	15	105	2

2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			6				
1	MVL.804	Lịch sử và loại hình tiếng Việt	3	30	15	105	2
2	MVL.805	Âm vị học và âm vị học Việt ngữ	3	30	15	105	2
3	MVL.806	Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	3	30	15	105	2
4	MVL.807	Phương ngữ học địa lý và phương ngữ học xã hội	3	30	15	105	2
5	MVL.808	Ngôn ngữ học và văn hóa	3	30	15	105	2
6	MVL.828	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	30	15	105	2
7	MVL.810	Các vấn đề về cú pháp học và ứng dụng	3	30	15	105	2
8	MVL.811	Văn hóa - ngôn ngữ đồng bằng sông Cửu Long	3	30	15	105	2
9	MVL.812	Ngôn ngữ học tâm lý	3	30	15	105	2
10	MVL.829	Các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu	3	30	15	105	2
11	MVL.832	Giao tiếp liên văn hóa	3	30	15	105	2
III. Kiến thức chuyên ngành			21				
1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			9				
1	MVL.831	Các bình diện của phân tích diễn ngôn	3	30	15	105	2
2	MVL.814	Ngôn ngữ nghệ thuật	3	30	15	105	2
3	MVL.815	Phân tích văn bản	3	30	15	105	3
2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			12				
1	MVL.816	Ngữ nghĩa học từ vựng	3	30	15	105	3
2	MVL.817	Những vấn đề về từ Hán Việt	3	30	15	105	3

3	MVL.818	Ngôn ngữ trong biên tập xuất bản	3	30	15	105	3
4	MVL.819	Ngôn ngữ và truyền thông	3	30	15	105	3
5	MVL.820	Ngôn ngữ học xã hội	3	30	15	105	3
6	MVL.821	Dụng học Việt ngữ	3	30	15	105	3
7	MVL.822	Ngôn ngữ văn học Việt Nam	3	30	15	105	3
8	MVL.823	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ	3	30	15	105	3
9	MVL.824	Ngôn ngữ học ứng dụng	3	30	15	105	3
10	MVL.825	Kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông	3	30	15	105	3
11	MVL.813	Phân tích, đánh giá ngữ liệu dạy tiếng Việt ở trường phổ thông	3	30	15	105	3
12	MVL.832	Tự điển học ứng dụng	3	30	15	105	3
3. Thực tập			6				
1	MVL.826	Thực tập 1	3	00	90	60	4
2	MVL.827	Thực tập 2	3	00	90	60	4
IV. Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ/ Đề án tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp			9				
1	MVL.800	Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ/ Đề án tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp	9	00	270	180	3, 4
Tổng số tín chỉ tích lũy			60				

4. Ma trận các học phần và chuẩn đầu ra

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức			Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10

I	Khối kiến thức chung										
1	Triết học	R			R	R			R		
2	Tiếng Anh	R				R		R	R		
II	Khối kiến thức cơ sở ngành										
1	<i>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>										
1	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ		I	R		R	R		R	R	
2	Ngôn ngữ học tri nhận		M	M		R	R		R		
3	Những vấn đề về ngữ pháp chức năng		M	M		R			M		
2	<i>Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</i>										
1	Lịch sử và loại hình tiếng Việt		R				I		R	R	
2	Âm vị học và âm vị học Việt ngữ		R	R	R			R	R		R
3	Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông		I	R		R	R	R			M
4	Phương ngữ học địa lý và phương ngữ học xã hội		M		R		R		I		
5	Ngôn ngữ học và văn hóa	R	R		R			R	R		
6	Ngôn ngữ học đối chiếu		I	R		R	R		R	R	
7	Các vấn đề về cú pháp học và ứng dụng		R				R		I	I	
8	Văn hóa - ngôn ngữ đồng bằng sông Cửu Long	R	R			M			R		R
9	Ngôn ngữ học tâm lý		I	R		R	R		R	R	
10	Các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu	R		M		M	R		R		R
11	Giao tiếp liên văn hóa	R	R		R		R		M		

III	Khối kiến thức chuyên ngành										
<i>1</i>	<i>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>										
1	Các bình diện của phân tích diễn ngôn		I	R		R	R		R	R	
2	Ngôn ngữ nghệ thuật		M		M			R	M		
3	Phân tích văn bản		M		M		R	M	R		
<i>2</i>	<i>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</i>										
1	Ngữ nghĩa học từ vựng		R	R	R			R			M
2	Từ Hán Việt		M		M	R			M	R	
3	Ngôn ngữ học trong biên tập xuất bản		M		R		R	M	M		
4	Ngôn ngữ và truyền thông		M		R			R	M		M
5	Ngôn ngữ học xã hội	M	M		M	M	M		M		
6	Dụng học Việt ngữ		M		R				M	R	M
7	Ngôn ngữ văn học Việt Nam		I	R		R	R		R	R	
8	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ		I	R		R	R		R	R	
9	Ngôn ngữ học ứng dụng		I	R		R	R		R	R	
10	Kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông		I	R		R		R			M
11	Phân tích, đánh giá ngữ liệu dạy tiếng Việt ở trường phổ thông		I	I	R			R	R	R	
12	Tự điển học ứng dụng		I	I	R			R	R	R	
IV	Thực tập										
1	Thực tập 1		M		M			M	R	R	
2	Thực tập 2		A		A				A	A	A

V	Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ/ Đề án tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A
---	--	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Chú thích:

- *I (Introductory)*: là học phần mới gặp lần đầu và không có học phần tiên quyết.
- *R (Reinforced)*: là học phần có sự hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)*: Là học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO)
- *A (Assessed)*: là học phần cốt lõi, hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO.

V. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

5.1. Tổ chức dạy học và phương pháp dạy học

5.1.1. Hình thức tổ chức

Trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp.

Tương tác trực tiếp, gián tiếp, trải nghiệm, tự học, tự nghiên cứu.

“Đào tạo kết hợp (Blended learning) là việc kết hợp phương thức học tập điện tử (e-Learning) với phương thức dạy - học truyền thống (theo đó người dạy và người học cùng có mặt) nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và chất lượng giáo dục” (Theo thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Theo đó, giảng viên sử dụng hệ thống LMS của Nhà trường, gửi cho người học các bài giảng trực tuyến, tài liệu tham khảo, các bài thực hành và các diễn đàn (forum) để thảo luận. Song song đó vẫn kết hợp với giảng dạy trực tiếp trên lớp. Người học sẽ căn cứ vào tài liệu được gửi và các nguồn thông tin trên Internet để thực hiện nhiệm vụ học tập trực tuyến mà người dạy cung cấp. Ngoài ra, giảng viên cũng có thể triển khai kế hoạch đánh giá, tiến hành các bài kiểm tra trực tuyến, duy trì sự tương tác với các thành viên để giải đáp thắc mắc của người học.

Thời lượng bài dạy trực tuyến không vượt quá 30% tổng số tiết của chương trình đào tạo.

5.1.2. Phương pháp dạy học

Các phương pháp được sử dụng chủ yếu là:

STT	Phương pháp dạy học	Mô tả phương pháp
1	Thuyết trình	Giảng viên truyền đạt nội dung tri thức môn học đến học viên với sự hỗ trợ của tài liệu, bài giảng, các thiết bị dạy học và sự sẵn sàng học tập của học viên.
2	Giải quyết vấn đề	Giảng viên hướng dẫn cho học viên: (1) độc lập phát hiện, giải quyết vấn đề, làm các bài tập giảng viên yêu cầu; (2) từ chủ đề giảng viên nêu, học viên phối hợp phát hiện và

		giải quyết vấn đề; (3) giảng viên và học viên vấn đáp phát hiện và giải quyết vấn đề; (4) giảng viên thuyết trình phát hiện và giải quyết vấn đề.
3	Dự án	Giảng viên thực hiện 4 bước: (1) chuẩn bị - xác định câu hỏi định hướng, xây dựng dự án, xác định các nhiệm vụ, chuẩn bị các điều kiện; (2) thực hiện - quan sát, tư vấn và đánh giá, hỗ trợ, giúp đỡ các điều kiện chuẩn bị; (3) tổng hợp - giám sát, tư vấn, đánh giá, phê duyệt các sản phẩm; (4) đánh giá - chuẩn bị các điều kiện cho việc báo cáo sản phẩm, giám sát và đánh giá dự án.
4	Dạy học hợp tác	Giảng viên hướng dẫn học viên tìm hiểu sâu, luyện tập, củng cố và vận dụng kiến thức; lớp học được cấu thành nhóm nhỏ cùng thực hiện các nhiệm vụ trên cơ sở phân công và cộng tác làm việc trong khoảng thời gian xác định. Giảng viên thực hiện 3 bước: (1) Nhập đề và giải quyết nhiệm vụ - giới thiệu chủ đề học tập, thiết kế nhiệm vụ nhóm, lựa chọn và thực hiện chia nhóm, (2) Làm việc nhóm - lựa chọn địa điểm, bố trí không gian, lập kế hoạch làm việc, thỏa thuận quy tắc làm việc, báo cáo kết quả trước tập thể; (3) Trình bày và đánh giá kết quả làm việc - Các thành viên của nhóm hoặc đại diện nhóm trình bày kết quả trước tập thể, các nhóm tự đánh giá và các nhóm đánh giá lẫn nhau.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

5.2.1. Đánh giá học phần

a) Kiểm tra, đánh giá người học thực hiện theo quy định chung của Trường Đại học Đồng Tháp, bao gồm cả phần trực tuyến, trực tiếp hoặc thực tế học phần.

b) Nội dung đánh giá và trọng số của từng loại điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần, bao gồm cả phần trực tuyến, trực tiếp hoặc thực tế học phần và phần tự học, tự nghiên cứu.

c) Điểm đánh giá quá trình, trọng số từ 0,4 - 0,5 thông qua các hoạt động như: Chuyên cần; tinh thần, thái độ học tập; tham gia trao đổi trên các diễn đàn; trả lời câu hỏi; bài tập; tiểu luận; kiểm tra theo yêu cầu của giảng viên.

d) Điểm đánh giá tổng kết học phần (hoặc cuối kỳ), trọng số từ 0,5 - 0,6 bằng các hình thức như: Thi kết thúc; bài tập lớn; báo cáo; tiểu luận hoặc các hình thức khác.

đ) Trong trường hợp bất khả kháng, có thể đánh giá tổng kết học phần theo hình thức trực tuyến, đảm bảo tính khách quan, công bằng, phù hợp với mục tiêu của học phần và quy định của Trường Đại học Đồng Tháp.

5.2.2. Bảo vệ đề cương, seminar, luận văn thạc sĩ

a) Bảo vệ đề cương, seminar, luận văn thạc sĩ: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, ban hành theo Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

b) Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp cho phép tổ chức hội đồng để đánh giá, góp ý đề cương, seminar, xét tuyển, bảo vệ luận văn theo hình thức trực tuyến (gọi tắt là hội đồng đánh giá trực tuyến).

c) Việc tổ chức đánh giá theo hình thức trực tuyến được thực hiện theo Quy định về đào tạo kết hợp của Trường Đại học Đồng Tháp.

5.3. Chuyển đổi và công nhận tín chỉ

Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực từ loại khá trở lên, đã tích lũy đạt từ 50% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo đại học trở lên, có thể được đăng ký học trước một số học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ phù hợp. Tổng số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

Ngoài ra, Trường Đại học Đồng Tháp còn chuyển đổi và công nhận tín chỉ của học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo thạc sĩ cho những học viên đã đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thạc sĩ, trong đó ngôn ngữ sử dụng bằng tiếng Anh.

VI. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đội ngũ giảng viên

1.1. Giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo/Chuyên môn	Ghi chú
1	Trần Thanh Vân	TS	Lí luận Ngôn ngữ	Đúng
2	Đỗ Minh Hùng	PGS,TS	Ngôn ngữ học so sánh	Phù hợp
3	Nguyễn Thị Chính	TS	Văn học Việt Nam	Phù hợp
4	Trần Hoàng Anh	TS	Ngôn ngữ Việt Nam	Đúng
5	Trần Đức Hùng	TS	Ngôn ngữ Việt Nam	Đúng
6	Nguyễn Ngọc Phú	TS	Văn học Việt Nam	Phù hợp

1.2. Giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên	Lĩnh vực nghiên cứu/Chuyên môn	Cơ quan công tác/ Thông tin liên hệ
1	GS, TS. Nguyễn văn Khang	Lý luận ngôn ngữ	Viện Ngôn ngữ học
2	GS,TS. Đỗ Thị Kim Liên	Lý luận ngôn ngữ	Hội Ngôn ngữ học Việt Nam

2. Cơ sở vật chất, học liệu

- Phòng học, phương tiện học tập: Trường Đại học Đồng Tháp đáp ứng đầy đủ về phòng học và phương tiện, thiết bị trong quá trình dạy, học, báo cáo chuyên đề, seminar, bảo vệ luận văn thạc sĩ, hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ, cụ thể:

- Hệ thống phòng học gắn điều hòa nhiệt độ, màn hình led kích thước lớn (hoặc máy chiếu), hệ thống dạy học trực tuyến bảo đảm kết nối liên tục, thông suốt, hệ thống wifi phục vụ khai thác học liệu mọi lúc, mọi nơi.

- Người học được cung cấp thẻ (tài khoản) để sử dụng tài liệu, tư liệu trong suốt quá trình học, đặc biệt là khai thác tài nguyên học liệu số kết nối với nhiều trung tâm học liệu, địa chỉ trong nước và quốc tế. Khai thác sách, tạp chí khoa học, tài liệu tham khảo thông qua tài khoản db.vista.gov.vn của Trung tâm KH&CN Quốc gia.

- Cảnh quan xanh sạch, đẹp, hệ thống wifi phủ sóng toàn khuôn viên, an ninh tốt, giao thông thuận lợi. Khu ký túc xá trên 2.000 chỗ cho sinh viên, học viên.

3. Các hướng nghiên cứu của chuyên ngành

- Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp, phong cách, ngôn ngữ học văn bản.

- Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến dụng học, ngôn ngữ học xã hội, phương ngữ, ngôn ngữ và văn hóa.

- Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngôn ngữ văn chương.

- Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Việt trong nhà trường.

- Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngôn ngữ học tri nhận, ngôn ngữ học tâm lý.

- Nghiên cứu những vấn đề về ngôn ngữ truyền thông và xuất bản.

VII. TỔNG QUAN VỀ CÁC HỌC PHẦN

1. Học phần 1:

- Tên học phần: **Triết học**

- Mã học phần: GPS.801

- Số tín chỉ: 04

- Tổng quan về học phần:

Chương trình môn Triết học gồm 4 chương: Chương 1 gồm các đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông (trong đó có tư tưởng triết học Việt Nam, ở mức giản lược nhất) và triết học Mác. Chương 2 gồm các nội dung nâng cao về triết học Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.

Chương 3 đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Chương 4 phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống con người.

2. Học phần 2:

- Tên học phần: **Tiếng Anh**
- Mã học phần: GEP.801
- Số tín chỉ: 6.
- Tổng quan về học phần:

Học phần Tiếng Anh giúp người học có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí; Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh; Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình. Qua đó, người học được luyện tập và phát triển các khả năng đồng thời vận dụng được vào việc làm bài thi các môn kỹ năng theo quy định về chuẩn đầu ra của bậc học thạc sĩ.

3. Học phần 3:

- Tên học phần: **Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ**
- Mã học phần: MVL.801
- Số tín chỉ: 02
- Tổng quan về học phần:

Đây là một trong những học phần cơ sở ngành bắt buộc của chương trình đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam. Học viên nói chung chưa được tiếp cận các nội dung có tính hệ thống, chuyên sâu định hướng nghiên cứu ngôn ngữ học áp dụng vào tiếng Việt ở bậc đại học trước đó. Do vậy, học phần này sẽ giúp học viên nắm vững các cơ sở lý thuyết làm nền tảng cho quá trình tiếp thu các tri thức nâng cao về ngôn ngữ học tổng quát và có đủ năng lực xây dựng, triển khai thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể định hướng ứng dụng liên quan đến ngôn ngữ Việt Nam. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

4. Học phần 4:

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học tri nhận**
- Mã học phần: MVL.802
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần này chưa được giảng dạy trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần sẽ giới thiệu và thảo luận về vị trí, vai trò, những khái niệm, lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu của ngôn ngữ học tri nhận. Học phần cung cấp những kiến

thức nền tảng về sự nhận thức của con người và những biểu hiện khác nhau của nó trong các ngôn ngữ khác nhau, những ý niệm ẩn chứa trong cấu trúc ngôn ngữ khác nhau. Đây là học phần khá mới mẻ nên có nhiều triển vọng phát triển nghiên cứu sâu hơn ở bậc đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc.

5. Học phần 5:

- Tên học phần: **Những vấn đề về ngữ pháp chức năng**
- Mã học phần: MVL.803
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Đây là chuyên đề bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành. Chuyên đề này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngữ pháp chức năng tiếng Việt như: câu, ngữ đoạn và từ loại trong tiếng Việt. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các nguyên tắc, kỹ thuật phân tích câu, ngữ đoạn và từ loại tiếng Việt. Thành thạo những nguyên tắc, thủ thuật phân tích câu, ngữ đoạn và từ loại tiếng Việt giúp cho người học nâng cao được năng lực giảng dạy, học tập và nghiên cứu tiếng Việt.

6. Học phần 6:

- Tên học phần: **Lịch sử và loại hình tiếng Việt**
- Mã học phần: MVL.804
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Đây là chuyên đề tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành. Chuyên đề này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lịch sử và loại hình tiếng Việt như: nguồn gốc tiếng Việt, các giai đoạn lịch sử trong quá trình phát triển của tiếng Việt với các đặc điểm về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; đặc điểm loại hình tiếng Việt. Bên cạnh đó, người học cũng được trang bị các nguyên tắc, kỹ thuật vận dụng các tri thức trên vào việc nghiên cứu, học tập và giảng dạy Ngữ văn.

7. Học phần 7:

- Tên học phần: **Âm vị học và âm vị học Việt ngữ**
- Mã học phần: MVL.805
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần có tính liên thông từ những kiến thức cơ bản của môn *Ngữ âm tiếng Việt* trong chương trình đại học. Học phần sẽ giới thiệu chuyên sâu và hệ thống các khái niệm có tính phổ quát được sử dụng trong nghiên cứu âm vị học, hệ thống phát âm, cơ sở hình thành và các tiêu chí phân loại âm vị, các quy luật biến đổi của âm vị. Trên cơ sở đó, học phần sẽ giúp người học hiểu chuyên sâu hơn những đặc điểm riêng âm tiết, cấu trúc âm tiết của tiếng Việt và sự thể hiện trong chữ viết. Song song đó, hệ thống âm vị, thanh

điều của tiếng Việt cũng sẽ được giới thiệu và thảo luận trong nội dung môn học. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn.

8. Học phần 8:

- Tên học phần: **Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông**
- Mã học phần: MVL.806
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Trong chương trình đào tạo trình độ đại học sư phạm Ngữ văn, người học đã được học học phần “Phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường trung học phổ thông” 02 tín chỉ với các nội dung cơ bản: Nguyên tắc và phương pháp chung dạy học tiếng Việt; Phương pháp dạy các kiểu bài học lí thuyết, kiểu bài luyện tập thực hành, kiểu bài ôn tập tổng kết; Kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Việt ở trường phổ thông. Ở trình độ thạc sĩ “Ngôn ngữ Việt Nam” theo định hướng ứng dụng, học phần “Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông” trang bị cho người học những nội dung chuyên sâu so với trình độ đại học, được trình bày qua 4 chương: (1) Cơ sở khoa học và quá trình dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông; (2) Dạy học tiếng Việt trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn; (3) Một số vấn đề về tổ chức dạy học bài học Tiếng Việt trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông; (4) Hình thức và phương tiện dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018.

9. Học phần 9:

- Tên học phần: **Phương ngữ học địa lý và phương ngữ học xã hội**
- Mã học phần: MVL.807
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần hệ thống hóa lại những kiến thức cơ bản về phương ngữ và phương ngữ học tiếng Việt đã được học ở chương trình đại học và tiếp cung cấp những kiến thức chuyên sâu về phương ngữ tiếng Việt ở hai lĩnh vực là phương ngữ địa lí và phương ngữ xã hội. Trên cơ sở này, người học sẽ đi sâu tìm hiểu đặc điểm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của các vùng phương ngữ tiếng Việt xét trên cả hai phương diện: phương ngữ địa lí và phương ngữ xã hội. Thông qua đó, người học sẽ có được cái nhìn chuyên sâu, toàn cảnh về bức tranh phương ngữ tiếng Việt, từ đó có những điều chỉnh hợp lí về mặt ngôn ngữ nhằm phục vụ tốt cho việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt cũng như văn hóa Việt Nam.

10. Học phần 10:

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học và văn hóa**
- Mã học phần: MVL.808
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Ngôn ngữ học và văn hóa là học phần có vai trò quan trọng trong việc cung cấp kịp thời những tri thức cần thiết về ngôn ngữ học và văn hóa cho học viên cao học, phần

tri thức mà sinh viên đại học đã có dịp lĩnh hội chung chung qua một số môn học, nhưng chưa được khai thác sâu, rộng. Nội dung học phần được triển khai theo hướng: từ khái quát về ngôn ngữ và văn hóa, đi vào tìm hiểu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, làm rõ đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy. Nội dung học phần còn là vấn đề giao thoa văn hóa và ngôn ngữ giữa Việt Nam với phương Tây và một số nước ở khu vực Đông Nam Á trong quá trình hiện đại hóa ngôn ngữ và nền văn hóa dân tộc.

Học phần không chỉ trang bị lí thuyết mà còn có những bài tập thực hành cụ thể nhằm tạo điều kiện cho người học nắm vững và vận dụng được kiến thức đã học vào quá trình học tập, nghiên cứu ngôn ngữ cũng như việc giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. Học phần hướng đến đáp ứng các chuẩn đầu ra 1.2, 2.3, 2.4 và 3.1, 3.2 của chương trình đào tạo.

11. Học phần 11:

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học đối chiếu**
- Mã học phần: MVL.828
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Trong chương trình Đại học (của chuyên ngành *Ngữ văn*, hoặc *Sư phạm Ngữ văn*) môn Ngôn ngữ học đối chiếu chỉ mới được đưa vào ở những năm gần đây, nhưng chỉ giới thiệu một cách khái quát những lý thuyết, khái niệm cơ bản của Ngôn ngữ học đối chiếu. Do vậy, học phần này sẽ giới thiệu một cách hệ thống các nội dung về đối tượng, phạm vi, vai trò, khái niệm, khuynh hướng và thủ thuật nghiên cứu trong lĩnh vực xuyên ngôn ngữ-văn hóa. Học phần này sẽ tạo điều kiện cho học viên hiểu được những lĩnh vực, nội dung, tầng bậc và mối tương giao, dị biệt giữa các ngôn ngữ cũng như các ứng dụng thực tiễn của các kết quả nghiên cứu đối chiếu. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

12. Học phần 12:

- Tên học phần: **Các vấn đề về cú pháp học và ứng dụng**
- Mã học phần: MVL.810
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Đây là chuyên đề tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành. Học chuyên đề này, người học sẽ được dạy chuyên sâu hơn các kiến thức lí thuyết về cú pháp học và ứng dụng, từ đó giúp người học phân biệt được các đơn vị trong câu, các cụm từ, câu, chức năng của các đơn vị trong câu; cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về cú pháp học, đồng thời cũng cung cấp những kiến thức cơ bản và bước đầu nâng cao về hệ

thống cú pháp (ngữ đoạn và cấu trúc ngữ đoạn, câu và cấu trúc câu, các phương pháp phân tích cấu trúc câu). Ngoài ra, môn học cũng bước đầu cung cấp cho học viên một số thao tác, kỹ năng phân tích, nhận diện, miêu tả và so sánh các hiện tượng cú pháp của các ngôn ngữ.

13. Học phần 13:

- Tên học phần: **Văn hóa - ngôn ngữ đồng bằng sông Cửu Long**
- Mã học phần: MVL.811
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần này chưa được giảng dạy trong chương trình đào tạo đại học. Học phần cung cấp những hiểu biết toàn diện và cơ bản về những đặc điểm của các điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên và xã hội; các lớp văn hoá và đặc điểm loại hình dân cư, những đặc trưng của văn hoá - ngôn ngữ biểu hiện trong việc tận dụng và đối phó với môi trường sông nước, môi trường xã hội của cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong tiến trình hình thành và phát triển của nó. Từ đó giúp người học có những cách hành xử đúng đắn với văn hoá - ngôn ngữ vùng miền và văn hoá dân tộc. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn.

14. Học phần 14:

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học tâm lý**
- Mã học phần: MVL.812
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học viên chưa được tiếp cận học phần *Ngôn ngữ học tâm lý* ở chương trình đào tạo đại học. Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, có vai trò cung cấp cho học viên các tri thức nền tảng và chuyên sâu liên quan đến lịch sử hình thành, các khái niệm thuật ngữ cơ bản cũng như các xu hướng chính, các nguyên lý của ngôn ngữ học tâm lý, phục vụ cho những nghiên cứu liên quan đến các vấn đề như: thụ đắc ngôn ngữ; qui trình tiếp nhận và hiểu ngôn ngữ; tạo sinh ngôn ngữ; và sự thụ đắc một ngôn ngữ thứ hai. Học viên có thể ứng dụng kiến thức học phần vào hoạt động xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục tiếng Việt. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

15. Học phần 15:

- Tên học phần: **Các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu**
- Mã học phần: MVL.829
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, cung cấp những kiến thức hiện thời về các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu khác nhau trong ngôn ngữ học hiện đại, theo ba vấn đề cơ bản: Giới thiệu chung; Lý thuyết cơ bản; Cơ sở triết học. Bên cạnh việc giới thiệu các tiền đề lý thuyết

có tính chất tổng thuật cùng một số phương diện của phương pháp luận của mỗi trường phái, môn học cũng sẽ chỉ ra sự vận dụng và thành tựu của giới Việt ngữ học liên quan đến từng trường phái. Ngoài ra, môn học sẽ đề cập thêm những xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ có ý nghĩa thời sự như ngôn ngữ học tạo sinh, ngôn ngữ học tri nhận, ngôn ngữ học nhân chủng. Kết thúc môn học, người học có thể ứng dụng những kiến thức đã được trang bị để ứng dụng vào nghiên cứu cụ thể trên thực tiễn tiếng Việt. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học khẳng định rằng học viên phải nắm vững các kiến thức liên ngành và có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc trong ngành nghề đào tạo; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ của đất nước. Vì thế, việc giảng dạy những kiến thức cơ sở về các trường phái ngôn ngữ học cho học viên ngành Ngôn ngữ học là cần thiết để học viên đạt được các yêu cầu trên.

16. Học phần 16:

- Tên học phần: **Giao tiếp liên văn hóa**
- Mã học phần: MVL.830
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về những nét văn hóa cơ bản trong giao tiếp giữa các dân tộc trên thế giới, bao gồm những nguyên tắc giao tiếp cơ bản, phương thức giao tiếp hiệu quả và phù hợp theo từng môi trường và tình huống với những lý thuyết cơ bản về văn hóa giao tiếp để có thể nhận biết giá trị bản thân, nhằm hoàn thiện kỹ năng giao tiếp cá nhân, xây dựng ý thức về hội nhập cộng đồng quốc tế, tạo nền vững chắc, văn minh trong giao tiếp quốc tế. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn.

17. Học phần 17:

- Tên học phần: **Các bình diện của phân tích diễn ngôn**
- Mã học phần: MVL.831
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Đây là một trong những học phần cơ sở ngành bắt buộc của chương trình đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam. Học phần này chưa được giảng dạy ở chương trình đào tạo đại học. Nội dung môn học sẽ giới thiệu những định nghĩa về diễn ngôn, đơn vị cấu thành diễn ngôn, phương thức liên kết diễn ngôn, yếu tố ngữ cảnh/cảnh huống trong diễn ngôn. Nội dung môn học cũng bao gồm việc phân loại các diễn ngôn và những đặc điểm của chúng. Bên cạnh đó, hoàn thành môn học này, học viên còn được nâng cao kỹ năng nhận diện và phân tích các loại hình, cấu tạo diễn ngôn/văn bản khác nhau trong tiếng Việt. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

18. Học phần 18:

- Tên học phần: **Ngôn ngữ nghệ thuật**
- Mã học phần: MVL.814

- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần NNNT chưa được học trong chương trình đại học. Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, học phần NNNT nhằm cung cấp cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về các vấn đề của NNNT như: các thuộc tính đặc trưng cơ bản của NNNT; vấn đề loại hình của NNNT; vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật; vấn đề về phong cách ngôn ngữ của tác giả; vấn đề phân tích ngôn ngữ trong tác phẩm thuộc các thể loại văn học; đặc trưng của ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ truyện. Việc hiểu rõ các kiến thức chuyên sâu về NNNT là cơ sở quan trọng để giúp người học tiếp cận các văn bản nghệ thuật thuộc các thể loại khác nhau. Điều này có ý nghĩa cần thiết trong quá trình nghiên cứu, phê bình văn học, trong học tập và giảng dạy văn học từ bậc phổ thông đến bậc đại học, trong công tác biên tập, truyền thông và NCKH.

Học phần NNNT là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, nhằm giúp người học sử dụng thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổng hợp, phân tích; kỹ năng lập kế hoạch thực hiện các báo cáo chuyên đề, kỹ năng thuyết trình về các vấn đề NNNT trong quá trình dạy học Ngữ văn ở các trường phổ thông, cao đẳng, đại học, công tác biên tập, truyền thông, NCKH và hoạt động giao tiếp xã hội. Giúp người học có khả năng tổng hợp, vận dụng hiệu quả kiến thức lý luận chuyên sâu về các vấn đề của NNNT vào hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

Học phần NNNT nhằm giúp người học chủ động nghiên cứu và làm việc độc lập, xác định được vị trí của NNNT trong các phong cách chức năng của tiếng Việt, vai trò của NNNT trong việc phát triển tiếng Việt. Từ đó mỗi cá nhân có ý thức giữ gìn ngôn ngữ dân tộc, phát huy những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam.

19. Học phần 19:

- Tên học phần: **Phân tích văn bản**
- Mã học phần: MVL.815
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Nội dung học phần sẽ giới thiệu chung về các vấn đề thuộc văn bản (đặc trưng của văn bản, tính mạch lạc trong văn bản, tính liên kết văn bản (đặc biệt là các phương thức liên kết sẽ được giới thiệu một cách chi tiết trong học phần), những đơn vị cấu thành văn bản (câu và đoạn văn trong văn bản). Bên cạnh đó, học phần cũng trình bày các nguyên tắc sử dụng và tạo điều kiện cho người học tiếp cận các phương pháp nghiên cứu nội dung liên quan. Do vậy, ngoài việc rèn luyện kỹ năng phân tích văn bản để nâng cao hiệu quả tiếp nhận và tạo lập văn bản, người học còn được bồi dưỡng chuyên sâu về các hướng tiếp cận nghiên cứu văn bản nói chung và phát ngôn/văn bản tiếng Việt nói riêng. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc.

20. Học phần 20:

- Tên học phần: **Ngữ nghĩa học từ vựng**
- Mã học phần: MVL.816
- Số tín chỉ: 03

- Tổng quan về học phần:

Ngữ nghĩa học từ vựng là một phần không tách rời của Ngữ nghĩa học và Từ vựng học, vừa mở rộng, nâng cao, vừa đi sâu, tập trung vào ngữ nghĩa của từ vựng theo các mối quan hệ ngữ nghĩa trong hệ thống và trong hành chức.

Cụ thể, học phần tập trung trình bày các loại ý nghĩa, quan hệ ngữ nghĩa trong hệ thống của các đơn vị từ vựng và sự biểu hiện của chúng trong hành chức, trong sử dụng, theo các chức năng đa dạng của ngôn ngữ nói chung, đơn vị từ vựng nói riêng.

Học phần cũng trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa từ vựng, những định hướng và kỹ năng ứng dụng lý thuyết ngữ nghĩa học từ vựng vào việc nghiên cứu các biểu hiện cụ thể, đa dạng của ngôn ngữ trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của đời sống xã hội và dạy học ngữ văn trong nhà trường.

21. Học phần 21:

- Tên học phần: **Những vấn đề về từ Hán Việt**

- Mã học phần: MVL.817

- Số tín chỉ: 03

- Tổng quan về học phần:

Nội dung học phần bao gồm các vấn đề cơ bản sau: Khái quát về từ Hán Việt; Từ Hán Việt trong tiếng Việt; Các tiêu chí nhận diện từ Hán Việt trong vốn từ tiếng Việt; Phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt; Vận dụng tri thức từ Hán Việt vào việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Học phần giúp học viên áp dụng được các lý thuyết để ứng dụng và hỗ trợ cho việc học tiếp các chuyên đề chuyên ngành trong chương trình đào tạo thuận lợi hơn, tự giải quyết được các vấn đề có liên quan đến từ Hán Việt trong luận văn của mình và các vấn đề ngôn ngữ liên ngành. Ngoài ra, giúp học viên có thêm cơ sở hiểu và vận dụng tri thức học phần vào thực tiễn giảng dạy/ công tác. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn.

22. Học phần 22:

- Tên học phần: **Ngôn ngữ trong biên tập xuất bản**

- Mã học phần: MVL.818

- Số tín chỉ: 03

- Tổng quan về học phần:

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức vừa cơ bản, vừa chuyên sâu về những vấn đề liên quan đến ngôn ngữ trong biên tập xuất bản. Cụ thể là các loại hình văn bản (văn bản hành chính, văn bản khoa học, văn bản chính luận, văn bản báo chí, văn bản nghệ thuật), các nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo và biên tập văn bản tiếng Việt. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn.

23. Học phần 23:

- Tên học phần: **Ngôn ngữ và truyền thông**

- Mã học phần: MVL.819

- Số tín chỉ: 03

- Tổng quan về học phần:

Học phần được xây dựng và thiết lập dựa trên lý thuyết Truyền thông đã được phân chia theo thể loại sản phẩm truyền thông theo cấu trúc gồm: Báo viết (Báo giấy, Báo in): Ngôn ngữ là chữ viết + Hình ảnh tĩnh + Infographic; Báo nói: Ngôn ngữ là Âm Thanh + Giọng nói + Âm Nhạc hiệu; Báo hình: Ngôn ngữ là Hình ảnh tĩnh, Hình ảnh động + Âm thanh + Giọng nói + Infographic; Báo điện tử: Ngôn ngữ là Chữ viết + Hình ảnh tĩnh, Hình ảnh động + Âm Thanh + Giọng nói + Infographic; Mạng xã hội: Tích hợp. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn.

24. Học phần 24:

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học xã hội**
- Mã học phần: MVL.820
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Ngôn ngữ học xã hội ra đời ở thời kì hậu cấu trúc thuộc hướng nghiên cứu liên ngành, lấy biên thể làm đơn vị nghiên cứu, nghiên cứu mối quan hệ tương tác giữa ngôn ngữ và xã hội; giải thích các hiện tượng ngôn ngữ bằng các nhân tố xã hội. Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quát về ngôn ngữ học xã hội với các khái niệm cơ bản như: biên thể, cộng đồng giao tiếp, cảnh huống; ngôn ngữ có lời và ngôn ngữ phi lời, thái độ ngôn ngữ. Nghiên cứu các nội dung của ngôn ngữ học xã hội vĩ mô và ngôn ngữ học vi mô như học phần tập trung vào một số nội dung cơ bản và thời sự như: đa ngữ xã hội, phương ngữ xã hội, giao tiếp tương tác ngôn ngữ học xã hội; chính sách ngôn ngữ, kế hoạch hoá ngôn ngữ và lập pháp. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội; ứng dụng lý thuyết ngôn ngữ học xã hội vào việc nghiên cứu tiếng Việt và các ngôn ngữ ở Việt Nam (như ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, ngoại ngữ). Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn.

25. Học phần 25:

- Tên học phần: **Dụng học Việt ngữ**
- Mã học phần: MVL.821
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần *Dụng học Việt ngữ* thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần bao gồm 5 nội dung: Khái quát về dụng học Việt ngữ; Lý thuyết hành động ngôn ngữ; Lập luận; Lý thuyết hội thoại; Nghĩa tường minh và hàm ẩn. Với 5 nội dung này, học phần đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu câu nói gắn với ngữ cảnh, ngữ huống, với người giao tiếp (tuổi tác, địa vị khác nhau) nên việc hiểu nghĩa của phát ngôn trở nên sinh động, linh hoạt và phong phú.

26. Học phần 26:

- Tên học phần: **Ngôn ngữ văn học Việt Nam**
- Mã học phần: MVL.822
- Số tín chỉ: 03

- Tổng quan về học phần:

Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, học phần Ngôn ngữ Văn học Việt Nam nhằm cung cấp cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về các vấn đề của ngôn ngữ Văn học Việt Nam như: đặc điểm loại hình ngôn ngữ văn học Việt Nam; ngôn ngữ văn học Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ khác nhau: đặc trưng, tính hệ thống, các thao tác hoạt động của ngôn ngữ Văn học Việt Nam; vấn đề xác lập tính loại hình nhìn từ các mối liên hệ với ngôn ngữ Văn học Việt Nam: nguồn gốc, tính chất, quan hệ, các cấp độ và phương thức của tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong Văn học Việt Nam; về quan niệm, các thể loại thơ và thành phần của ngôn ngữ thơ; ngôn ngữ văn xuôi trong Văn học Việt Nam nhìn từ các thể loại, điểm nhìn và người kể chuyện, ngôn ngữ nhân vật và cấu trúc văn bản truyện. Việc hiểu rõ các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Văn học Việt Nam là cơ sở quan trọng để giúp học viên cao học tiếp cận các văn bản văn học thuộc các thể loại khác nhau. Điều này có ý nghĩa cần thiết trong quá trình nghiên cứu, phê bình văn học, trong học tập và giảng dạy văn học từ bậc phổ thông đến bậc đại học, trong công tác biên tập, truyền thông và nghiên cứu khoa học. Học phần Ngôn ngữ Văn học Việt Nam là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, nhằm giúp học viên cao học nghiên cứu, nâng cao các kỹ năng nhận diện và phân tích các vấn đề về ngôn ngữ Văn học Việt Nam trong quá trình giảng dạy ở phổ thông, đại học, công tác biên tập, truyền thông, nghiên cứu khoa học và hoạt động giao tiếp xã hội. Bên cạnh đó, học phần nhằm giúp người học chủ động nghiên cứu và làm việc độc lập, xác định được vị trí của ngôn ngữ Văn học Việt Nam trong ngôn ngữ văn học dân tộc, vai trò của ngôn ngữ Văn học Việt Nam trong việc phát triển tiếng Việt, có ý thức giữ gìn ngôn ngữ dân tộc, phát huy những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO 2-3, 5-6, 8-9.

27. Học phần 27:

- Tên học phần: **Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ**
- Mã học phần: MVL.823
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Trong chương trình Đại học (của chuyên ngành *Ngữ văn*, hoặc *Sư phạm Ngữ văn*), học viên chưa được tiếp cận học phần này. Học phần sẽ trang bị cho học viên kiến thức về các nguyên lý, phương pháp, quy trình, kỹ thuật tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ nói chung và dạy tiếng Việt (như một) ngoại ngữ nói riêng. Học phần tạo điều kiện cho học viên vận dụng kiến thức đã tích lũy được nhằm tập trung xây dựng, thiết kế khả thi, phù hợp các hoạt động giáo dục Việt ngoại ngữ trong điều kiện thực tế. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

28. Học phần 28:

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học ứng dụng**
- Mã học phần: MVL.824
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần này (chưa được triển khai ở các chương trình đào tạo bậc đại học liên quan) sẽ trang bị cho học viên kiến thức về các lĩnh vực của ngôn ngữ học ứng dụng. Học phần tạo điều kiện cho học viên vận dụng kiến thức liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện phù hợp, hữu ích các đề tài nghiên cứu về mức độ ứng dụng của tiếng Việt trong giao tiếp thông thường và các hoạt động dạy học tiếng Việt. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

29. Học phần 29:

- Tên học phần: **Kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông**
- Mã học phần: MVL.825
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần này (chưa được triển khai ở các chương trình đào tạo bậc đại học liên quan) sẽ trang bị cho học viên những quy định, nguyên tắc, căn cứ, mô hình định hướng phân tích, đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông nói chung và năng lực tiếng Việt cấp trung học phổ thông nói riêng trong Chương trình giáo dục phổ thông (2018). Học phần tạo điều kiện cho học viên vận dụng kiến thức đã tích lũy được nhằm tập trung xây dựng, thiết kế khả thi, phù hợp các dạng thức kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt cấp trung học phổ thông (căn cứ trên những mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018). Học phần đóng góp vào việc giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

30. Học phần 30:

- Tên học phần: **Phân tích, đánh giá ngữ liệu dạy tiếng Việt ở trường phổ thông**
- Mã học phần: MVL.813
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần này (chưa được triển khai ở các chương trình đào tạo bậc đại học liên quan) sẽ trang bị cho học viên những quy định, nguyên tắc, căn cứ, mô hình định hướng phân tích, đánh giá nhằm chủ động xây dựng và đưa vào sử dụng ngữ liệu dạy học tiếng Việt nói riêng và môn Ngữ văn nói chung trong Chương trình giáo dục phổ thông (bắt đầu từ 2018). Các ngữ liệu này đã được biên soạn sẵn trong các bộ sách giáo khoa hiện hành hoặc từ các nguồn tài nguyên/kênh nguồn ngữ liệu sẵn có khác. Học phần tạo điều kiện cho học viên vận dụng kiến thức đã tích lũy được nhằm tập trung nghiên cứu, phân tích và đánh giá tính phù hợp của các ngữ liệu được giới thiệu trong sách giáo khoa Ngữ văn cấp trung học phổ thông, căn cứ trên những mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông đã ban hành. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3-4, 7-8-9.

31. Học phần 31:

- Tên học phần: **Tự diễn học ứng dụng**
- Mã học phần: MVL.832
- Số tín chỉ: 03

- Tổng quan về học phần:

Học phần này (chưa được triển khai ở các chương trình đào tạo bậc đại học liên quan trước) sẽ trang bị cho học viên kiến thức lý thuyết về tự điển học ứng dụng. Cụ thể là lý thuyết chuyên biệt về đối tượng nghiên cứu, các định hướng tiếp cận, phương pháp xây dựng tự điển, v.v... Học phần tạo điều kiện cho học viên vận dụng kiến thức liên quan thiết kế, tổ chức xây dựng, biên soạn tự điển (quy mô hẹp) tiếng Việt phổ quát/chuyên sâu về các lĩnh vực thiết thực trong thực tế. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

32. Học phần 32:

- Tên học phần: **Thực tập 1**
- Mã học phần: MVL.826
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần này giới thiệu cho học viên hiểu rõ vị trí, vai trò của hoạt động thực tập 1 cũng như những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho một cuộc nghiên cứu thực tế ngôn ngữ học tại thực địa; hiểu được các khái niệm cơ bản của nghiên cứu thực tế ngôn ngữ học; hiểu được vai trò của con người trong hoạt động nghiên cứu thực tế; nắm được cách chuẩn bị, tổ chức, thực hiện một cuộc nghiên cứu thực tế ngôn ngữ học; có được một số kỹ năng để tiến hành nghiên cứu thực tế ngôn ngữ học.

33. Học phần 33:

- Tên học phần: **Thực tập 2**
- Mã học phần: MVL.827
- Số tín chỉ: 03
- Tổng quan về học phần:

Học phần bao gồm các nội dung: Lập kế hoạch thực tập; Nội dung thực tập; Thu thập và xử lý dữ liệu và thuộc khối kiến thức thực tập.

34. Học phần 34:

- Tên học phần: **Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ/ Đề án tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp**
- Mã học phần: MVL.800
- Số tín chỉ: 09
- Tổng quan về học phần:

Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp thạc sĩ: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021-TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, ban hành theo Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

PHẦN II

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

HỌC PHẦN 1: TRIẾT HỌC

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Triết học**
- Mã học phần: GPS.801
- Số tín chỉ: 04, Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 150 (60/0/90)
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Giáo dục Chính trị, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần

Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.

3. Tổng quan về học phần

Chương trình môn Triết học gồm 4 chương: Chương 1 gồm các đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông (trong đó có tư tưởng triết học Việt Nam, ở mức giản lược nhất) và triết học Mác. Chương 2 gồm các nội dung nâng cao về triết học Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó. Chương 3 đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Chương 4 phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống con người.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO1	Phân tích được khái niệm triết học, phân biệt được sự khác nhau giữa triết học phương Đông và triết học phương Tây.	PLO1	4/6
CLO2	Áp dụng được các kiến thức cơ bản của triết học Mác-Lênin vào hoạt động nghề nghiệp.	PLO1	3/6
CLO3	Áp dụng được mối <i>quan</i> hệ giữa triết học và khoa học trong lịch sử và đương đại.	PLO1	3/6

CL04	Đánh giá được vai trò của khoa học - công nghệ đối với phát triển xã hội.	PLO1	5/6
4.2. Kỹ năng			
CLO5	Tiên đoán được triết học sự phát triển của các xu hướng khoa học.	PLO4	4/5
CLO6	Thành thạo các phương pháp khái quát của khoa học tự nhiên hiện đại.	PLO5	4/5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO7	Thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng.	PLO8	4/5
CLO8	Bảo vệ được chính kiến thông qua phản biện khoa học.	PLO8	4/5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Khái luận về triết học 1.1. Triết học là gì? 1.2. Triết học phương Đông và triết học phương Tây	14	0	28	CL01 CL07	Thuyết trình Giải quyết vấn đề Dự án Dạy học hợp tác	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.
Chương 2. Triết học Mác - Lênin 2.1. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin 2.2. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật 2.3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.4. Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	0	28	CL02 CL07	Thuyết trình Giải quyết vấn đề Dự án Dạy học hợp tác	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.

2.5. Triết học Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay						
Chương 3. Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học 3.1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học 3.2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học	12	0	24	CL03 CL05 CL06 CL07 CL08	Thuyết trình Giải quyết vấn đề Dự án Dạy học hợp tác	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.
Chương 4. Vai trò của khoa học công nghệ trong phát triển xã hội 4.1. Ý thức khoa học 4.2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội 4.3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam	10		20	CL04 CL05 CL06 CL07 CL08	Thuyết trình Giải quyết vấn đề Dự án Dạy học hợp tác	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.
Tổng:	45	0	90			

6. Yêu cầu đối với người học

STT	Các điểm quy định	Nội dung
1	Thái độ học tập	Đi học đúng giờ, đầy đủ, đóng góp ý kiến xây dựng bài, tích cực tham gia thảo luận nhóm.
2	Chuẩn bị	Chuẩn bị tốt bài học trước khi lên lớp, thực hiện tốt những yêu cầu và nhiệm vụ của GV đã giao.
3	Tự học	Xác định được mục tiêu của môn học, lựa chọn phương pháp tự học phù hợp, tham khảo các tài liệu được giới thiệu và tự tìm đọc các tài liệu có liên quan.
4	Làm kiểm tra	Làm bài kiểm tra theo quy định của GV.
5	Tham gia hoạt động	Tham dự lớp học ít nhất 80% tổng số giờ môn học. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	Bài kiểm tra/Bài tập nhóm	CLO2 CLO3	Chương 2, 3	Đáp ứng yêu cầu	0.4
2	Thi kết thúc/Tiểu luận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Chương 1, 2, 3, 4	Đáp ứng yêu cầu	0.6

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Triết học (Dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ)</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Doãn Chính (Chủ biên) (2022), <i>Lịch sử triết học phương Đông Cổ Đại</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Klaus Schwab (2018), <i>Cách mạng công nghiệp lần thứ tư</i> , NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Lê Văn Tùng

Số điện thoại: 0913163681; Email: levantung@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. Lương Thanh Tân

Số điện thoại: 0918316791; Email: lttan@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 2: TIẾNG ANH

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Tiếng Anh**
- Mã học phần: **GEP.801**
- Số tín chỉ: 6. Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 300 (60/60/180)
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Ngôn ngữ Anh, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có thể đạt được kiến thức và kỹ năng cần thiết tương đương trình độ B1+ theo Khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam (theo Thông tư số 10/2011/TT- BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Tổng quan về học phần

Học phần Tiếng Anh giúp người học có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí; Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh; Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình. Qua đó, người học được luyện tập và phát triển các khả năng đồng thời vận dụng được vào việc làm bài thi các môn kỹ năng theo quy định về chuẩn đầu ra của bậc học thạc sĩ.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO1	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) ở trình độ B1+ vào các kỹ năng nghe, đọc để tri nhận ngôn ngữ và các kỹ năng nói, viết để thực hiện các giao tiếp trong đời sống và trong nghiên cứu.	PLO1	3
CLO2	Vận dụng những hiểu biết về kỹ năng nghe, đọc lấy ý chính và thông tin chi tiết để tri nhận kiến thức; các kỹ năng nói để giao tiếp và kỹ năng viết như viết đoạn, viết thư và viết bài luận để thực hiện các giao tiếp và nghiên cứu.	PLO1	3

4.2. Kỹ năng			
CLO3	Vận dụng một cách linh hoạt kỹ năng tri nhận: nghe và đọc ý chính, ý chi tiết hoặc ý suy luận ở trình độ B1+.	PLO5	4
CLO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng nói để trả lời câu hỏi, trình bày ý kiến hoặc chủ đề; kỹ năng viết đoạn, viết thư phản hồi và viết bài luận.	PLO7	5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Nhận thức đúng đắn, đầy đủ về tầm quan trọng của môn học.	PLO8	3
CLO6	Có tinh thần tự giác thông qua nghiên cứu tài liệu, đọc sách báo và hoàn thành bài tập tự học.	PLO8	3

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Giới thiệu về cấu trúc, nội dung chương trình, định dạng bài thi chuẩn VSTEP	02	02	06	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Giới thiệu, hướng dẫn.	Lắng nghe, làm bài tập.
Chương 1. Self and family 1.1. Listening 1.1.1. Listen and choose the correct answers 1.1.2. Match the answers about family members 1.2. Speaking 1.2.1. Talk about family members 1.2.2. Talk about your family 1.3. Reading 1.3.1. Read the texts about family members	08	08	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp. Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết.	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp. Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu.

1.3.2. Guess meanings from contexts 1.4. Writing 1.4.1. Complete the form with information about yourself 1.4.2. Write a short paragraph about yourself					Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm. Cho bài tập về nhà	Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.
Chương 2. House and home 1.1. Listening 1.1.1. Listen and describe apartment 1.1.2. Listen about where people live 1.2. Speaking 1.2.1. Talk about your house 1.2.2. Describe your dream house 1.3. Reading 1.3.1. Read about Cyril Jean and his house 1.3.2. Read the text and choose the correct answer 1.4. Writing 1.4.1. Write a description about your house 1.4.2. Write an opinion paragraph	08	08	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm Cho bài tập về nhà	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.
Chương 3. Free time activities 1.1. Listening 1.1.1. Listen to people talking about entertainment 1.1.2. Listen to people talking to friends about the weekends 1.2. Speaking	08	08	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các

1.2.1. Talk about your free evenings 1.2.2. Talk about your free time activities 1.3. Reading 1.3.1. Read the information about what they do in their free times 1.3.2. Complete the interview 1.4. Writing 1.4.1. Write a paragraph 1.4.2. Write an email					qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm Cho bài tập về nhà	hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.
Chương 4. Hometown 1.1. Listening 1.1.1. Listen to people talking about cities 1.1.2. Listen to people describing their place 1.2. Speaking 1.2.1. Read the passage about Newquay 1.2.2. Talk about your hometown 1.3. Reading 1.3.1. Read the text about Jenny's hometown 1.3.2. Read about description on your area or neighborhood 1.4. Writing 1.4.1. Write a phrase in the correct group 1.4.2. Write a letter	08	08	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp. Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm. Cho bài tập về nhà.	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.
Chương 5. Jobs 1.1. Listening	08	08	24	CLO1 CLO2 CLO3	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp

1.1.1. Listen to people talking about their work 1.1.2. Listen to people talking about what they like or dislike about their jobs 1.2. Speaking 1.2.1. Talk about your daily routine 1.2.2. Talk about your job 1.3. Reading 1.3.1. Read the description about jobs 1.3.2. Read and choose the best heading 1.4. Writing 1.4.1. Sentences completion 1.4.2. Write a letter applying for a job				CLO4 CLO5 CLO6	các hoạt động trên lớp Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm Cho bài tập về nhà	Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.
Chương 6. Foods and drinks 1.1. Listening 1.1.1. Listen to people's order 1.1.2. Listen to people talking about meals they had at the restaurant 1.2. Speaking 1.2.1. Talk about your lunch 1.2.2. Talk about your favorite food and drinks 1.3. Reading 1.3.1. Read the text about food around the world 1.3.2. Read and match the headings 1.4. Writing 1.4.1. Write a short paragraph	08	08	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm Cho bài tập về nhà	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.

1.4.2. Write a letter to request information						
Chương 7. Travelling and holidays 1.1. Listening 1.1.1. Listen to people talking about their friends and where they stay on holiday 1.1.2. Listen to people talking about the school trip 1.2. Speaking 1.2.1. Read the passage about different people in different countries 1.2.2. Talk about your trip 1.3. Reading 1.3.1. Read the text about Silk Route Bike Tour 1.3.2. Read the email 1.4. Writing 1.4.1. Write a paragraph 1.4.2. Write a formal letter to request information	08	08	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm Cho bài tập về nhà	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.
Kiểm tra kết thúc học phần	02	02	06			
Tổng:	60	60	180			

6. Yêu cầu đối với người học

- Tham gia đầy đủ các buổi học; chủ động tương tác, đóng góp ý kiến, xây dựng bài học.
- Hoàn thành các bài tự học, bài luyện tập và bài tập theo yêu cầu.
- Đóng góp ý kiến và tương tác với bạn cùng lớp và giảng viên trên nền tảng LMS trên tinh thần xây dựng.
- Thực hiện các bài tập lớn, bài làm cuối kỳ đúng hạn.
- * Điều kiện tham gia đánh giá kết thúc học phần:
 - Tham dự ít nhất 80% số tiết lý thuyết, 100% số tiết thực hành, bao gồm cả phần trực tuyến và trực tiếp.

- Hoàn thành ít nhất 80% bài tự học; chuẩn bị bài học, nội dung thảo luận theo phân công cho bài tập nhóm.

- Có điểm quá trình từ 5 trở lên.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
7.1	Tham gia các hoạt động trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Chương 1 Chương 2 Chương 3 Chương 4 Chương 5 Chương 6 Chương 7	- Tham gia đầy đủ các buổi học theo quy định, hoàn thành các bài tập tự học. - Tích cực phát biểu ý kiến, đóng góp bài trong các hoạt động trên lớp	10%
7.2	Kiểm tra thường kỳ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Chương 1 Chương 2 Chương 3 Chương 4 Chương 5 Chương 6 Chương 7	- Hoàn thành các bài tập (exercises), bài tự học (self-study), tham gia thảo luận trên các diễn đàn (discussion posts), các video clip nói	20%
7.3	Kiểm tra thường kỳ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Chương 1 Chương 2 Chương 3 Chương 4 Chương 5 Chương 6 Chương 7	Kiểm tra kỹ năng Đọc và kỹ năng Viết	20%
7.3	Kiểm tra cuối khóa học: (Thực hiện 1 trong 2 hình thức sau)				

				trong thời gian 30 phút	
--	--	--	--	-------------------------	--

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Thạch, P. N. & cs (2022), <i>Tiếng Anh cơ bản (Bài giảng dành cho các lớp cao học)</i> , Trường Đại học Đồng Tháp	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Betsis, A., Delafuente, S. & Haughton, S. (2012). <i>Succeed in IELTS Speaking & Vocabulary</i> . Global ELT LTD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Falla, T. & Davies, A. (2010). <i>Solutions</i> . Oxford University Press	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Heyderman, E. & Treloar, F. (2016). <i>Compact keys for school: Student's book</i> . Cambridge University Press	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Jack, C. & Richards, F. (2003). <i>Tactics for Listening: Student's book</i> . Oxford University Press	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Lê Thanh Nguyệt Anh

Số điện thoại: 0829 898 188; Email: ltnanh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. Phan Ngọc Thạch

Số điện thoại: 0989 606 999; Email: pnthach@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 3: TS. Lê Hồng Phương Thảo

Số điện thoại: 0909 059 419; Email: lhpthao@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 3: PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ**
- Mã học phần: MVL.801
- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30 (20/10/70)
- Số tiết trực tuyến: 15; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 15
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể:

Phân tích được các phương pháp luận áp dụng trong nghiên cứu ngôn ngữ học; các thủ pháp, quy trình và hành vi đạo đức chuẩn mực áp dụng trong hoạt động nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam.

Thiết kế được một đề cương công trình nghiên cứu độc lập, hoàn chỉnh về ngôn ngữ Việt Nam (có quy mô tương đương đề tài luận văn tốt nghiệp thạc sĩ).

Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

3. Tổng quan về học phần

Đây là một trong những học phần cơ sở ngành bắt buộc của chương trình đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam. Học viên nói chung chưa được tiếp cận các nội dung có tính hệ thống, chuyên sâu định hướng nghiên cứu ngôn ngữ học áp dụng vào tiếng Việt ở bậc đại học trước đó. Do vậy, học phần này sẽ giúp học viên nắm vững các cơ sở lý thuyết làm nền tảng cho quá trình tiếp thu các tri thức nâng cao về ngôn ngữ học tổng quát và có đủ năng lực xây dựng, triển khai thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể định hướng ứng dụng liên quan đến ngôn ngữ Việt Nam. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Phân tích được các lý thuyết, phương pháp, mô hình nghiên cứu ngôn ngữ học phổ quát: định tính và định lượng;	PLO2	4

CLO 2	Vận dụng kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ học để thiết kế đề tài nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ Việt Nam;	PLO3	5
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Phát hiện và luận giải được các vấn đề liên quan về ngôn ngữ học và tiếng Việt.	PLO5 PLO6	4
CLO 4	Thiết kế được đề tài nghiên cứu cụ thể áp dụng vào ngôn ngữ Việt Nam;		
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	PLO8 PLO9	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Những vấn đề cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học 1.1. Khoa học 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.2. Phân loại khoa học 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.2.1. Khái niệm, chức năng, mục tiêu của nghiên cứu khoa học 1.2.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học và phân loại nghiên cứu khoa học	10		20	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 1
Chương 2. Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ 2.1. Phương pháp nghiên cứu định lượng 2.1.1. Nghiên cứu thực nghiệm	5	5	20	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi	Đọc tài liệu nội dung Chương 2, hoàn thành sản

2.1.2. Nghiên cứu khảo sát 2.2. Nghiên cứu định tính 2.2.1. Phỏng vấn 2.2.2. Nghiên cứu văn bản 2.3. Nghiên cứu kết hợp định lượng và định tính					(iii) Thảo luận cặp/nhóm	phẩm học tập được giao
Chương 3. Đề tài nghiên cứu khoa học 3.1. Các khái niệm cơ bản 3.2. Yêu cầu của một đề tài nghiên cứu khoa học 3.3. Xây dựng đề cương đề tài 3.4. Triển khai thực hiện 3.5. Viết báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài 3.6. Báo cáo đề tài nghiên cứu trước Hội đồng đánh giá, nghiệm thu	5	5	30	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 3, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Tổng:	20	10	70			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Thực hiện và nộp báo cáo kết quả học tập đúng thời gian quy định.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá	Quy định	Trọng số
Đánh giá quá trình	Tham gia các hoạt động học tập	CLO1-2 CLO5	Chương 1, 2	Tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài lớp	0.2
	Báo cáo Đề cương nghiên cứu	CLO3	Chương 3	Báo cáo trực tiếp trong lớp	0.3

Đánh giá cuối kì	Bài tiểu luận	CLO4	Chương 1, 2, 3	Đúng theo quy định về nội dung và hình thức; nộp đúng thời hạn.	0.5
------------------	---------------	------	----------------	---	-----

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thiện Giáp (2015), <i>Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ</i> , Hà Nội: Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Nguyễn Thiện Giáp (2009), <i>Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ</i> , Hà Nội: Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên) (2017), <i>Lược sử Việt ngữ học</i> , Hà Nội: NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Antony Easthope, <i>Văn học trong văn hoá học</i> (2023) (<i>Bản dịch tiếng Việt</i>), Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS. Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944.970.046; Email: dmhung@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 4: NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học tri nhận**
- Mã học phần: MV.L.802
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu, đường hướng tiếp cận và những thủ thuật để phân tích các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ học tri nhận; vận dụng các kiến thức từ môn học để nhận diện và lý giải được những hiện tượng ngôn ngữ học tri nhận trong tiếng Việt và các ngôn ngữ khác. Đồng thời, có thái độ nghiêm túc trong việc xem xét mối quan hệ hữu cơ giữa quá trình nhận thức, tư duy và năng lực ngôn ngữ. Qua đó, tiếp tục ra sức học tập, nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt cũng như ngoại ngữ để đồng thời nâng cao năng lực nhận thức của bản thân.

3. Tổng quan về học phần

Học phần này chưa được giảng dạy trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần sẽ giới thiệu và thảo luận về vị trí, vai trò, những khái niệm, lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu của ngôn ngữ học tri nhận. Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về sự nhận thức của con người và những biểu hiện khác nhau của nó trong các ngôn ngữ khác nhau, những ý niệm ẩn chứa trong cấu trúc ngôn ngữ khác nhau. Đây là học phần khá mới mẻ nên có nhiều triển vọng phát triển nghiên cứu sâu hơn ở bậc đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Phân tích được đối tượng, mục đích, những giá trị, phạm vi nghiên cứu, mối quan hệ nhận thức, tư duy của con người về thế giới khách quan và sự thể hiện tri nhận trong ngôn ngữ.	PLO2	4
CLO2	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu, những thủ thuật để phân tích các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ học tri nhận.	PLO3	4

4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Biết vận dụng các kiến thức về ý niệm, ẩn dụ tri nhận, “dĩ nhân vi trung”... để nhận diện và lý giải được những hiện tượng ngôn ngữ học tri nhận trong tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.	PLO6	5
CLO 4	Phát triển kỹ năng phát hiện và tiến hành nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ học tri nhận trong tiếng Việt và ngoại ngữ.	PLO5	5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 5	Có thái độ nghiêm túc trong việc xem xét mối quan hệ hữu cơ giữa quá trình nhận thức, tư duy và năng lực ngôn ngữ. Qua đó, tiếp tục ra sức học tập, nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt cũng như ngoại ngữ để đồng thời nâng cao năng lực nhận thức của bản thân.	PLO8	5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận 1.1. Ba hình hệ - ba cuộc cách mạng trong ngôn ngữ học thế giới thế kỉ XX 1.1.1. Ngôn ngữ học cấu trúc. Những đại diện tiêu biểu: F. de Saussure, N. Chomsky 1.1.2. Ngôn ngữ học chức năng - dụng học. Những đại diện tiêu biểu: Morris, G. Searle 1.1.3. Ngôn ngữ học tri nhận. Những đại diện tiêu biểu: G. Lakoff & M. Johnson 1.2. Một số khái niệm quan trọng 1.2.1. Tri nhận 1.2.2. Tri nhận và tri giác	5	2	17	CLO1 CLO2	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm mục 1.2. - Làm việc cá nhân	- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà

1.2.3. Hoạt động tri nhận 1.2.4. Phân tích ngữ nghĩa tri nhận 1.2.5. Tri nhận và biểu trưng hóa						
Chương 2. Sự ra đời ngôn ngữ học tri nhận 2.1. Nhân chủng học tri nhận 2.2. Tâm lí học tri nhận 2.3. Văn hóa học tri nhận 2.4. Trí tuệ nhân tạo 2.5. Ngôn ngữ học tri nhận: đối tượng, phạm vi nghiên cứu	4	2	14	CLO1 CLO2	- Giảng lý thuyết - Hướng dẫn làm bài tập - Chuẩn bị bài tập hỗ trợ kỹ năng	- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà
Chương 3. Ý niệm 3.1. Ý niệm và khái niệm 3.2. Cấu trúc của ý niệm 3.3. Ý niệm hóa thế giới 3.4. Vai trò của tri giác trong ý niệm hóa thế giới 3.5. Biểu tượng tinh thần, từ vựng tinh thần	7	3	24	CLO3 CLO4 CLO5	- Giảng lý thuyết - Hướng dẫn làm bài tập - Báo cáo nhóm mục 3.1 và mục 3.3	- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà
Chương 4. Ấn dụ tri nhận 4.1. Ấn dụ theo nghĩa chung 4.2. Ấn dụ tri nhận 4.3. Ấn dụ tri nhận cấu trúc 4.4. Ấn dụ tri nhận định hướng 4.5. Ấn dụ tri nhận bản thể 4.6. Ấn dụ tri nhận vật chứa 4.7. Cơ sở kinh nghiệm và văn hóa của ấn dụ tri nhận	6	4	22	CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm mục 1.2. - Làm việc cá nhân	- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà
Chương 5. Một số vấn đề phương pháp luận của ngôn ngữ học tri nhận 5.1. “Dĩ nhân vi trung” 5.2. Kinh nghiệm luận. Ấn dụ	6	4	22	CLO3 CLO4 CLO5	- Giảng lý thuyết - Hướng dẫn làm bài tập	- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà

và vấn đề chân lí 5.3. Vấn đề tri nhận không gian và sự biểu đạt trong ngôn ngữ 5.4. Ngôn ngữ thường nhật					- Báo cáo nhóm mục 5.3.	
<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO3 CLO4 CLO5	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	Đánh giá thường xuyên				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Chương 1, 2, 3, 4, 5	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì/ Báo cáo nhóm	CLO3 CLO4 CLO5	Chương 3, 4, 5	Nội dung trọng tâm của các phần	
2	Đánh giá kết thúc học phần	CLO2 CLO3 CLO4	Chương 3, 4, 5	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5

	(thi tự luận/ bài tập lớn)	CLO5			
--	----------------------------	------	--	--	--

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Văn Cơ (2007), <i>Ngôn ngữ học tri nhận</i> (Ghi chép và suy nghĩ), NXB Khoa học Xã hội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Lý Toàn Thắng (2009), <i>Ngôn ngữ học tri nhận, từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt</i> , NXB Phương Đông, TP.HCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	David Lee (2016), <i>Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận</i> (Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hoàng An dịch), NXB ĐHQGHN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Trần Đức Hùng, Trần Thanh Vân (2019), <i>Từ địa phương trong thơ ca dân gian Nam Bộ, những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa</i> , NXB Khoa học Xã hội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Đức Hùng

Số điện thoại: 0988682643; Email: tdhung@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: PGS.TS. Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944970046; Email: dmhung@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 5: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Những vấn đề về ngữ pháp chức năng**
- Mã học phần: MVL.803
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ 150 (30LT/15ThH/105TH)
- Số tiết trực tuyến: 15; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 30
- Học phần điều kiện (*nếu có*):...
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về ngữ pháp và ngữ pháp chức năng tiếng Việt, tạo lập đúng các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp.

Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về Ngữ pháp học và ngữ pháp chức năng để phân tích, tạo lập các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu, giảng dạy Tiếng Việt.

Nhận thức được vai trò, ý nghĩa quan trọng của việc học tập, nghiên cứu môn học. Ý thức được sự cần thiết nghiên cứu chuyên sâu về ngữ pháp chức năng tiếng Việt làm cơ sở việc tiếp tục học tập, nghiên cứu tiếng Việt nói riêng và ngôn ngữ nói chung.

3. Tổng quan về học phần

Đây là chuyên đề bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành. Chuyên đề này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngữ pháp chức năng tiếng Việt như: câu, ngữ đoạn và từ loại trong tiếng Việt. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các nguyên tắc, kỹ thuật phân tích câu, ngữ đoạn và từ loại tiếng Việt. Thành thạo những nguyên tắc, thủ thuật phân tích câu, ngữ đoạn và từ loại tiếng Việt giúp cho người học nâng cao được năng lực giảng dạy, học tập và nghiên cứu tiếng Việt.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Thuyết giải được những lĩnh vực, những yếu tố chung và yếu tố đặc thù của ngữ pháp chức năng	PLO2	4
CLO 2	Tổng hợp, vận dụng hiệu quả các kiến thức chuyên sâu, cần thiết về ngữ pháp chức năng	PLO3	5

	năng tiếng Việt, từ đó lí giải được cơ sở khoa học của quá trình tạo lập các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp.		
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Sử dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu ngữ pháp chức năng vào việc dạy học và nghiên cứu tiếng Việt.	PLO5	4
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO4	Có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, trung thực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	PLO8	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Câu trong tiếng Việt 1.1. Cấu trúc cú pháp của câu 1.1.1. Cấu trúc đề - thuyết trong câu tiếng Việt 1.1.2. Phương tiện đánh dấu sự phân chia đề - thuyết 1.1.3. Đề 1.1.4. Quan hệ về nghĩa giữa đề và thuyết 1.1.5. Tình thái, siêu đề và thuyết giả 1.1.6. Thành phần phụ của câu: Trạng ngữ 1.1.7. Các vế câu phụ 1.2. Phân loại câu theo cấu trúc cú pháp	20	10	70	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tiếp.	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - <i>Cấu trúc cú pháp của câu</i> - <i>Phân loại câu theo cấu trúc cú pháp</i> - <i>Câu trong ngôn bản</i> - <i>Nghĩa của câu</i> - <i>Phân loại câu theo hành động ngôn trung</i>

1.2.1. Câu hai phần 1.2.2. Câu một phần 1.2.3. Câu đặc biệt 1.2.4. Vấn đề câu đơn, câu phức và câu ghép 1.3. Câu trong ngôn bản (văn bản) 1.3.1. Mạch lạc trong ngôn bản (văn bản) và liên kết câu 1.3.2. Những phương tiện ngôn ngữ liên kết câu 1.4. Nghĩa của câu 1.4.1. Nghĩa và sở chỉ 1.4.2. Cấu trúc thông báo 1.4.3. Hiện ngôn và hàm ngôn 1.4.4. Phân loại câu theo nghĩa biểu hiện 1.5. Phân loại câu theo hành động ngôn trung 1.5.1. Hành động ngôn trung 1.5.2. Các loại câu theo hành động ngôn trung						
Chương 2. Ngữ đoạn và từ loại 2.1. Ngữ đoạn 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Phân loại ngữ đoạn 2.1.3. Phương pháp phân tích ngữ đoạn 2.1.4. Các ngữ đoạn trong câu 2.1.4.1. Ngữ vị từ	10	05	35	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tuyến	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - Khái niệm ngữ đoạn - Các ngữ đoạn trong câu - Từ loại và cách phân định từ loại

2.1.4.2. Ngữ danh từ						
2.1.4.3. Lượng ngữ						
2.1.4.4. Tình thái từ						
2.2. Từ loại						
2.2.1. Từ và tư cách ngữ pháp của từ						
2.2.2. Từ loại và cách phân định từ loại						
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Tham dự từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	MT/CDR	Quy định	Trọng số
1	Đánh giá thường xuyên	CLO1, CO2, CLO3, CLO4	Thực hiện bài tập/báo cáo, thảo luận trong quá trình học	0.5
			Bài kiểm tra (cá nhân)	
2	Đánh giá kết thúc học phần	CLO1, CLO2	Thi tự luận 120 phút/ Làm Bài tập lớn	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Cao Xuân Hạo (2017), <i>Tiếng Việt: sơ thảo ngữ pháp chức năng</i> , NXB KHXH, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Diệp Quang Ban (2005), <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

3	Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp, (2004), <i>Thành phần câu tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Cao Xuân Hạo (2017), <i>Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm ngữ pháp ngữ nghĩa</i> , NXB KHXH, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Hoàng Anh

Số điện thoại: 0979.671.678; Email: thanh@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 6: LỊCH SỬ VÀ LOẠI HÌNH TIẾNG VIỆT

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Lịch sử và Loại hình tiếng Việt**
- Mã học phần: MVL.804
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ 150 (30LT/15ThH/105TH)
- Số tiết trực tuyến: 20; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 25
- Học phần điều kiện (*nếu có*):...
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về lịch sử và loại hình tiếng Việt như nguồn gốc tiếng Việt, các giai đoạn lịch sử trong quá trình phát triển của tiếng Việt với các đặc điểm về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; đặc điểm loại hình tiếng Việt.

Sử dụng thành các kiến thức chuyên sâu về lịch sử và loại hình tiếng Việt để tổng hợp và ứng dụng chúng vào nghiên cứu về ngôn ngữ nói chung, ngôn ngữ Việt Nam nói riêng, hoạt động giao tiếp xã hội, dạy học ngữ văn. Sử dụng hiệu quả kỹ năng phân tích, đánh giá, lý giải các vấn đề lịch sử và loại hình tiếng Việt ở một số lĩnh vực khác của khoa học xã hội và nhân văn.

Nhận thức được vai trò, ý nghĩa quan trọng của việc học tập, nghiên cứu môn học. Ý thức được sự cần thiết nghiên cứu chuyên sâu về lịch sử và loại hình tiếng Việt làm cơ sở việc tiếp tục học tập, nghiên cứu tiếng Việt nói riêng và ngôn ngữ nói chung.

3. Tổng quan về học phần

Đây là chuyên đề tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành. Chuyên đề này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lịch sử và loại hình tiếng Việt như: nguồn gốc tiếng Việt, các giai đoạn lịch sử trong quá trình phát triển của tiếng Việt với các đặc điểm về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; đặc điểm loại hình tiếng Việt. Bên cạnh đó, người học cũng được trang bị các nguyên tắc, kỹ thuật vận dụng các tri thức trên vào việc nghiên cứu, học tập và giảng dạy Ngữ văn.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO1	Tổng hợp, vận dụng hiệu quả các kiến thức chuyên sâu, cần thiết về ngữ pháp chức năng tiếng Việt, từ đó lý giải được cơ sở khoa học của	PLO2	5

	quá trình tạo lập các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp.		
4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức			
CLO2	Sử dụng hiệu quả kỹ năng phân tích, đánh giá, lí giải các vấn đề về lịch sử và loại hình tiếng Việt ở một số các lĩnh vực khác thuộc ngành khoa học xã hội và nhân văn	PLO6	4
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO3	Đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu; đánh giá hiệu quả hoạt động học tập và nghiên cứu.	PLO8	4
CLO4	Tác phong làm việc độc lập, khoa học.	PLO9	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1: Lịch sử tiếng Việt 1.1. Nguồn gốc và quan hệ họ hàng của tiếng Việt 1.1.1. Các quan niệm về nguồn gốc của tiếng Việt 1.1.2. Quan niệm được chấp nhận phổ biến hiện nay về nguồn gốc và quan hệ họ hàng của tiếng Việt 1.2. Các giai đoạn lịch sử của tiếng Việt 1.2.1. Một số cách phân kì lịch sử tiếng Việt 1.2.2. Đặc điểm của các giai đoạn lịch sử tiếng Việt 1.3. Vấn đề bảo vệ và phát triển tiếng Việt hiện nay 1.3.1. Tiếng Việt giàu và đẹp 1.3.2. Vấn đề bảo vệ và phát triển tiếng Việt hiện nay	15	10	55	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tiếp.	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - Nguồn gốc và quan hệ họ hàng tiếng Việt - Các giai đoạn lịch sử của tiếng Việt - Vấn đề bảo vệ và phát triển tiếng Việt hiện nay

Chương 2: Loại hình tiếng Việt 2.1. Các loại hình ngôn ngữ trên thế giới 2.1.1. Loại hình ngôn ngữ hoà kết (khuất chiết) 2.1.2. Loại hình ngôn ngữ chấp dính 2.1.3. Loại hình ngôn ngữ lập khuôn 2.1.4. Loại hình ngôn ngữ đơn lập 2.2. Đặc điểm loại hình tiếng Việt 2.2.1. Tính phân tiết (âm tiết) 2.2.2. Từ không biến hình 2.2.3. Các phương thức ngữ pháp của tiếng Việt nằm ngoài bản thân từ	15	05	50	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tuyến	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - Các loại hình ngôn ngữ trên thế giới - Đặc điểm loại hình tiếng Việt
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Tham dự từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	MT/CĐR	Quy định	Trọng số
1	Đánh giá thường xuyên	CLO1, CO2, CLO3, CLO4	Thực hiện bài tập/báo cáo, thảo luận trong quá trình học	0.5
			Bài kiểm tra (cá nhân)	
2	Đánh giá kết thúc học phần	CLO1	Thi tự luận 120 phút/ Làm Bài tập lớn	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Trí Dồi (2007), <i>Giáo trình Lịch sử tiếng Việt: Sơ thảo</i> , NXB ĐHQGHN, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	N. Stankevich (1982), <i>Loại hình các ngôn ngữ</i> , NXB ĐH và THCN, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Nguyễn Ngọc San (1993), <i>Tìm hiểu về tiếng Việt lịch sử</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Nguyễn Tài Cẩn (1997), <i>Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt: Sơ thảo</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên) (2017), <i>Lược sử Việt ngữ học</i> , NXB Tri Thức, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Hoàng Anh

Số điện thoại: 0979.671.678; Email: thanh@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 7: ÂM VỊ HỌC VÀ ÂM VỊ HỌC VIỆT NGŨ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Âm vị học và âm vị học Việt ngữ**
- Mã học phần: MVL.805
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần Âm vị học và âm vị học Việt ngữ cung cấp cho học viên cao học chuyên ngành ngôn ngữ Việt Nam những kiến thức vừa cơ bản, vừa chuyên sâu về ngữ âm - âm vị học. Từ những kiến thức lý luận này, học viên có thể vận dụng để xác lập và miêu tả, phân tích các hiện tượng ngữ âm trong tiếng Việt cũng như các ngôn ngữ hữu quan khác. Học phần còn góp phần phát triển kỹ năng nhận biết và khu biệt những tiêu chí miêu tả ngữ âm nói chung và ngữ âm tiếng Việt nói riêng. Đồng thời, nâng cao kỹ năng sử dụng, học tập, giảng dạy và nghiên cứu ngữ âm, âm vị học trong các hoạt động thực tiễn.

3. Tổng quan về học phần

Học phần có tính liên thông từ những kiến thức cơ bản của môn *Ngữ âm tiếng Việt* trong chương trình đại học. Học phần sẽ giới thiệu chuyên sâu và hệ thống các khái niệm có tính phổ quát được sử dụng trong nghiên cứu âm vị học, hệ thống phát âm, cơ sở hình thành và các tiêu chí phân loại âm vị, các quy luật biến đổi của âm vị. Trên cơ sở đó, học phần sẽ giúp người học hiểu chuyên sâu hơn những đặc điểm riêng âm tiết, cấu trúc âm tiết của tiếng Việt và sự thể hiện trong chữ viết. Song song đó, hệ thống âm vị, thanh điệu của tiếng Việt cũng sẽ được giới thiệu và thảo luận trong nội dung môn học. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Phân tích được những yếu tố cấu thành cũng như những đặc điểm chính của hệ thống âm tiết trong ngữ âm tiếng Việt, những tiêu chí miêu tả ngữ âm trong ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng gắn với nhóm các nguyên âm, phụ âm, âm đệm, thanh điệu và những đặc điểm của chúng cũng như sự thể hiện bằng chữ viết trong tiếng Việt để thấy được nét đồng nhất và khu	PLO2	4

	biệt giữa các âm vị; Từ đó, tổng hợp, vận dụng hiệu quả kiến thức liên quan về âm vị học và âm vị học tiếng Việt vào hoạt động giao tiếp, nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt;		
CLO 2	Vận dụng kiến thức về Âm vị học và âm vị học Việt ngữ để nghiên cứu những đề tài liên quan đến ngữ âm tiếng Việt gắn với vùng miền, gắn với hoạt động giao tiếp, gắn với ngôn ngữ nghệ thuật.	PLO3	4
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Sử dụng thành thạo kỹ năng tổng hợp và ứng dụng được kết quả nghiên cứu về ngữ âm tiếng Việt vào hoạt động giao tiếp xã hội, dạy học Ngữ văn và các hoạt động khác;	PLO4	4
CLO 4	Phát triển kỹ năng nhận biết và khu biệt những tiêu chí miêu tả ngữ âm trong ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng;	PLO7	5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 5	Đưa ra được các kết luận chuyên môn về những vấn đề của âm vị học và âm vị học Việt ngữ, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khoa học của những vấn đề mình đưa ra;	PLO8	4
CLO 6	Thấy được vai trò quan trọng của việc nghiên cứu ngữ âm, âm vị học với những đóng góp của nó cho các phân ngành ngôn ngữ khác; tiếp tục ra sức nghiên cứu, học tập và bảo tồn những đặc trưng, tính thống nhất của ngữ âm tiếng Việt, góp phần phát triển sự trong sáng của tiếng Việt.	PLO10	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Tổng quan về ngữ âm - âm vị học 1.1. Các cơ sở tự nhiên và xã hội của ngữ âm 1.2. Cách cấu tạo của âm thanh ngôn ngữ, cơ sở vật	2	2	8	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung:

lý 1.3. Phân loại các âm thanh ngôn ngữ: nguyên âm, phụ âm, bán nguyên âm 1.4. Âm vị và biến thể, nét khu biệt, xác định âm vị và biến thể 1.5. Âm vị và âm tố; siêu đoạn tính; nguyên lý tuyến tính trong âm vị học 1.6. Các hiện tượng ngôn điệu, trọng âm, biến đổi trọng âm 1.7. Phiên âm và chuyển tự					- Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	- Phân biệt nguyên âm và phụ âm - Phân biệt âm tố và âm vị - Phân biệt ngữ điệu và trọng âm - Làm bài tập về tiêu chí khu biệt, xác định số lượng âm tố và âm vị
Chương 2. Âm tiết tiếng Việt 2.1. Nhận diện ba đặc điểm chính của âm tiết tiếng Việt 2.2. Nhận diện đặc điểm cấu trúc của âm tiết tiếng Việt	4	2	14	CLO1 CLO2 CLO3	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Phân tích ba đặc điểm của âm tiết tiếng Việt - Nhận xét về lược đồ cấu tạo âm tiết tiếng Việt
Chương 3. Thanh điệu tiếng Việt 3.1. Danh sách và mô tả hệ thống thanh điệu tiếng Việt 3.2. Những nhận xét về nhận diện hệ thống thanh điệu tiếng Việt	4	2	14	CLO1 CLO2 CLO3	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Miêu tả các thanh điệu - Ứng dụng trong việc phân tích

						thơ và làm thơ
Chương 4. Phụ âm làm âm đầu của âm tiết trong tiếng Việt 4.1. Hệ thống phụ âm làm âm đầu trong âm tiết 4.2. Sự thể hiện bằng chữ viết của các phụ âm đầu trong âm tiết	4	2	14	CLO1 CLO2 CLO4	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Nhận xét hệ thống âm đầu - Miêu tả và chỉ ra nét đồng nhất và dị biệt của các âm đầu.
Chương 5. Âm đệm trong âm tiết tiếng Việt 5.1. Bản nguyên âm đệm và sự thể hiện bằng chữ viết 5.2. Nhận xét về âm đệm trước các âm chính trong âm tiết	2	1	7	CLO1 CLO2 CLO4	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Phân biệt âm đệm và âm chính - Miêu tả âm đệm
Chương 6. Nguyên âm làm âm chính của âm tiết trong tiếng Việt 6.1. Danh sách và cách mô tả thứ nhất các nguyên âm làm âm chính trong âm tiết tiếng Việt; sự thể hiện chúng bằng chữ viết 6.2. Danh sách và cách mô tả thứ hai các nguyên âm làm âm chính trong âm tiết tiếng Việt; sự thể hiện chúng bằng chữ viết	4	2	14	CLO1 CLO2 CLO4	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Nhận xét hệ thống âm chính - Miêu tả và chỉ ra nét đồng nhất và dị

						biệt của các âm chính.
Chương 7. Âm cuối trong âm tiết của tiếng Việt 7.1. Danh sách và mô tả âm cuối trong âm tiết của tiếng Việt; sự thể hiện bằng chữ viết 7.2. Mối liên hệ giữa việc lựa chọn cách nhận diện nguyên âm làm âm chính và cách xác lập âm cuối trong âm tiết tiếng Việt	4	2	14	CLO1 CLO2 CLO4	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Nhận xét hệ thống âm cuối - Miêu tả và chỉ ra nét đồng nhất và dị biệt của các âm cuối.
Chương 8. Ngữ âm tiếng Việt trong ứng dụng nghiên cứu ngôn ngữ và tiếp nhận ngôn ngữ 8.1. Ứng dụng trong nghiên cứu ngôn ngữ 8.2. Ngữ âm tiếng Việt trong sáng tạo thơ ca, sáng tạo ngôn ngữ văn học, ứng dụng ngữ âm trong thực tiễn đời sống xã hội 8.3. Trọng âm và các quan hệ ngữ pháp trong tiếng Việt 8.4. Nhận xét về chữ quốc ngữ <i>Ôn tập và tổng kết</i>	4	2	14	CLO2 CLO3 CLO5 CLO6	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Vấn đề ứng dụng ngữ âm tiếng Việt vào trong sáng tạo ngôn ngữ văn học - Những vấn đề về chính tả. - Làm bài tập tổng hợp
<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO1 CLO2 CLO4	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì	CLO1 CLO2 CLO4	Chương 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Đúng yêu cầu	
2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận hoặc Bài tập lớn/tiểu luận học phần)</i>	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	Chương 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Đúng yêu cầu	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đoàn Thiện Thuật (1980), <i>Ngữ âm tiếng Việt</i> , NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	

2	Kasevich V.B (1999), <i>Âm vị học</i> (Trong “Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ học đại cương”, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 53 - 82)	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Nguyễn Quang Hồng (2001), <i>Âm tiết và loại hình ngôn ngữ</i> , NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Cao Xuân Hạo, Trần Thị Tuyết Mai (2017), <i>Âm vị học và tuyến tính- suy nghĩ về các định đề của âm vị học đại cương</i> , NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Mai Thị Kiều Phụng (2008), <i>Tiếng Việt đại cương – ngữ âm</i> , NXB Khoa học xã hội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Thanh Vân.

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Hoàng Anh.

Số điện thoại: 0979671678; Email: thanh@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 8: DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông**
- Mã học phần: MVL.806
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ 150 (30LT/15ThH/105TH)
- Số tiết trực tuyến: 15; Số tiết trực tiếp: 30
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần giúp người học tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam theo định hướng ứng dụng: (1) có năng lực luận giải được mục tiêu, quan điểm, nội dung dạy học tiếng Việt trong môn Ngữ văn của chương trình giáo dục phổ thông; (2) vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, hình thức và phương tiện dạy học để thiết kế và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bài dạy Tiếng Việt trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông; (3) có năng lực chủ động, độc lập giải quyết các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn dạy học; (4) hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, ý thức trách nhiệm với công việc dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

3. Tổng quan về học phần

Trong chương trình đào tạo trình độ đại học sư phạm Ngữ văn, người học đã được học học phần “Phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường trung học phổ thông” 02 tín chỉ với các nội dung cơ bản: Nguyên tắc và phương pháp chung dạy học tiếng Việt; Phương pháp dạy các kiểu bài học lí thuyết, kiểu bài luyện tập thực hành, kiểu bài ôn tập tổng kết; Kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Việt ở trường phổ thông. Ở trình độ thạc sĩ “Ngôn ngữ Việt Nam” theo định hướng ứng dụng, học phần “Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông” trang bị cho người học những nội dung chuyên sâu so với trình độ đại học, được trình bày qua 4 chương: (1) Cơ sở khoa học và quá trình dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông; (2) Dạy học tiếng Việt trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn; (3) Một số vấn đề về tổ chức dạy học bài học Tiếng Việt trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông; (4) Hình thức và phương tiện dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs – Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO1	Vận dụng tốt kiến thức về triết học, khoa học xã hội – nhân văn, lí luận giao tiếp ngôn ngữ; kiến thức về	PLO2	4

	phương pháp dạy học để giải thích, phân tích được cơ sở khoa học, quá trình dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông Việt Nam; mục tiêu, quan điểm, nội dung dạy học tiếng Việt trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông của chương trình giáo dục phổ thông 2018.		
CLO2	Vận dụng thành thạo các hình thức và phương tiện dạy học để tổ chức dạy học hiệu quả bài học và chuyên đề Tiếng Việt trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông.	PLO3	5
4.2 Kỹ năng			
CLO3	Sử dụng thành thạo kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập; các phương pháp nghiên cứu một đề tài khoa học phục vụ cho hoạt động dạy học tiếng Việt trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông.	PLO5	4
CLO4	Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả, thành thạo trong làm việc nhóm; thành thạo lập kế hoạch dạy học, sử dụng linh hoạt các hình thức dạy học Tiếng Việt; triển khai và bảo vệ được vấn đề nghiên cứu hỗ trợ cho việc dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông.	PLO6 PLO7	5
4.3 Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Thể hiện năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hợp tác; tiếp thu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm; sáng tạo trong công việc phụ trách; gương mẫu về đạo đức nghề nghiệp... trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông.	PLO10	5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	Th H	TH			
CHƯƠNG 1. Cơ sở khoa học và quá trình dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông 1.1.Cơ sở khoa học 1.1.1.Cơ sở triết học Mác-Lê nin 1.1.2.Cơ sở ngôn ngữ và Việt ngữ học 1.1.3.Cơ sở Giáo dục học 1.1.4.Cơ sở Tâm lí học và Tâm lí ngôn ngữ học 1.2.Quá trình dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông 1.2.1.Thời kì Phong kiến 1.2.2.Thời kì Pháp thuộc	5	3	18	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp dạy học (PPDH) + Thuyết giảng + Vấn đáp + Nghiên cứu cá nhân các nội dung kiến thức cơ bản của chương. -Hình thức tổ chức dạy học (HTTCDH): + Thảo luận nhóm + Phát biểu cá nhân.	- Nghiên cứu tài liệu chính và tham khảo. - Chuẩn bị bài học và ý kiến để thảo luận nhóm và phát biểu cá nhân theo yêu cầu của giảng viên.

1.2.3.Thời kì sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1980 1.2.4.Thời kì từ năm 1980 đến 2005 1.2.5.Thời kì từ năm 2006 đến nay						
Chương 2. Dạy học tiếng Việt trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2.1.Dạy học Tiếng Việt trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn - 2006 2.1.1.Vị trí của phân môn Tiếng Việt 2.1.2.Mục tiêu giáo dục của phân môn Tiếng Việt 2.1.3.Quan điểm xây dựng chương trình 2.1.4.Nội dung dạy học và ngữ liệu dạy học Tiếng Việt 2.2.Dạy học Tiếng Việt trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn - 2018 2.2.1.Đặc điểm môn Ngữ văn 2.2.2.Quan điểm xây dựng chương trình dạy học Tiếng Việt trong môn Ngữ văn 2.2.3.Mục tiêu dạy học của chương trình 2.2.4.Nội dung dạy học kiến thức tiếng Việt trong môn Ngữ văn 2.2.5.Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe 2.2.6.Ngữ liệu dạy học tiếng Việt trong môn Ngữ văn	10	5	35	CLO2 CLO4 CLO5	- PPDH: + Thuyết giảng + Vấn đáp + Nghiên cứu cá nhân các nội dung kiến thức cơ bản của chương. - HTTCDDH: + Seminar + Thảo luận nhóm + Phát biểu cá nhân.	-Nghiên cứu tài liệu chính và tham khảo. -Chuẩn bị bài học và báo cáo để seminar theo yêu cầu của giảng viên. -Tự nghiên cứu về CTGDPT Tổng thể - 2018; CTGDPT môn Ngữ văn-2018.
Chương 3. Một số vấn đề tổ chức dạy bài học tiếng Việt trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông 3.1.Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	-PPDH: + Thuyết giảng + Vấn đáp + Nghiên cứu cá nhân các nội dung	-Nghiên cứu tài liệu chính và tham khảo.

3.1.1. Khái niệm giao tiếp và hoạt động giao tiếp 3.1.2. Chức năng của giao tiếp 3.1.3. Dạy học tiếng Việt bằng giao tiếp và đề giao tiếp 3.2. Những vấn đề cần chú ý khi dạy các bài học Tiếng Việt trong môn Ngữ văn 3.2.1. Dạy bài học tri thức Tiếng Việt 3.2.2. Dạy bài học viết Tiếng Việt 3.2.3. Dạy bài học nói và nghe Tiếng Việt 3.3. Dạy học chuyên đề Tiếng Việt trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông 3.3.1. Dạy học chuyên đề Tiếng Việt lớp 10 3.3.2. Dạy học chuyên đề Tiếng Việt lớp 11 3.3.3. Dạy học chuyên đề Tiếng Việt lớp 12					kiến thức cơ bản của chương. -HTTCDH: + Thảo luận nhóm + Phát biểu cá nhân.	-Chuẩn bị seminar bài học. -Tự nghiên cứu thiết kế Kế hoạch bài dạy tri thức TV, bài dạy viết, bài dạy nói và nghe TV trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông.
Chương 4. Hình thức và phương tiện dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông 3.1. Hình thức dạy học tiếng Việt 3.1.1. Khái niệm về hình thức dạy học 3.1.2. Các hình thức dạy học tiếng Việt trong lớp học 3.1.3. Các hình thức dạy học tiếng Việt ngoài lớp học 3.2. Phương tiện dạy học tiếng Việt 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Các phương tiện dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	5	2	17	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- PPDH: + Thuyết giảng + Vấn đáp + Nghiên cứu cá nhân các nội dung kiến thức cơ bản của chương. -HTTCDH: + Thảo luận nhóm + Phát biểu cá nhân.	-Nghiên cứu tài liệu chính và tham khảo. -Chuẩn bị thảo luận các nội dung bài theo yêu cầu của giảng viên.
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp (trực tiếp và/hoặc trực tuyến).

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Tham dự đủ các hình thức đánh giá của học phần.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
7.1	Đánh giá thường xuyên				0,5
7.1.1	Chuyên cần	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thái độ, tinh thần học tập	Tham gia đầy đủ các buổi; chuẩn bị bài và tích cực tham gia bài học.	
7.1.2	Bài tập/ báo cáo nhóm	CLO5	Chương 1, 4	Sản phẩm báo cáo nhóm	
7.1.3	Kiểm tra thường kì		Chương 2, 3	Nội dung trọng tâm của chương 1, 2	
7.2	Đánh giá cuối kì (Bài tập lớn / tiểu luận học phần)	CLO2, CLO3, CLO5.	Chương 1, 2, 3, 4	Học viên chọn đề tài bài tập lớn/ tiểu luận để thực hiện do giảng viên giao.	0,5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), <i>Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn</i> , Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo	X	
2	Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), <i>Phương pháp dạy học tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp (2019), <i>Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương</i>	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	

	<i>trình giáo dục phổ thông mới</i> , NXB Đại học Sư phạm Hà Nội			
4	Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên), Đỗ Hương Trà (2020). <i>Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học</i> , NXB Đại học Sư phạm Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
5	Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), <i>Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể</i> , Công thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo		X
6	Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Thông tư số 22/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021</i> , Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, Công thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo		X
7	Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021, 2022, 2023, 2024), <i>Các Bộ Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Tập 1 & 2 - CTGDPT 2018</i> , NXB Giáo dục Việt Nam & NXB Đại học Sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
8	Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Bùi Minh Đức, Nguyễn Thành Thi (2019), <i>Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn THPT theo Chương trình giáo dục phổ thông mới</i> , NXB ĐHSP Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Nguyễn Văn Bản

Số điện thoại: 0913938676; Email: nvban@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Số 783/7 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Đức Hùng.

Số điện thoại: 0988682643; Email: tdhung@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 9: PHƯƠNG NGỮ HỌC ĐỊA LÝ VÀ PHƯƠNG NGỮ HỌC XÃ HỘI

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Phương ngữ học địa lý và phương ngữ học xã hội**
- Mã học phần: MVL.807
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ 150 (30LT/15ThH/105TH)
- Số tiết trực tuyến: 15; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 30
- Học phần điều kiện (*nếu có*):...
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về phương ngữ học và phương ngữ tiếng Việt ở hai xu hướng: phương ngữ học địa lý và phương ngữ học xã hội. Trên cơ sở này, người học sẽ đi sâu tìm hiểu đặc điểm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của các vùng phương ngữ tiếng Việt xét trên cả hai phương diện: phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội.

Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về phương ngữ học và phương ngữ tiếng Việt ở hai xu hướng: phương ngữ học địa lý và phương ngữ học xã hội, từ đó có những điều chỉnh hợp lý về mặt ngôn ngữ nhằm phục vụ tốt hơn việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt cũng như văn hóa Việt Nam.

Nhận thức được vai trò, ý nghĩa quan trọng của việc học tập, nghiên cứu môn học. Ý thức được sự cần thiết trong nghiên cứu chuyên sâu về phương ngữ học và phương ngữ tiếng Việt, làm cơ sở cho việc tiếp tục học tập, nghiên cứu tiếng Việt nói riêng và ngôn ngữ nói chung.

3. Tổng quan về học phần

Học phần hệ thống hóa lại những kiến thức cơ bản về phương ngữ và phương ngữ học tiếng Việt đã được học ở chương trình đại học và tiếp cung cấp những kiến thức chuyên sâu về phương ngữ tiếng Việt ở hai lĩnh vực là phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội. Trên cơ sở này, người học sẽ đi sâu tìm hiểu đặc điểm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của các vùng phương ngữ tiếng Việt xét trên cả hai phương diện: phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội. Thông qua đó, người học sẽ có được cái nhìn chuyên sâu, toàn cảnh về bức tranh phương ngữ tiếng Việt, từ đó có những điều chỉnh hợp lý về mặt ngôn ngữ nhằm phục vụ tốt cho việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt cũng như văn hóa Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			

CLO1	Tổng hợp, vận dụng hiệu quả những kiến thức chuyên sâu về phương ngữ học và phương ngữ tiếng Việt (ở các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo hai xu hướng: phương ngữ học địa lí và phương ngữ học xã hội vào các hoạt động thực tiễn như: phát triển tiếng Việt, dạy học Ngữ văn, biên tập, truyền thông, nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	PLO2	4
4.2. Kỹ năng			
CLO2	Sử dụng thành thạo kỹ năng tổng hợp và ứng dụng được kết quả nghiên cứu về phương ngữ học địa lí và phương ngữ học xã hội vào hoạt động giao tiếp xã hội, dạy học Ngữ văn và các hoạt động khác;	PLO4	4
CLO3	Sử dụng hiệu quả kỹ năng phân tích, đánh giá, lý giải các vấn đề về phương ngữ địa lí vào nghiên cứu văn hóa các vùng miền ở Việt Nam.	PLO6	4
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO4	Đưa ra được các kết luận chuyên môn về phương ngữ tiếng Việt, bảo vệ được kết luận chuyên môn của mình và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khoa học về vấn đề mình đưa ra;	PLO8	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Những vấn đề chung về phương ngữ học và phương ngữ tiếng Việt 1.1. Khái niệm phương ngữ và phương ngữ học 1.2. Vị trí, vai trò của phương ngữ đối với ngôn ngữ toàn dân và sáng tạo văn học	10	05	35	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tuyến.	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - <i>Khái niệm phương ngữ và phương ngữ học</i> - <i>Vị trí, vai trò của phương ngữ đối với</i>

1.3. Dạng thức tồn tại của phương ngữ						<i>ngôn ngữ toàn dân và sáng tạo văn học</i>
Chương 2. Những vùng phương ngữ địa lí tiếng Việt và các lớp từ ngữ thuộc phương ngữ xã hội trong tiếng Việt 2.1. Việc phân vùng, phân loại phương ngữ tiếng Việt 2.1.1. Phương ngữ địa lí 2.1.2. Phương ngữ xã hội 2.2. Mối quan hệ giữa phương ngữ địa lí và phương ngữ xã hội 2.3. Các vùng phương ngữ địa lí tiếng Việt 2.3.1. Phương ngữ Bắc 2.3.2. Phương ngữ Trung 2.3.3. Phương ngữ Nam 2.4. Các lớp từ ngữ thuộc phương ngữ xã hội trong tiếng Việt	20	10	70	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tiếp.	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - <i>Việc phân vùng, phân loại phương ngữ tiếng Việt</i> - <i>Mối quan hệ giữa phương ngữ địa lí và phương ngữ xã hội</i> - <i>Các vùng phương ngữ địa lí tiếng Việt</i> - <i>Các lớp từ ngữ thuộc phương ngữ xã hội trong tiếng Việt</i>
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Tham dự từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	MT/CDR	Quy định	Trọng số
1	Đánh giá thường xuyên	CLO1, CLO2,	Thực hiện bài tập/báo cáo, thảo luận trong quá trình học	0.5
			Bài kiểm tra (cá nhân)	

		CLO3, CLO4		
2	Đánh giá kết thúc học phần	CLO1, CLO2	Thi tự luận 120 phút/ Làm Bài tập lớn	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Thị Châu (2009), <i>Phương ngữ học tiếng Việt</i> , NXB ĐHQGHN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Hoàng Phê (2020), <i>Từ điển Tiếng Việt</i> , NXB Đà Nẵng	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Nguyễn Tài Cẩn (1997), <i>Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt</i> , NXB GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Trần Trí Dồi (2007), <i>Giáo trình lịch sử tiếng Việt</i> , NXB ĐHQGHN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Hoàng Anh

Số điện thoại: 0979.671.678; Email: thanh@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 10: NGÔN NGỮ HỌC VÀ VĂN HÓA

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học và văn hóa**
- Mã môn học: MVL.808
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần

Hoàn thành học phần, học viên có khả năng diễn giải được mối liên hệ, sự tác động biện chứng giữa ngôn ngữ và văn hóa, vai trò và giá trị của văn hóa trong sự hành chức của ngôn ngữ, cũng như làm rõ được các hiện tượng giao thoa ngôn ngữ và văn hóa trong ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam. Người học vận dụng được các kiến thức từ học phần để nhận diện và lý giải được các hiện tượng ngôn ngữ và văn hóa trong tiếng Việt, từ đó nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt với sự quy chiếu những giá trị văn hóa đặc trưng của người Việt cũng như phát triển kỹ năng phát hiện và tiến hành nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa, các hiện tượng giao thoa ngôn ngữ và văn hóa.

3. Tổng quan về học phần

Ngôn ngữ học và văn hóa là học phần có vai trò quan trọng trong việc cung cấp kịp thời những tri thức cần thiết về ngôn ngữ học và văn hóa cho học viên cao học, phần tri thức mà sinh viên đại học đã có dịp lĩnh hội chung chung qua một số môn học, nhưng chưa được khai thác sâu, rộng. Nội dung học phần được triển khai theo hướng: từ khái quát về ngôn ngữ và văn hóa, đi vào tìm hiểu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, làm rõ đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy. Nội dung học phần còn là vấn đề giao thoa văn hóa và ngôn ngữ giữa Việt Nam với phương Tây và một số nước ở khu vực Đông Nam Á trong quá trình hiện đại hóa ngôn ngữ và nền văn hóa dân tộc.

Học phần không chỉ trang bị lý thuyết mà còn có những bài tập thực hành cụ thể nhằm tạo điều kiện cho người học nắm vững và vận dụng được kiến thức đã học vào quá trình học tập, nghiên cứu ngôn ngữ cũng như việc giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. Học phần hướng đến đáp ứng các chuẩn đầu ra 1.2, 2.3, 2.4 và 3.1, 3.2 của chương trình đào tạo.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Phân tích được mối liên hệ, sự tác động biện chứng giữa ngôn ngữ và văn hóa, vai trò và	PLO1	4

	giá trị của văn hóa trong sự hành chức của ngôn ngữ;		
CLO2	Vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ học và văn hóa vào các hoạt động thực tiễn: học tập, nghiên cứu ngôn ngữ và giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông.	PLO2	4
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Nhận diện và phân tích được các hiện tượng ngôn ngữ và văn hóa trong tiếng Việt;	PLO4	4
CLO 4	Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tham gia, giải quyết các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa, các hiện tượng giao thoa ngôn ngữ và văn hóa.	PLO7	4
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 5	Tích cực rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực của cá nhân trong việc học tập và nghiên cứu.	PLO8	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ và văn hóa 1.1. Dẫn luận 1.2. Ngôn ngữ và vai trò của ngôn ngữ 1.2.1. Khái niệm ngôn ngữ 1.2.2. Vai trò của ngôn ngữ 1.3. Văn hóa 1.3.1. Những khái niệm khác nhau về văn hóa 1.3.2. Các thành tố cơ bản của văn hoá	4	2	14	CLO1, CLO5	- Thuyết giảng, trình chiếu - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung theo hệ vấn đề của đề cương

Chương 2: Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa 2.1. Dẫn luận 2.2. Sự tác động của văn hóa lên cấu trúc, tổ chức ngôn ngữ 2.3. Ngôn ngữ là công cụ biểu hiện của các giá trị văn hóa 2.4. Ngôn ngữ là công cụ bảo tồn văn hóa	6	3	21	CLO1	- Thuyết giảng, trình chiếu - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung theo hệ vấn đề của đề cương
Chương 3: Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy 3.1. Sự phạm trù hóa hiện thực 3.2. Bức tranh ngôn ngữ về thế giới 3.3. Định danh ngôn ngữ 3.4. Ý nghĩa của từ 3.5. Tư duy ngôn ngữ	10	5	35	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- Thuyết giảng, trình chiếu - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung theo hệ vấn đề của đề cương
Chương 4: Ngôn ngữ và văn hóa Việt 5.1. Giao thoa ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam với phương Tây và quá trình hiện đại hóa ngôn ngữ và nền văn hóa dân tộc 5.2. Giao thoa ngôn ngữ và văn hóa Đông Nam Á 5.3. Một số vấn đề về địa danh học tiếng Việt	8	5	29	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- Thuyết giảng, trình chiếu; - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung theo hệ vấn đề của đề cương
Kiểm tra kết thúc	2	0	6			Nộp sản phẩm báo cáo
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>				0,5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2	Chương 1, 2, 3, 4	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia bài học	
1.2	Kiểm tra thường kì	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Chương 2, 3, 4	Nội dung trọng tâm của tất cả các phần	
2	<i>Bài thi cuối kì (hoặc Bài tập lớn/ tiểu luận học phần)</i>		Chương 2, 3, 4	Nội dung trọng tâm của các chương	0,5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo

1	Lê Công Sự (2012), <i>Ngôn ngữ và văn hóa</i> , NXB Văn học, H	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Nguyễn Đức Tồn (2008), <i>Đặc trưng văn hóa - dân tộc của Ngôn ngữ và tư duy</i> , NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Phạm Đức Chương (2007), <i>Việt Nam - Đông Nam Á ngôn ngữ và văn hóa</i> , NXB Giáo dục, H	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Trần Ngọc Thêm (1996), <i>Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam: Cái nhìn hệ thống - loại hình</i> , NXB TP. HCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Trần Đức Hùng, Trần Thanh Vân (2019), <i>Từ địa phương trong thơ ca dân gian Nam Bộ, những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa</i> , NXB Khoa học Xã hội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. GVC. Nguyễn Thị Chính

Số điện thoại: 0908 483 060; Email: ntchinh@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Đức Hùng

Số điện thoại: 0988682643; Email: tdhung@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 11: NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học đối chiếu**
- Mã học phần: MVL.828
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (30/15/105)
- Số tiết trực tuyến: 20; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 25
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể:

Lí giải được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ học đối chiếu, sự khác biệt và kế thừa của phân ngành này đối với các phân ngành ngôn ngữ học khác.

Phát hiện, lập trình phương pháp và tiến hành các thủ pháp đối chiếu về những vấn đề liên/tiếp xúc ngôn ngữ, liên văn hóa giữa tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.

Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

3. Tổng quan về học phần

Trong chương trình Đại học (của chuyên ngành *Ngữ văn*, hoặc *Sư phạm Ngữ văn*) môn Ngôn ngữ học đối chiếu chỉ mới được đưa vào ở những năm gần đây, nhưng chỉ giới thiệu một cách khái quát những lý thuyết, khái niệm cơ bản của Ngôn ngữ học đối chiếu. Do vậy, học phần này sẽ giới thiệu một cách hệ thống các nội dung về đối tượng, phạm vi, vai trò, khái niệm, khuynh hướng và thủ thuật nghiên cứu trong lĩnh vực xuyên ngôn ngữ - văn hóa. Học phần này sẽ tạo điều kiện cho học viên hiểu được những lĩnh vực, nội dung, tầng bậc và mối tương giao, dị biệt giữa các ngôn ngữ cũng như các ứng dụng thực tiễn của các kết quả nghiên cứu đối chiếu. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Luận giải được các lý thuyết, phương pháp, mô hình tiếp cận phân tích đối chiếu ngôn ngữ.	PLO2	4
CLO 2	Vận dụng kiến thức học phần vào phân tích đối chiếu giữa tiếng Việt và ngoại ngữ/ngôn ngữ khác.	PLO3	5

4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Phân tích đối chiếu các bình diện hình thức ngôn ngữ (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng).	PLO5 PLO6	4
CLO 4	Phân tích đối chiếu các bình diện ý nghĩa ngôn ngữ/cấu trúc sâu (nghĩa từ vựng, dụng học, văn hóa).		
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, trung thực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	PLO8 PLO9	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Dẫn luận ngôn ngữ học đối chiếu 1.1. Sự xuất hiện của ngôn ngữ học đối chiếu qua các thời kỳ 1.1.1. Thời kỳ thứ nhất: những năm 80 của thế kỷ XVIII - XIX 1.1.2. Thời kỳ thứ hai: Cuối thế kỷ XIX 1.1.3. Thời kỳ thứ ba: Cuối thế kỷ XIX đến nay 1.2. Mối quan hệ chủ yếu giữa ngôn ngữ học đối chiếu và các loại hình nghiên cứu khác 1.2.1. Quan hệ với loại hình học 1.2.2. Quan hệ với ngôn ngữ học tâm lý 1.2.3. Quan hệ với ngôn ngữ học xã hội 1.2.4. Quan hệ với lý luận và thực tiễn dịch thuật 1.2.5. Quan hệ với ngữ pháp tạo sinh	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 1

1.2.6. Quan hệ với việc khắc phục lỗi trong khi học và sử dụng ngoại ngữ						
Chương 2. Phương thức, thủ pháp ngôn ngữ học đối chiếu 2.1. Phương thức đối chiếu ngôn ngữ 2.1.1. Phương thức đồng nhất - khu biệt 2.1.2. Phương thức đối chiếu chức năng 2.1.3. Phương thức đồng nhất khu biệt mặt hoạt động của các hiện tượng, sự kiện, đơn vị ngôn ngữ 2.1.4. Phương thức đồng nhất khu biệt phong cách, chức năng 2.1.5. Phương thức đồng nhất khu biệt phát triển 2.1.6. Phương thức đồng nhất khu biệt xã hội - tâm lý - lịch sử 2.2. Các thủ pháp đối chiếu ngôn ngữ 2.2.1. Các thủ pháp đối chiếu ngôn ngữ xét ở bình diện hệ thống trừu tượng 2.2.2. Đối chiếu ngôn ngữ ở hoạt động lời nói 2.2.3. Đối chiếu ngôn ngữ ở bình diện văn bản 2.2.4. Đối chiếu ngữ dụng - ngôn ngữ học	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 2, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Chương 3. Nguyên tắc đối chiếu ngôn ngữ 3.1. Trình tự đối chiếu 3.2. Tính hệ thống của hiện tượng đối chiếu 3.3. Tính chặt chẽ và triệt để trong việc sử dụng thuật ngữ 3.4. Độ sâu sắc, đầy đủ của việc nghiên cứu đối chiếu	10	5	35	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 3, hoàn thành sản phẩm học tập được giao

3.5. Cần tính đến mức độ thân thuộc và sự gần gũi loại hình giữa các ngôn ngữ đối chiếu 3.6. Chuyển di tích cực và chuyển di tiêu cực kiến thức ngôn ngữ học trong thao tác đối chiếu 3.7. Cách nhìn đồng đại và đồng đại động đối với việc xem xét các hiện tượng đối chiếu 3.8. Rút gọn và giảm bớt trong nghiên cứu đối chiếu <i>Ôn tập - Báo cáo nhóm</i>						
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Thực hiện và nộp báo cáo kết quả học tập đúng thời gian quy định.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá	Quy định	Trọng số
Đánh giá quá trình	Tham gia các hoạt động học tập	CLO1-2 CLO5	Chương 1, 2, 3	Tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài lớp	0.1
	Báo cáo nhóm	CLO3	Chương 2	Báo cáo trực tiếp trong lớp	0.2
	Bài thi tự luận	CLO4	Chương 3	Đáp án	0.2
Đánh giá cuối kì	Bài tiểu luận/ Bài tập lớn	CLO3, 4	Chương 1, 2, 3	Đúng theo quy định về nội dung và hình thức; nộp đúng thời hạn.	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Quang Thiêm (2008), <i>Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ</i> , Hà Nội: ĐHQG	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Nguyễn Thiện Giáp (2009), <i>Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ</i> , Hà Nội: Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Hoàng Văn Vân (2004), <i>Ngôn ngữ học qua các nền văn hóa</i> , Hà Nội: ĐHQG	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS. Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944.970.046; Email: dmhung@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác/địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. Huỳnh Thị Nhĩ

Số điện thoại: 0825272799; Email: htnhi@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác: Công ty Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Sa Đéc, Đồng Tháp

HỌC PHẦN 12: CÁC VẤN ĐỀ VỀ CÚ PHÁP HỌC VÀ ỨNG DỤNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Các vấn đề về cú pháp học và ứng dụng**
- Mã học phần: MVL.810
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ 150 (30LT/15ThH/105TH)
- Số tiết trực tuyến: 15; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 30
- Học phần điều kiện (*nếu có*):...
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về cú pháp học và ứng dụng, tạo lập đúng các đơn vị thuộc cú pháp học và cú pháp học tiếng Việt trong giao tiếp.

Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về cú pháp học và ứng dụng để phân tích, tạo lập các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu, giảng dạy Tiếng Việt.

Nhận thức được vai trò, ý nghĩa quan trọng của việc học tập, nghiên cứu môn học. Ý thức được sự cần thiết nghiên cứu chuyên sâu về cú pháp học và ứng dụng làm cơ sở cho việc tiếp tục học tập, nghiên cứu tiếng Việt nói riêng và ngôn ngữ nói chung.

3. Tổng quan về học phần

Đây là chuyên đề tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành. Học chuyên đề này, người học sẽ được dạy chuyên sâu hơn các kiến thức lí thuyết về cú pháp học và ứng dụng, từ đó giúp người học phân biệt được các đơn vị trong câu, các cụm từ, câu, chức năng của các đơn vị trong câu; cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về cú pháp học, đồng thời cũng cung cấp những kiến thức cơ bản và bước đầu nâng cao về hệ thống cú pháp (ngữ đoạn và cấu trúc ngữ đoạn, câu và cấu trúc câu, các phương pháp phân tích cấu trúc câu). Ngoài ra, môn học cũng bước đầu cung cấp cho học viên một số thao tác, kĩ năng phân tích, nhận diện, miêu tả và so sánh các hiện tượng cú pháp của các ngôn ngữ.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO1	Vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu, cần thiết về cú pháp học và ứng dụng, từ đó lí giải được cơ sở khoa học của quá trình tạo lập các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp.	PLO2	4

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức			
CLO 2	Sử dụng hiệu quả các kiến thức chuyên sâu, cần thiết về cú pháp học và ứng dụng vào việc dạy học và nghiên cứu tiếng Việt.	PLO6	5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 3	Đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu; đánh giá hiệu quả hoạt động học tập và nghiên cứu.	PLO8	4
CLO 4	Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.	PLO9	5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Khái lược về cú pháp học 1.1. Ngữ pháp học và cú pháp học 1.2. Lịch sử phát triển của cú pháp học 1.3. Các hướng nghiên cứu cú pháp trong Việt ngữ học	05	02	17	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tuyến	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - <i>Ngữ pháp học và cú pháp học</i> - <i>Lịch sử phát triển của cú pháp học</i> - <i>Các hướng nghiên cứu cú pháp trong Việt ngữ học</i>
Chương 2. Ngữ đoạn và cấu trúc ngữ đoạn 2.1. Khái niệm ngữ đoạn 2.2. Cấu trúc ngữ đoạn 2.3. Các kiểu ngữ đoạn thường gặp 2.4. Phương pháp phân tích ngữ đoạn 2.5. Nghiên cứu ngữ đoạn trong Việt ngữ học	05	03	18	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tuyến	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - <i>Cấu trúc ngữ đoạn</i> - <i>Các kiểu ngữ đoạn thường gặp</i> - <i>Nghiên cứu ngữ đoạn trong Việt ngữ học</i>

Chương 3. Câu và cấu trúc cú pháp của câu 3.1. Câu và cú pháp của câu 3.2. Phân loại câu 3.3. Các thành phần câu tiếng Việt 3.4. Các phương pháp phân tích cấu trúc cú pháp của câu 3.5. Nghiên cứu câu trong Việt ngữ học	05	03	18	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tiếp	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - <i>Câu và các thành phần câu</i> - <i>Các phương pháp phân tích câu</i> - <i>Nghiên cứu câu trong Việt ngữ học</i>
Chương 4: Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu 4.1. Khái niệm nghĩa biểu hiện 4.2. Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu 4.3. Các kiểu nghĩa biểu hiện của câu 4.4. Phương pháp phân tích theo cấu trúc nghĩa biểu hiện 4.5. Quan hệ giữa cấu trúc nghĩa biểu hiện và cấu trúc cú pháp 4.6. Nghiên cứu cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu trong Việt ngữ học	05	02	17	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tiếp	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - <i>Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu</i> - <i>Phương pháp phân tích theo cấu trúc nghĩa biểu hiện</i> - <i>Các hướng nghiên cứu cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu trong Việt ngữ học</i>
Chương 5: Hành động ngôn từ và cấu trúc thức của câu 5.1. Khái niệm Hành động ngôn từ 5.2. Các kiểu hành động ngôn từ 5.3. Cấu trúc thức và các kiểu cấu trúc thức của câu	05	02	17	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tiếp	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - <i>Các kiểu hành động ngôn từ</i> - <i>Quan hệ giữa hành động ngôn từ và cấu trúc thức của câu</i> - <i>Nghiên cứu hành động ngôn</i>

5.4. Quan hệ giữa hành động ngôn từ và cấu trúc thức của câu						<i>từ và cấu trúc thức của câu trong Việt ngữ học</i>
5.5. Nghiên cứu hành động ngôn từ và cấu trúc thức của câu trong Việt ngữ học						
Chương 6: Cấu trúc thông tin của câu 6.1. Khái niệm cấu trúc thông tin của câu 6.2. Các thành tố của cấu trúc thông tin của câu 6.3. Các phương tiện biểu hiện cấu trúc thông tin của câu 6.4. Các kiểu cấu trúc thông tin của câu 6.5. Phương pháp phân tích câu theo cấu trúc thông tin 6.6. Nghiên cứu cấu trúc thông tin trong Việt ngữ học	05	03	18	CL01 CL02 CL03 CL04	- Thuyết trình, Thảo luận, Báo cáo. - Trực tiếp	Đọc tài liệu, tìm hiểu các vấn đề sau: - Các thành tố của cấu trúc thông tin của câu - Các kiểu cấu trúc thông tin của câu - Nghiên cứu cấu trúc thông tin trong Việt ngữ học
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Tham dự từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	MT/CĐR	Quy định	Trọng số
1	Đánh giá thường xuyên	CLO1, COL2,	Thực hiện bài tập/báo cáo, thảo luận trong quá trình học	0.5
		CLO3, CLO4	Bài kiểm tra (cá nhân)	

2	Đánh giá kết thúc học phần	CLO1	Thi tự luận 120 phút/ Làm Bài tập lớn	0.5
---	----------------------------	------	---------------------------------------	-----

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Văn Hiệp (2017), <i>Cú pháp tiếng Việt</i> , NXB ĐHQG HN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Đỗ Thị Kim Liên(1999), <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Đỗ Hữu Châu (1987), <i>Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng</i> , NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (Tập 1, 2001, Tập 2, 2007), <i>Đại cương Ngôn ngữ học</i> , NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên) (2022), <i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i> , NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Hoàng Anh

Số điện thoại: 0979.671.678; Email: thanh@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 13: VĂN HÓA - NGÔN NGỮ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Văn hóa - ngôn ngữ đồng bằng sông Cửu Long**
- Mã học phần: MVL.811
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Sau khi kết thúc học phần, người học có thể phân tích, lí giải về đặc trưng của văn hoá - ngôn ngữ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Có kĩ năng sử dụng phương pháp luận để tiếp cận tìm hiểu, nghiên cứu về văn hóa - ngôn ngữ Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và văn hoá Việt Nam nói chung. Từ đó, người học biết yêu quý và trân trọng những đặc trưng của văn hoá - ngôn ngữ vùng Đồng bằng sông Cửu Long để có những thái độ ứng xử đúng đắn, nhằm góp phần giữ gìn bản sắc của văn hoá dân tộc Việt Nam.

3. Tổng quan về học phần

Học phần này chưa được giảng dạy trong chương trình đào tạo đại học. Học phần cung cấp những hiểu biết toàn diện và cơ bản về những đặc điểm của các điều kiện địa lí, môi trường tự nhiên và xã hội; các lớp văn hoá và đặc điểm loại hình dân cư, những đặc trưng của văn hoá - ngôn ngữ biểu hiện trong việc tận dụng và đối phó với môi trường sông nước, môi trường xã hội của cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong tiến trình hình thành và phát triển của nó. Từ đó giúp người học có những cách hành xử đúng đắn với văn hoá - ngôn ngữ vùng miền và văn hoá dân tộc. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Vận dụng những kiến thức cơ bản và có hệ thống về văn hoá - ngôn ngữ vùng Đồng bằng sông Cửu Long (miền Tây Nam Bộ), về các điều kiện địa lí, môi trường tự nhiên và xã hội của vùng; các lớp văn hoá và loại hình cư dân, những đặc trưng của văn hoá - ngôn ngữ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long vào hoạt động nghiên cứu ngôn ngữ - văn hoá và các hoạt động nghề nghiệp.	PLO1 PLO2	4

4.2. Kỹ năng			
CLO 2	Sử dụng phương pháp luận để tiếp cận tìm hiểu, nghiên cứu về văn hóa - ngôn ngữ Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và văn hoá Việt Nam nói chung	PLO5	4
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 3	Biết yêu quý và trân trọng những đặc trưng của văn hoá - ngôn ngữ vùng Đồng bằng sông Cửu Long để có những thái độ ứng xử đúng đắn.	PLO8	4
CLO 4	Ý thức được sự cần thiết nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề văn hoá - ngôn ngữ đặt ra nhằm góp phần giữ gìn bản sắc của văn hoá dân tộc Việt Nam.	PLO10	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Văn hoá Đồng bằng sông Cửu Long trong không gian xã hội - văn hóa Việt Nam 1. Môi trường tự nhiên 1.1. Tên gọi và địa hình, cảnh quan 1.2. Khí hậu 1.3. Hệ động - thực vật 2. Môi trường xã hội 2.1. Các giai đoạn lịch sử - xã hội 2.2. Dân tộc và loại hình dân cư 3. Kinh tế và ngành nghề truyền thống 3. Diễn trình văn hoá Đồng bằng sông Cửu Long 3.1. Lóp văn hoá bản địa	8	5	29	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Giảng lý thuyết - Hướng dẫn làm bài tập - Thảo luận	- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà

3.2. Lớp văn hoá giao lưu giữa các dân tộc 3.3. Lớp văn hoá giao lưu với văn hoá phương Tây 4. Đặc trưng của văn hoá Đồng bằng sông Cửu Long 4.1. Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên 4.2. Văn hoá ứng xử với môi trường xã hội 4.3. Văn hóa tổ chức đời sống						
Chương 2. Ngôn ngữ - văn hóa vùng qua thực tế phương ngữ 2.1. Những khác biệt giữa phương ngữ ĐBSCL và Bắc Bộ 2.1.1. Khác biệt về ngữ âm 2.1.2. Khác biệt về từ vựng - ngữ nghĩa 2.1.3. Khác biệt về ngữ pháp và diễn đạt 2.2. Một số đặc trưng văn hóa - ngôn ngữ giao tiếp vùng ĐBSCL 2.2.1. Trọng âm trong giao tiếp 2.2.2. Thói quen nói lái, nói tắt 2.2.3. Cách đặt tên địa danh Nam Bộ 2.2.4. Các lớp từ ngữ liên quan đến sông nước vùng ĐBSCL	13	7	46	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Giảng lý thuyết - Hướng dẫn làm bài tập - Thảo luận	- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà
Chương 3. Văn hoá qua nghệ thuật ngôn từ Đồng bằng sông Cửu Long 1.1. Ca dao, vè, đố, hò đối đáp, nói thơ 1.2. Các thể loại hát bội, cải lương, đờn ca tài tử	7	3	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Giảng lý thuyết - Hướng dẫn làm bài tập - Thảo luận	- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà

1.3. Các sáng tác văn học tiêu biểu						
<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO1 CLO2 CLO3	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Chương 1, 2, 3	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì/ Báo cáo nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	Chương 1, 2, 3	Nội dung trọng tâm của các phần	
2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận/ bài tập lớn)</i>	CLO1 CLO2 CLO3	Chương 1, 2, 3	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hồ Xuân Mai (2015), <i>Ngôn ngữ văn hóa Nam Bộ</i> , NXB Chính trị quốc gia	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Huỳnh Công Tín (2013), <i>Đặc trưng văn hóa Nam Bộ qua phương ngữ</i> , NXB Chính trị quốc gia	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Lý Tùng Hiếu (2012), <i>Ngôn ngữ - văn hóa vùng đất Sài Gòn và Nam Bộ</i> , NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Trần Đức Hùng, Trần Thanh Vân (2019), <i>Từ địa phương trong thơ ca dân gian Nam Bộ, những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa</i> , NXB Khoa học xã hội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Đức Hùng

Số điện thoại: 0988682643; Email: tddhung@dtlu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Hoàng Anh

Số điện thoại: 0979.671.678; Email: thanh@dtlu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 14: NGÔN NGỮ HỌC TÂM LÝ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học tâm lý**
- Mã học phần: MVL.824
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (30/15/105)
- Số tiết trực tuyến: 20; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 25
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể:

Phân tích được sự khác biệt của ngôn ngữ học tâm lý với các xu hướng ngôn ngữ học khác một cách hệ thống và chuyên sâu.

Vận dụng các khái niệm và thao tác phân tích ngôn ngữ học tâm lý vào việc giải thích các hiện tượng của tiếng Việt ở các ngữ cảnh tâm lý khác nhau của chủ thể.

Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

3. Tổng quan về học phần

Học viên chưa được tiếp cận học phần *Ngôn ngữ học tâm lý* ở chương trình đào tạo đại học. Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, có vai trò cung cấp cho học viên các tri thức nền tảng và chuyên sâu liên quan đến lịch sử hình thành, các khái niệm thuật ngữ cơ bản cũng như các xu hướng chính, các nguyên lý của ngôn ngữ học tâm lý, phục vụ cho những nghiên cứu liên quan đến các vấn đề như: thụ đắc ngôn ngữ; qui trình tiếp nhận và hiểu ngôn ngữ; tạo sinh ngôn ngữ; và sự thụ đắc một ngôn ngữ thứ hai. Học viên có thể ứng dụng kiến thức học phần vào hoạt động xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục tiếng Việt. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO1	Luận giải được các lí thuyết, phương pháp, mô hình tiếp cận ngôn ngữ học tâm lý;	PLO2	4
CLO2	Vận dụng kiến thức học phần vào việc giải thích các hiện tượng tiếng Việt ở các ngữ cảnh tâm lý khác nhau của chủ thể.	PLO3	5

4.2. Kỹ năng			
CLO3	Phân tích, luận giải các bình diện hình thức ngôn ngữ tiếng Việt (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) theo hướng tiếp cận ngôn ngữ học tâm lý của chủ thể xuất hiện ở các cảnh huống khác nhau.	PLO5 PLO6	4
CLO4	Phân tích các bình diện ý nghĩa biểu hiện (nghĩa từ vựng, dụng học, văn hóa) theo hướng tiếp cận ngôn ngữ học tâm lý.		
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, trung thực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	PLO8 PLO9	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Ngôn ngữ học tâm lý - giai đoạn đầu phát triển 1.1. Từ người Ai Cập cổ đại đến các nhà tâm lý học Hi Lạp và những nghiên cứu thực nghiệm đầu tiên 1.1.1. Người Ai Cập cổ đại và công trình đầu tiên về ngôn ngữ và não bộ 1.1.2. Các nhà tâm lý học Hi Lạp 1.1.3. Những nghiên cứu thực nghiệm đầu tiên từ giữa thế kỷ thứ VII trước Công nguyên đến thế kỷ XVI sau Công nguyên 1.2. Tâm lý học thần kinh tri nhận ngôn ngữ (Cognitive	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 1

Neuropsychology of Language) thế kỷ XIX 1.2.1. Giới thiệu chung 1.2.2. Gall, Boulliard, Aubertin, Broca, Wernicke và Lichtheim 1.3. Thế kỷ XX và thuyết Hành vi luận (Behaviorism) 1.3.1. Thuyết hành vi luận (Behaviorism) 1.3.2. Những ảnh hưởng của thuyết hành vi luận 1.3.3. Những bất đồng trong nghiên cứu						
Chương 2. Ngôn ngữ học tâm lý - giai đoạn phát triển nổi tiếp 2.1. Giữa thế kỷ 20 và ảnh hưởng của phái Chomsky 2.1.1. Lý thuyết tạo sinh Chomsky 2.1.2. Chomsky và Cấu trúc ngữ pháp và Xem xét lại Hành vi luận Skinner 2.1.3. Sự khu biệt giữa “thảm năng” và “dụng ngôn” 2.1.4. Những ảnh hưởng của phái Chomsky 2.2. Ngôn ngữ học tâm lý những năm nửa sau của thế kỷ XX 2.2.1. Từ ngữ năng đến ngữ thi tâm lý 2.2.2. Dưới ảnh hưởng của vi tính kỹ thuật số (Digital Computer) 2.2.3. Chủ nghĩa kết nối (Connectionism) cuối thế kỷ 20: Tiếp cận thống kê đối với ngôn ngữ	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 2, hoàn thành sản phẩm học tập được giao

2.3. Đầu thế kỷ 21 và nền tảng của ngôn ngữ trong hành động và trong trí não 2.3.1. Tri nhận nghiệm thân 2.3.2. Hướng phát triển trong tương lai						
Chương 3. Những đóng góp và ứng dụng của ngôn ngữ học tâm lý 3.1. Những cái mới trong cách tiếp cận của ngôn ngữ học tri nhận 3.2. Những ứng dụng của ngôn ngữ học tri nhận Chương 4. Cơ sở triết học và nhận thức luận của ngôn ngữ học tâm lý 4.1. Cơ sở triết học của ngôn ngữ học tâm lý 4.2. Nhận thức luận của ngôn ngữ học tâm lý 4.3. Các phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học tâm lý Ôn tập - Báo cáo nhóm	10	5	35	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 3-4 hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Thực hiện và nộp báo cáo kết quả học tập đúng thời gian quy định.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá	Quy định	Trọng số
Đánh giá quá trình	Tham gia các hoạt động học tập	CLO1-2 CLO5	Chương 1, 2, 3	Tích cực tham gia các hoạt	0.1

				động trong và ngoài lớp	
	Báo cáo nhóm	CLO3	Chương 2	Báo cáo trực tiếp trong lớp	0.2
	Bài thi tự luận	CLO4	Chương 3, 4	Đáp án	0.2
Đánh giá cuối kì	Bài tiểu luận/Bài tập lớn	CLO3, 4	Chương 1, 2, 3, 4	Đúng theo quy định về nội dung và hình thức; nộp đúng thời hạn	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nhóm tác giả (1984), <i>Ngôn ngữ học: khuynh hướng - lĩnh vực - khái niệm (T2)</i> , NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Cao Xuân Hạo (2023), <i>Tiếng Việt - Văn Việt - Người Việt</i> , NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Nhóm tác giả (2023), <i>Tiếng Việt và phong tục Việt Nam</i> , NXB ĐHQG, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Trịnh Sâm (2022), <i>Đi tìm bản sắc tiếng Việt</i> , NXB Trẻ, TP.HCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944.970.046; Email: dmhung@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 15: CÁC TRƯỜNG PHÁI NGÔN NGỮ HỌC TIÊU BIỂU

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu**
- Mã học phần: MVL.830
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần giúp sinh viên hiểu được các khái niệm phương pháp luận, phương pháp, thủ pháp, cơ sở duy vật biện chứng trong ngôn ngữ học; nhận biết được những nét khu biệt trong phương pháp luận và đặc điểm riêng giữa các trường phái, xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ khác nhau; có kĩ năng phân tích được những đặc điểm riêng của từng trường phái, từng xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ học; liên hệ được các kiến thức đã học để vận dụng vào quá trình nghiên cứu, xử lí các vấn đề ngôn ngữ học thực tiễn và rèn luyện thái độ và tư duy làm việc nghiêm túc, khoa học.

3. Tổng quan về học phần

Các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, cung cấp những kiến thức hiện thời về các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu khác nhau trong ngôn ngữ học hiện đại, theo ba vấn đề cơ bản: Giới thiệu chung; Lí thuyết cơ bản; Cơ sở triết học. Bên cạnh việc giới thiệu các tiền đề lí thuyết có tính chất tổng thuật cùng một số phương diện của phương pháp luận của mỗi trường phái, môn học cũng sẽ chỉ ra sự vận dụng và thành tựu của giới Việt ngữ học liên quan đến từng trường phái. Ngoài ra, môn học sẽ đề cập thêm những xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ có ý nghĩa thời sự như ngôn ngữ học tạo sinh, ngôn ngữ học tri nhận, ngôn ngữ học nhân chủng. Kết thúc môn học, người học có thể ứng dụng những kiến thức đã được trang bị để ứng dụng vào nghiên cứu cụ thể trên thực tiễn tiếng Việt. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học khẳng định rằng học viên phải nắm vững các kiến thức liên ngành và có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc trong ngành nghề đào tạo; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ của đất nước. Vì thế, việc giảng dạy những kiến thức cơ sở về các trường phái ngôn ngữ học cho học viên ngành Ngôn ngữ học là cần thiết để học viên đạt được các yêu cầu trên.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			

CLO 1	Phân biệt được các khái niệm phương pháp luận, phương pháp, thủ pháp và biện pháp miêu tả có tính liên ngành.	PLO1	3
CLO 2	Mô tả được cơ sở duy vật biện chứng trong ngôn ngữ học và những nét khu biệt trong phương pháp luận giữa các trường phái, xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ khác nhau.	PLO3	4
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Phát triển kỹ năng nhận biết và phân biệt những cách phân loại khác nhau đối với phương pháp nghiên cứu, vạch ra được những đặc điểm riêng của từng trường phái, từng xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ học.	PLO6	4
CLO 4	Vận dụng các lý thuyết và phương pháp thích hợp vào các đề tài nghiên cứu cụ thể sau khi kết thúc môn học.	PLO5	5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 6	Rèn luyện thái độ và tư duy làm việc nghiêm túc, khoa học.	PLO8	3
CLO 5	Nhận biết rõ vai trò quan trọng của việc nắm vững phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ; có ý thức đi sâu nghiên cứu, học tập, vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu.	PLO10	3

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Trường phái ngôn ngữ học cấu trúc 1.1. Trường phái Geneva 1.1.1. Khúc dạo đầu: Thế kỷ thứ XIX 1.1.2. Trường phái Geneva 1.1.3. Cơ sở triết học và nhận thức luận của Saussure	7	3	24	CLO1 CLO2	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung ở các đề mục thuộc Chương 1 Cụ thể: Hiểu rõ được các

1.2. Trường phái cấu trúc luận Mĩ 1.2.1. Giới thiệu chung về trường phái cấu trúc luận Mĩ 1.2.2. Lí thuyết ngôn ngữ học cấu trúc Mĩ 1.2.3. Cơ sở triết học và nhận thức luận của ngôn ngữ học cấu trúc Mĩ						khái niệm then chốt (phương pháp luận, phương pháp, thủ pháp, biện pháp); Nhận biết được đặc điểm riêng của trường phái Geneva.
Chương 2. Trường phái ngôn ngữ học chức năng 2.1. Trường phái Prague 2.1.1. Giới thiệu chung về trường phái Prague 2.1.2. Lí thuyết ngôn ngữ học của trường phái Prague 2.1.2.1. Ngôn ngữ là một hệ thống 2.1.2.2. Chức năng ngôn ngữ quyết định cấu trúc ngôn ngữ 2.1.2.3. Ngôn ngữ là một hệ thống mở 2.1.2.4. Các phong cách chức năng và ngôn ngữ chuẩn 2.1.3. Lí thuyết phân đoạn thực tại câu 2.1.4. Cơ sở triết học và nhận thức luận của trường phái Prague 2.1.4.1. Cơ sở triết học của trường phái Prague 2.1.4.2. Nhận thức luận của trường phái Prague 2.2. Trường phái Copenhagen	7	4	25	CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung ở các đề mục thuộc chương 2. Cụ thể: Phân tích được vai trò, ý nghĩa của hệ lí thuyết ngôn ngữ học của Saussure và đóng góp của trường phái Geneva; Liên hệ được các kiến thức đã học để vận dụng vào quá trình nghiên cứu, xử lí các vấn đề ngôn ngữ

2.2.1. Giới thiệu chung về trường phái Copenhagen 2.2.2. Lý thuyết ngữ vị học 2.2.3. Cơ sở triết học và nhận thức luận của ngữ vị học						học thực tiền.
Chương 3. Ngôn ngữ học tạo sinh 3.1. Giới thiệu chung về ngôn ngữ học tạo sinh 3.2. Lý thuyết cải biến - tạo sinh của Chomsky 3.2.1. Đối tượng nghiên cứu của Chomsky 3.2.2. Mô hình ngôn ngữ thứ nhất 3.2.3. Lý thuyết chuẩn 3.2.4. Ngữ nghĩa học tạo sinh - một lý thuyết ngữ nghĩa đối lập với ngữ nghĩa học thuyết giải 3.2.5. Lý thuyết chuẩn mở rộng và lý thuyết chuẩn mở rộng có điều chỉnh 3.3. Cơ sở triết học và nhận thức luận của ngôn ngữ học tạo sinh 3.3.1. Cơ sở triết học của ngôn ngữ học tạo sinh 3.3.2. Nhận thức luận của ngôn ngữ học tạo sinh	7	4	25	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân - Ghi chép - Làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung ở các đề mục thuộc chương 3. Cụ thể: Hiểu rõ trường phái cấu trúc luận Mỹ; Liên hệ được các kiến thức đã học để vận dụng vào quá trình nghiên cứu, xử lý các vấn đề ngôn ngữ học thực tiễn; Hiểu rõ được trường phái Prague.
Chương 4. Ngôn ngữ học tri nhận 4.1. Giới thiệu chung về ngôn ngữ học tri nhận 4.2. Lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận 4.2.1. Những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận	7	4	25	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung ở các đề mục thuộc chương 4. Cụ thể: Nhận biết được đặc điểm riêng

4.2.2. Ngôn ngữ học tri nhận với việc hình thành các ý niệm ngôn ngữ 4.2.3. Ngôn ngữ học tri nhận với việc sử dụng và lí giải ngôn ngữ 4.2.4. Mấy nhận xét bước đầu 4.3. Cơ sở triết học và nhận thức luận của ngôn ngữ học tri nhận						và sự đóng góp của trường phái Prague; Liên hệ được các kiến thức đã học để vận dụng vào quá trình nghiên cứu, xử lí các vấn đề ngôn ngữ học thực tiễn.
<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO 1 CLO 2 CLO 5	Chương 1, 2, 3, 4	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và	

		CLO 6		tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì/ Báo cáo nhóm	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Chương 1, 2, 3, 4	Nội dung trọng tâm của các phần	
2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận hoặc Bài tập lớn/tiểu luận học phần)</i>	CLO 4 CLO 5 CLO 6	Chương 1, 2, 3, 4	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Kim Thân (1984), <i>Lược sử ngôn ngữ học</i> , NXB Đại học, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	V.B.Kasevich, Trần Ngọc Thêm (chủ biên) (1999), <i>Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ học đại cương</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Nguyễn Thiện Giáp (2012), <i>Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ</i> , NXB Giáo dục, Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Hoàng Anh

Số điện thoại: 0979671678; Email: thanh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 16: GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Giao tiếp liên văn hoá**
- Mã học phần: MVL.....
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần Giao tiếp liên văn hóa cung cấp cho học viên cao học chuyên ngành ngôn ngữ Việt Nam một số kiến thức chuyên sâu về giao tiếp văn hóa và vận dụng triển khai để rèn luyện và phát triển năng lực giao tiếp liên văn hoá cho học sinh; kiến thức liên quan đến phương pháp, kỹ thuật, quy trình xây dựng đánh giá năng lực của học sinh. Hoàn thiện các khái niệm cơ bản về giao tiếp liên văn hoá, năng lực giải quyết vấn đề siêu văn hóa, năng lực sử dụng các giải pháp để hòa giải văn hóa.

Thiết kế và phân tích được các tình huống nhằm phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa. Thiết kế tình huống dạy học vào việc phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa.

Học viên có ý thức học tập độc lập cũng như làm việc theo nhóm; Tích cực rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực của cá nhân trong việc học tập và nghiên cứu.

3. Tổng quan về học phần

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về những nét văn hóa cơ bản trong giao tiếp giữa các dân tộc trên thế giới, bao gồm những nguyên tắc giao tiếp cơ bản, phương thức giao tiếp hiệu quả và phù hợp theo từng môi trường và tình huống với những lý thuyết cơ bản về văn hóa giao tiếp để có thể nhận biết giá trị bản thân, nhằm hoàn thiện kỹ năng giao tiếp cá nhân, xây dựng ý thức về hội nhập cộng đồng quốc tế, tạo nền vững chắc, văn minh trong giao tiếp quốc tế. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Phân tích được khái niệm văn hoá, các yếu tố cơ bản của văn hoá, các cấp độ không gian văn hoá, văn minh, những vấn đề bản sắc văn hoá, văn hoá trong toàn cầu hoá và nghiên cứu về giao tiếp liên văn hoá.	PLO1 PLO2	4

	Phân tích được tầm quan trọng của tiếp cận giáo dục giao tiếp liên văn hoá		
4.2. Kỹ năng			
CLO 2	Thiết kế và phân tích được cách thức phát triển năng lực giao tiếp liên văn hoá	PLO4	5
CLO 3	Phân tích được vai trò của giao tiếp văn hóa trong dạy học và trong đời sống	PLO4	4
CLO 4	Đề xuất được một số hướng hòa giải văn hóa trong các tình huống cụ thể	PLO6	4
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 5	Tích cực rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực của cá nhân trong việc học tập và nghiên cứu.	PLO8	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Đại cương về văn hóa và bản sắc văn hóa 1.1. Khái niệm văn hoá 1.2. Các yếu tố cơ bản của văn hoá 1.3. Các cấp độ không gian văn hoá, văn minh và vấn đề bản sắc văn hoá 1.4. Văn hoá trong toàn cầu hoá 1.5. Nghiên cứu về giao tiếp liên văn hoá	2	2	8	CLO1 CLO2	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: + Phân tích khái niệm văn hoá; Các yếu tố cơ bản của văn hoá; các cấp độ không gian văn hoá, văn minh và vấn đề bản sắc văn hoá, văn hoá trong toàn cầu hoá. + Thiết kế được tình huống dạy học nhằm rèn

						luyện và phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa.
Chương 2. Giao tiếp bằng ngôn ngữ 2.1. Khái niệm giao tiếp và giao tiếp ngôn ngữ 2.2. Các mô hình giao tiếp ngôn ngữ 2.3. Điều kiện, kỹ năng và hiệu quả giao tiếp ngôn ngữ 2.4. Những ưu điểm và hạn chế của người Việt trong giao tiếp ngôn ngữ - các đặc trưng loại hình ngôn ngữ và tư duy	6	3	21	CLO1 CLO2	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: + Trình bày được khái niệm giao tiếp và giao tiếp ngôn ngữ. + Phân tích được các mô hình giao tiếp ngôn ngữ; điều kiện, kỹ năng và hiệu quả giao tiếp ngôn ngữ; những ưu điểm và hạn chế của người Việt trong giao tiếp ngôn ngữ - các đặc trưng loại hình ngôn ngữ và tư duy.
Chương 3: Các mô hình tiếp xúc văn hóa và tiếp xúc ngôn ngữ 3.1. Văn hoá và ngôn ngữ ngoại lai và việc am hiểu văn hoá và ngôn ngữ ngoại lai Các mô hình tiếp xúc văn hoá và tiếp xúc ngôn ngữ 3.2. Công cụ, chủ thể và loại hình tiếp xúc 3.3. Động cơ tiếp xúc văn hoá và ngôn ngữ	6	3	21	CLO2	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân - Ghi chép - Làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: Thiết kế và phân tích được các mô hình tiếp xúc văn hóa và tiếp xúc ngôn ngữ.

3.4. Các đặc trưng của chuẩn giao tiếp liên văn hoá 3.5. Mạng xã hội và vai trò của nó đối với giao tiếp liên văn hoá 3.6. Vai trò của trí thức đối với tiếp xúc văn hoá và ngôn ngữ						
Chương 4: Cộng sinh văn hóa và xung đột văn hóa 4.1. Các quan điểm về đặc trưng loại hình văn hoá/văn minh 4.2. Xã hội đa văn hoá và nền dân chủ 4.3. Vấn đề xung đột văn hoá Đông - Tây 4.4. Vấn đề xung đột văn hoá Bắc - Nam 4.5. Xung đột văn hoá và xung đột chính trị, kinh tế 4.6. Khả năng chung sống hoà bình giữa các nền văn hoá	6	2	20	CLO1 CLO2 CLO3	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân	Học viên đọc tài liệu tìm hiểu về cộng sinh văn hóa và xung đột văn hóa, khả năng chung sống hoà bình giữa các nền văn hoá
Chương 5: Giáo dục giao tiếp liên văn hóa 5.1. Tính liên văn hóa và 5.2. Các yếu tố then chốt của giáo dục liên văn hóa 5.3. Dạy học ngôn ngữ theo định hướng giáo dục liên văn hóa 5.4. Tầm quan trọng của việc dạy học liên văn hóa 5.5. Sự cần thiết phải giới thiệu phương pháp sư phạm đa văn hóa trong môi trường giảng dạy ngôn ngữ	4	2	14	CLO2 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân - Làm bài tập	Học viên đọc tài liệu tìm hiểu về giáo dục liên văn hóa; đọc tài liệu tìm hiểu về Dạy học ngôn ngữ theo định hướng giáo dục liên văn hóa; thiết kế và phân tích được tình huống dạy học nhằm phát triển năng lực liên văn hóa

5.6. Đóng góp của năng lực liên văn hóa đối với việc dạy học ngôn ngữ 5.7. Cách thức phát triển năng lực liên văn hóa trong lớp học ngôn ngữ 5.8. Đề xuất các hoạt động hòa giải văn hóa						đối với việc dạy học ngôn ngữ; đề xuất các hoạt động hòa giải văn hóa.
Chương 6: Các chiến lược nhằm phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa 6.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng giao tiếp liên văn hóa 6.2. Chiến lược 1. Công cụ để nắm bắt trải nghiệm liên văn hóa mới 6.3. Chiến lược 2. Công cụ thúc đẩy phát triển nghề nghiệp 6.4. Chiến lược 3. Công cụ để học ngoại ngữ	4	3	15	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân - Làm bài tập	Học viên đọc tài liệu tìm hiểu về các chiến lược nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp liên văn hóa; thiết kế tình huống dạy học vào việc vận dụng các chiến lược 1,2,3.
<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì/ Báo cáo nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Chương 2, 3, 4, 5, 6.	Nội dung trọng tâm của các phần	
2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận hoặc Bài tập lớn/tiểu luận học phần)</i>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Chương 2, 3, 4, 5, 6.	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Văn Vân (dịch) (2004), <i>Ngôn ngữ học qua các nền văn hoá</i> , NXB ĐH Quốc gia Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Lê Đức Luận (2022), <i>Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa - Tập 2</i> , NXB ĐH Quốc gia Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Lê Công Sự (2012), <i>Ngôn ngữ và văn hóa</i> , NXB Văn học, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

4	Phạm Đức Chương (2007), <i>Việt Nam - Đông Nam Á ngôn ngữ và văn hóa</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
---	---	-------------------------------	--	---

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Hoàng Anh

Số điện thoại: 0979671678; Email: thanh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 17: CÁC BÌNH DIỆN CỦA PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Các bình diện của phân tích diễn ngôn**
- Mã học phần: MVL.831
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (30/15/105)
- Số tiết trực tuyến: 20; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 25
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể:

Luận giải được các bình diện của phân tích diễn ngôn/văn bản áp dụng vào phân tích các loại hình diễn ngôn tiếng Việt.

Triển khai phân tích, so sánh, đối chiếu các bình diện phổ quát của các loại hình diễn ngôn/văn bản tiếng Việt thường gặp.

Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

3. Tổng quan về học phần

Đây là một trong những học phần cơ sở ngành bắt buộc của chương trình đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam. Học phần này chưa được giảng dạy ở chương trình đào tạo đại học. Nội dung môn học sẽ giới thiệu những định nghĩa về diễn ngôn, đơn vị cấu thành diễn ngôn, phương thức liên kết diễn ngôn, yếu tố ngữ cảnh/cảnh huống trong diễn ngôn. Nội dung môn học cũng bao gồm việc phân loại các diễn ngôn và những đặc điểm của chúng. Bên cạnh đó, hoàn thành môn học này, học viên còn được nâng cao kỹ năng nhận diện và phân tích các loại hình, cấu tạo diễn ngôn/văn bản khác nhau trong tiếng Việt. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Luận giải được các lí thuyết, phương pháp, mô hình tiếp cận phân tích diễn ngôn/ văn bản;	PLO2	4
CLO 2	Vận dụng kiến thức học phần vào phân tích diễn ngôn/ văn bản tiếng Việt thường gặp.	PLO3	5

4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Phân tích các bình diện cấu tạo, ngữ nghĩa, phong cách của loại hình diễn ngôn/ văn bản tiếng Việt;	PLO5 PLO6	4
CLO 4	So sánh, đối chiếu các dạng văn bản tiếng Việt theo hướng tiếp cận diễn ngôn đa thức.		
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	PLO8 PLO9	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Dẫn luận về diễn ngôn 1.1. Những định nghĩa về Diễn ngôn 1.2. Diễn ngôn và văn bản 1.3. Các tiêu chí của diễn ngôn 1.4. Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết 1.5. Vai trò của cảnh huống 1.5.1. Định nghĩa cảnh huống/ ngữ cảnh 1.5.2. Các mô hình cảnh huống 1.5.3. Sự tác động của cảnh huống trong diễn ngôn	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 1
Chương 2. Bình diện kết cấu ngữ pháp, ý nghĩa, ngữ dụng - văn hóa 2.1. Cấu trúc thông tin 2.2. Nghĩa từ vựng 2.3. Nghĩa liên nhân	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi	Đọc tài liệu nội dung Chương 2, hoàn thành sản phẩm học

2.4. Nghĩa văn bản và sự thể hiện thông qua cấu trúc chủ đề 2.5. Yếu tố văn hoá trong diễn ngôn 2.5.1. Hành động lời 2.5.2. Nguyên tắc hợp tác 2.5.3. Cấu trúc hội thoại 2.5.4. Chủ đề hội thoại 2.5.5. Liên kết và chuyển đổi chủ đề					(iii) Thảo luận cặp/nhóm	tập được giao
Chương 3. Mạch lạc trong diễn ngôn 3.1 Dẫn luận 3.2 Quy chiếu 3.3 Thay thế 3.4 Tinh lược 3.4 Hệ thống từ nối 3.5 Liên kết từ vựng <i>Ôn tập - Báo cáo nhóm</i>	10	5	35	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 3, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Thực hiện và nộp báo cáo kết quả học tập đúng thời gian quy định.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá	Quy định	Trọng số
Đánh giá quá trình	Tham gia các hoạt động học tập	CLO1-2 CLO5	Chương 1, 2, 3	Tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài lớp	0.1
	Báo cáo nhóm	CLO3	Chương 2	Báo cáo trực tiếp trong lớp	0.2

	Bài thi tự luận	CLO4	Chương 3	Đáp án	0.2
Đánh giá cuối kì	Bài tiểu luận/Bài tập lớn	CLO3, 4	Chương 1,2,3	Đúng theo quy định về nội dung và hình thức; nộp đúng thời hạn.	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Diệp Quang Ban (2012), <i>Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Diệp Quang Ban (2015), <i>Văn bản và liên kết trong tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Hồ Mỹ Huyền (2008), <i>Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết</i> . Luận án tiến sĩ Ngữ văn: Trường ĐH Khoa học XH&NV, TP.HCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Trần Ngọc Thêm (2009), <i>Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944.970.046; Email: dmhung@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 18: NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngôn ngữ nghệ thuật**
- Mã học phần: MVL.814
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (30LT/15ThH/105TH)
- Số tiết trực tuyến: 15; Số tiết trực tiếp: 30
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

2.1. Hiểu rõ các kiến thức lý luận chuyên sâu về NNNT, phân tích được các vấn đề của NNNT như: các thuộc tính đặc trưng cơ bản của NNNT; vấn đề loại hình của NNNT; vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật; vấn đề về phong cách ngôn ngữ của tác giả; vấn đề phân tích ngôn ngữ trong tác phẩm thuộc các thể loại văn học; đặc trưng của ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ truyện.

2.2. Sử dụng thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổng hợp, phân tích; kỹ năng lập kế hoạch thực hiện các báo cáo chuyên đề về NNNT; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình các vấn đề khoa học về NNNT trong quá trình dạy học Ngữ văn ở các trường phổ thông, hoạt động giao tiếp xã hội và các hoạt động chuyên môn khác.

2.3. Vận dụng hiệu quả những kiến thức về NNNT vào hoạt động dạy học Ngữ văn trong các trường phổ thông, cao đẳng, đại học; hoạt động biên tập báo chí, truyền thông và nghiên cứu khoa học (NCKH).

3. Tổng quan về học phần

Học phần NNNT chưa được học trong chương trình đại học. Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, học phần NNNT nhằm cung cấp cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về các vấn đề của NNNT như: các thuộc tính đặc trưng cơ bản của NNNT; vấn đề loại hình của NNNT; vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật; vấn đề về phong cách ngôn ngữ của tác giả; vấn đề phân tích ngôn ngữ trong tác phẩm thuộc các thể loại văn học; đặc trưng của ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ truyện. Việc hiểu rõ các kiến thức chuyên sâu về NNNT là cơ sở quan trọng để giúp người học tiếp cận các văn bản nghệ thuật thuộc các thể loại khác nhau. Điều này có ý nghĩa cần thiết trong quá trình nghiên cứu, phê bình văn học, trong học tập và giảng dạy văn học từ bậc phổ thông đến bậc đại học, trong công tác biên tập, truyền thông và NCKH.

Học phần NNNT là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, nhằm giúp người học sử dụng thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổng hợp, phân tích; kỹ năng lập kế hoạch thực hiện các báo cáo chuyên đề, kỹ năng thuyết trình về các vấn đề NNNT trong quá trình dạy học Ngữ văn ở các trường phổ thông, cao đẳng, đại học, công tác biên tập, truyền thông, NCKH và hoạt động giao tiếp xã hội. Giúp người học có khả năng tổng hợp, vận dụng hiệu quả kiến thức lý luận chuyên sâu về các vấn đề của NNNT vào hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

Học phần NNNT nhằm giúp người học chủ động nghiên cứu và làm việc độc lập, xác định được vị trí của NNNT trong các phong cách chức năng của tiếng Việt, vai trò của NNNT trong việc phát triển tiếng Việt. Từ đó mỗi cá nhân có ý thức giữ gìn ngôn ngữ dân tộc, phát huy những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO1	Tổng hợp, vận dụng thành thạo kiến thức lý luận chuyên sâu về bản chất của NNNT; các đặc trưng cơ bản của NNNT; loại hình của NNNT; cách sử dụng ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật; phong cách ngôn ngữ của tác giả; đặc trưng của ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ truyện vào việc dạy học Ngữ văn, công tác biên tập, truyền thông, giao tiếp, NCKH.	PLO2	4
4.2. Kỹ năng			
CLO2	Sử dụng thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch thực hiện các báo cáo chuyên đề, kỹ năng thuyết trình các vấn đề về NNNT.	PLO7	4
CLO3	Sử dụng thành thạo kỹ năng tổng hợp, phân tích các kết quả nghiên cứu về NNNT vào hoạt động dạy Ngữ văn ở các trường phổ thông, hoạt động giao tiếp xã hội, biên tập, truyền thông, NCKH.	PLO4	5
4.3 .Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO4	Chủ động nghiên cứu và làm việc độc lập, vận dụng hiệu quả những kiến thức về NNNT vào hoạt động dạy học, biên tập, truyền truyền thông, NCKH, giao tiếp.	PLO8	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1: Đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật 1.1. Vấn đề nhận thức bản chất của ngôn ngữ nghệ thuật <i>1.1.1. Ngôn ngữ nghệ thuật - một dạng thức của lời nói</i> <i>1.1.2. Một số quan niệm về ngôn ngữ nghệ thuật</i> 1.2. Các thuộc tính đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật <i>1.2.1. Tính cấu trúc</i> <i>1.2.2. Tính hình tượng</i> <i>1.2.3. Tính thẩm mỹ</i> <i>1.2.4. Tính cụ thể hóa</i> <i>1.2.5. Tính cá thể hóa</i> 1.3. Vấn đề loại hình của ngôn ngữ nghệ thuật <i>1.3.1. Khái niệm tính loại hình của ngôn ngữ nghệ thuật</i> <i>1.3.2. Những yếu tố quy định tính loại hình của ngôn ngữ nghệ thuật</i> <i>1.3.3. Các loại hình ngôn ngữ nghệ thuật</i>	9	3	25	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết trình; Đàm thoại; Thảo luận nhóm.	Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo
Chương 2. Yêu cầu sử dụng ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật 2.1. Ngữ âm và chữ viết trong văn bản nghệ thuật <i>2.1.1. Khái quát về Ngữ âm</i> <i>2.1.2. Yêu cầu sử dụng các biện pháp tu từ ngữ âm</i>	8	3	25	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết trình; Đàm thoại; Thảo luận nhóm.	Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo

2.2. Từ ngữ trong văn bản nghệ thuật 2.2.1. <i>Khái quát về từ ngữ</i> 2.2.2. <i>Đặc điểm của một số lớp từ giàu màu sắc biểu cảm và yêu cầu khi sử dụng</i> 2.3. Câu trong văn bản nghệ thuật 2.3.1. <i>Các kiểu câu giàu màu sắc phong cách</i> 2.3.2. <i>Yêu cầu sử dụng các biện pháp tu từ về câu trong văn bản nghệ thuật</i> 2.4. Kết cấu trong văn bản nghệ thuật 2.4.1. <i>Khái quát về kết cấu trong văn bản nghệ thuật</i> 2.4.2. <i>Yêu cầu về kết cấu trong văn bản nghệ thuật</i>						
Chương 3: Phong cách ngôn ngữ tác giả 3.1. Phong cách ngôn ngữ tác giả từ góc nhìn phong cách nghệ thuật 3.1.1. <i>Khái luận về Phong cách và phong cách nghệ thuật</i> 3.1.2. <i>Các phương diện của phong cách nghệ thuật</i> 3.2. Vấn đề liên văn bản với phong cách ngôn ngữ tác giả 3.2.1. <i>Khái niệm liên văn bản</i> 3.2.2. <i>Liên văn bản với vấn đề phong cách ngôn ngữ tác giả</i>	05	05	30	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết trình; Đàm thoại; Seminar: 1. Phân tích đặc điểm phong cách NN thơ Tố Hữu (tập thơ Việt Bắc). 2. Phân tích đặc điểm phong cách NN của Nguyễn Tuân. 3. Phân tích đặc điểm phong cách NN của Nam Cao 4. Phân tích đặc điểm phong cách	Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo. Nghiên cứu và làm việc theo nhóm để thực hiện Seminar

					NN của Xuân Diệu	
Chương 4: Phân tích ngôn ngữ trong tác phẩm thuộc các thể loại văn học 4.1. Tri thức về ngôn ngữ nghệ thuật với vấn đề tiếp nhận văn học <i>4.1.1. Tri thức về ngôn ngữ nghệ thuật</i> <i>4.1.2. Vấn đề tiếp nhận văn học</i> 4.2. Phân tích ngôn ngữ trong tác phẩm thơ <i>4.2.1. Đặc trưng của ngôn ngữ thơ</i> <i>4.2.2. Phân tích ngôn ngữ trong tác phẩm thơ</i> 4.3. Phân tích ngôn ngữ trong tác phẩm truyện <i>4.3.1. Đặc trưng của ngôn ngữ trong tác phẩm truyện</i> <i>4.3.2. Phân tích ngôn ngữ trong tác phẩm truyện</i>	8	4	25	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết trình, đàm thoại; Thảo luận nhóm.	Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

6.1. Đi học chuyên cần, đảm bảo tham dự tối thiểu 80% số tiết của học phần.

6.2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo quy định trong Đề cương chi tiết học phần.

6.3. Hoàn thành tốt nội dung nghiên cứu do giảng viên, tổ/nhóm phân công khi thực hiện seminar. Tham gia đủ 100% số giờ semina.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	MT/CĐR	Quy định	Trọng số
1	Đánh giá thường xuyên	CLO1, CO2,	Thực hiện bài tập/ báo cáo, thảo luận trong quá trình học	0.5

		CLO3, CLO4	Bài kiểm tra (cá nhân)	
2	Đánh giá kết thúc học phần	CLO1	Thi tự luận 120 phút/ Làm Bài tập lớn	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thái Hoà (2000), <i>Những vấn đề thi pháp của truyện</i> , NXB Giáo dục, HN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
2	Nguyễn Thị Phương Thủy (2014), <i>Xu hướng tự do hóa ngôn ngữ thơ Việt Nam thế kỉ XX</i> , NXB Chính trị Quốc gia, HN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Hữu Đạt, <i>Ngôn ngữ thơ Việt Nam</i> , NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
4	Nguyễn Văn Trung (2019), <i>Lược khảo văn học - Tập 2: Ngôn ngữ văn chương và kịch</i> , NXB Tổng hợp TPHCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Hoàng Anh

Số điện thoại: 0979.671.678; Email: thanh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Nguyễn Thị Chính

Số điện thoại: 0908 483 060; Email: ntchinh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 19: PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Phân tích văn bản**
- Mã học phần: MVL.815
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần cung cấp những kiến thức vừa cơ bản, vừa chuyên sâu về văn bản tiếng Việt, gồm: khái niệm và đặc trưng của văn bản, tính mạch lạc, phép liên kết, đoạn văn và câu trong văn bản. Những kiến thức lý luận này giúp học viên vận dụng các kiến thức về phân tích văn bản vào hoạt động tạo lập và tiếp nhận một văn bản một cách chuẩn mực, linh hoạt, sáng tạo, nhờ đó, nâng cao được kỹ năng giao tiếp và sử dụng tiếng Việt. Học phần Phân tích văn bản còn góp phần giúp học viên thấy được tầm quan trọng của việc nói, viết khi các đơn vị và phương diện khác nhau của văn bản được sử dụng chuẩn mực. Từ đó, học viên thấy được sự cần thiết về việc tiếp tục học tập, nghiên cứu những nội dung liên quan để nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt nói riêng và ngôn ngữ nói chung và có thái độ tích cực hơn trong các hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

3. Tổng quan về học phần

Nội dung học phần sẽ giới thiệu chung về các vấn đề thuộc văn bản (đặc trưng của văn bản, tính mạch lạc trong văn bản, tính liên kết văn bản (đặc biệt là các phương thức liên kết sẽ được giới thiệu một cách chi tiết trong học phần), những đơn vị cấu thành văn bản (câu và đoạn văn trong văn bản). Bên cạnh đó, học phần cũng trình bày các nguyên tắc sử dụng và tạo điều kiện cho người học tiếp cận các phương pháp nghiên cứu nội dung liên quan. Do vậy, ngoài việc rèn luyện kỹ năng phân tích văn bản để nâng cao hiệu quả tiếp nhận và tạo lập văn bản, người học còn được bồi dưỡng chuyên sâu về các hướng tiếp cận nghiên cứu văn bản nói chung và phát ngôn/văn bản tiếng Việt nói riêng. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Vận dụng các kiến thức về phân tích văn bản (đặc trưng, tính mạch lạc và liên kết, câu và đoạn văn trong văn bản) vào các hoạt động thực tiễn như: phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng, hoạt động tạo	PLO2	4

	lập và tiếp nhận một văn bản một cách chuẩn mực, linh hoạt, sáng tạo trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông, hoạt động biên tập, xuất bản, nghiên cứu.		
4.2. Kỹ năng			
CLO 2	Phát triển kỹ năng nhận diện các vấn đề liên quan đến văn bản; rèn luyện phương pháp phân tích, nghiên cứu những biểu hiện của mạch lạc và phương thức liên kết văn bản trong tiếng Việt và các ngôn ngữ khác để công bố các công trình nghiên cứu;	PLO4	5
CLO 3	Sử dụng hiệu quả kỹ năng phân tích, cùng các phương pháp nghiên cứu của ngôn ngữ học văn bản vào trong công việc liên quan đến tiếng Việt như phân tích nhân vật, văn bản (ngữ văn), dạy - học tiếng Việt	PLO6	4
CLO 4	Sử dụng đa dạng, phong phú và đạt hiệu quả các kiến thức về phân tích văn bản, nhờ đó nâng cao được kỹ năng giao tiếp nói chung và sử dụng tiếng Việt nói riêng và các hoạt động khác	PLO7	5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 5	Đưa ra được các kết luận chuyên môn về các vấn đề của Phân tích văn bản, bảo vệ được kiến thức chuyên môn của mình và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và khoa học về những vấn đề mình đưa ra	PLO8	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1: Khái quát về giao tiếp và văn bản 1.1. Khái quát về giao tiếp 1.1.1. Khái niệm giao tiếp 1.1.2. Mô hình giao tiếp 1.2. Khái quát về văn bản 1.2.1. Khái niệm văn bản	4	3	15	CLO1 CLO2 CLO4	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Phân biệt văn bản hội thoại và

1.2.2. Đặc trưng của văn bản 1.2.3. Bố cục văn bản						văn bản viết - Phân biệt văn bản với những đơn vị không phải là văn bản - Tìm hiểu bố cục của văn bản
Chương 2: Mạch lạc trong văn bản 2.1. Định nghĩa về mạch lạc 2.2. Những biểu hiện của mạch lạc 2.2.1. Trong quan hệ giữa các từ ngữ trong một câu 2.2.2. Trong quan hệ giữa các đề tài chủ đề của một câu 2.2.3. Trong quan hệ giữa các phần nêu đặc trưng ở những câu có quan hệ nghĩa với nhau 2.2.4. Trong trật tự hợp lí giữa các câu (hay các mệnh đề) 2.2.5. Mạch lạc theo quan hệ ngoại chiếu 2.2.6. Trong quan hệ thích hợp giữa các hành động nói 2.2.7. Trong quan hệ lập luận	8	4	28	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Phân tích định nghĩa mạch lạc - Những biểu hiện của mạch lạc trong văn bản
Chương 3: Tính liên kết của văn bản 3.1. Khái niệm liên kết 3.2. Các phương diện liên kết 3.2.1. Liên kết hướng nội	8	4	28	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Phân biệt liên kết

3.2.1.1. Khái niệm liên kết hướng nội 3.2.1.2. Sự thể hiện của liên kết hướng nội 3.2.2. Liên kết hướng ngoại 3.2.2.1. Khái niệm liên kết hướng ngoại 3.2.2.2. Các mặt liên kết hướng ngoại					- Làm việc cá nhân	hướng nội và liên kết hướng ngoại - Tìm hiểu các phép liên kết - Phân tích các mặt liên kết hướng ngoại
Chương 4: Câu và đoạn văn trong văn bản 4.1. Câu trong văn bản 4.1.1. Câu trong văn bản có tính đa dạng về cấu tạo 4.1.2. Câu trong văn bản có sự chuyển đổi trật tự một cách linh hoạt 4.1.3. Câu trong văn bản có sự phong phú về nội dung, ý nghĩa nhưng giá trị của các câu không ngang nhau 4.1.4. Câu trong văn bản mang tính phong cách 4.2. Đoạn văn trong văn bản 4.2.1. Khái niệm đoạn văn 4.2.2. Phân loại đoạn văn	8	4	28	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Phân tích các đặc điểm về câu trong văn bản - Rèn các kỹ năng dựng đoạn văn
<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO1 CLO2 CLO3	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;

- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Chương 1, 2, 3, 4	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì/ Báo cáo nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	Chương 1, 2, 3, 4	Nội dung trọng tâm của các phần	
2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận hoặc Bài tập lớn/tiểu luận học phần)</i>	CLO1 CLO2 CLO3	Chương 1, 2, 3, 4	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Diệp Quang Ban (2012), <i>Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản</i> , NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Trần Ngọc Thêm (2009), <i>Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

3	Diệp Quang Ban (2006), <i>Văn bản</i> , NXB Đại học Sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Diệp Quang Ban (2015), <i>Văn bản và liên kết trong tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Thanh Vân.

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: PGS.TS. Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944970046; Email: dmhung@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 20: NGŨ NGHĨA HỌC TỪ VỰNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngữ nghĩa học từ vựng**
- Mã học phần: MVL.816
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ 150 (30LT/15ThH/105TH)
- Số tiết trực tuyến: 15; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 30
- Học phần điều kiện (*nếu có*):
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Nội dung ngữ nghĩa học của từ vựng đã được xem xét khái quát trong học phần “Ngôn ngữ học đại cương” của các chương trình đại học liên quan. Ở cấp học thạc sĩ chuyên ngành ngôn ngữ Việt Nam, học phần “Ngữ nghĩa học từ vựng” nhằm giúp học viên: (1) bổ sung những hiểu biết chuyên sâu và thời sự về ngữ nghĩa học từ vựng nói chung, ngữ nghĩa từ vựng tiếng Việt nói riêng; (2) vận dụng vào nghiên cứu, tìm hiểu, xử lý các vấn đề cụ thể liên quan đến ngữ nghĩa trong các lĩnh vực hoạt động ngôn ngữ đa dạng của xã hội và giảng dạy trong nhà trường. Học phần cũng góp phần rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp của học viên. Thông qua các hình thức và hoạt động học tập, học phần giúp học viên nâng cao ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, từ đó góp phần vào công cuộc bảo vệ phát triển và hiện đại hóa tiếng Việt và dạy học ngữ văn trong nhà trường.

3. Tổng quan về học phần

Ngữ nghĩa học từ vựng là một phần không tách rời của Ngữ nghĩa học và Từ vựng học, vừa mở rộng, nâng cao, vừa đi sâu, tập trung vào ngữ nghĩa của từ vựng theo các mối quan hệ ngữ nghĩa trong hệ thống và trong hành chức.

Cụ thể, học phần tập trung trình bày các loại ý nghĩa, quan hệ ngữ nghĩa trong hệ thống của các đơn vị từ vựng và sự biểu hiện của chúng trong hành chức, trong sử dụng, theo các chức năng đa dạng của ngôn ngữ nói chung, đơn vị từ vựng nói riêng.

Học phần cũng trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa từ vựng, những định hướng và kỹ năng ứng dụng lý thuyết ngữ nghĩa học từ vựng vào việc nghiên cứu các biểu hiện cụ thể, đa dạng của ngôn ngữ trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của đời sống xã hội và dạy học ngữ văn trong nhà trường.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs – Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO1	Vận dụng được các kiến thức bổ trợ liên ngành, kiến thức cơ sở ngành; lý thuyết ngữ nghĩa học từ vựng... để lý giải các vấn đề cơ bản của từ ngữ tiếng Việt trong hoạt động phát triển theo quan điểm cấu trúc, chức năng, tri nhận..., lý giải các vấn đề về ý nghĩa của từ và sự biểu hiện của chúng trong các loại đơn vị từ, các quan hệ ngữ nghĩa của từ vựng như trường nghĩa, đồng nhất và đối lập, đẳng cấu ngữ nghĩa... trong hoạt động dạy học tiếng Việt, dạy học ngữ văn ở nhà trường phổ thông và các hoạt động biên tập báo chí, truyền thông...	PLO2	4
CLO2	Vận dụng thành thạo các lý thuyết về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ vào quá trình nghiên cứu ngữ nghĩa học từ vựng tiếng Việt.	PLO3	5
4.2 Kỹ năng			
CLO3	Sử dụng thành thạo các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các nguồn ngữ; các phương pháp nghiên cứu và tổ chức thực hành một đề tài nghiên cứu về ngữ nghĩa học từ vựng phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và các công tác chuyên môn khác có liên quan đến ngữ nghĩa học từ vựng tiếng Việt.	PLO4	4
CLO4	Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tham gia, hỗ trợ, tư vấn...; triển khai được vấn đề nghiên cứu, bảo vệ kết quả nghiên cứu của cá nhân hoặc nhóm, sử dụng thành thạo các phương tiện hỗ trợ để phục vụ cho công tác nghiên cứu và chuyên môn nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến ngữ nghĩa học từ vựng tiếng Việt.	PLO7	5
4.3 Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Thể hiện năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; năng lực hợp tác; khiêm tốn học hỏi, tự định hướng và hướng dẫn người khác tìm hiểu cập nhật các vấn đề khoa học của ngữ nghĩa học từ vựng tiếng Việt trong các hoạt động xã hội, hoạt động chuyên môn...; gương mẫu về đạo đức nghề nghiệp để thích ứng với yêu cầu của công tác chuyên môn thuộc cá nhân và đơn vị phụ trách.	PLO10	5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	Th H	TH			
Chương 1. Đối tượng ngữ nghĩa học 1.1. Một số khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa 1.1.1. Ý nghĩa và ý nghĩa ngôn ngữ 1.1.2. Ngữ nghĩa học hướng hệ thống và ngữ nghĩa học hướng hoạt động 1.1.3. Các đơn vị mang nghĩa, đối tượng của ngữ nghĩa học 1.2. Tín hiệu học và ngữ nghĩa học 1.2.1. Hoạt động giao tiếp 1.2.2. Các bộ phận hợp thành của lý thuyết tín hiệu học 1.2.3. Đặc trưng tín hiệu học của tín hiệu ngôn ngữ 1.2.4. Về tính vô đoán của tín hiệu ngôn ngữ 1.3. Những vấn đề và nội dung cơ bản nghiên cứu ngữ nghĩa học từ vựng 1.3.1. Cấu trúc, hệ thống, chức năng nghĩa và các nhân tố liên quan 1.3.2. Các nội dung cơ bản nghiên cứu nghĩa từ vựng và khả năng ứng dụng	5	2	17	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	-Đọc: tài liệu chính; tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung của chương; -Hoàn thành bài tập được phân công.
Chương 2. Nghĩa của từ 2.1. Nghĩa và cấu trúc nghĩa của từ 2.1.1. Một số quan niệm về nghĩa của từ 2.1.2. Các thành phần ý nghĩa của từ và đơn vị từ vựng	7	3	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	-Đọc: tài liệu chính; tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung của chương;

2.1.3. Chuyển nghĩa của từ với các hiện tượng đa nghĩa, chuyển loại, đồng âm 2.2. Ngữ nghĩa của các yếu tố Hán Việt 2.2.1. Hoạt động ngữ nghĩa của các yếu tố hán Việt trong tiếng Việt 2.2.2. Về tính khó hiểu về ngữ nghĩa của từ Hán Việt 2.2.3. Tính chi phối ngữ nghĩa với phong cách của từ Hán Việt					- Hướng dẫn làm bài tập	-Hoàn thành bài tập được phân công.
Chương 3. Ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt 3.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của thành ngữ tiếng Việt 3.1.1. Các loại ngữ cố định trong tiếng Việt 3.1.2. Khái niệm thành ngữ 3.1.3. các đặc trưng của thành ngữ tiếng Việt 3.2.1. Đặc điểm ngữ nghĩa của thành ngữ 3.2.2. Cấu tạo và cơ chế hình thành nghĩa biểu trưng của thành ngữ tiếng Việt	7	3	24	CLO2 CLO3 CLO5	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	-Đọc: tài liệu chính; tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung của chương; -Hoàn thành bài tập được phân công.
Chương 4. Quan hệ ngữ nghĩa của các đơn vị từ vựng trong tiếng Việt 4.1. Đẳng cấp ngữ nghĩa 4.2. Quan hệ đồng nhất và hiện tượng đồng nghĩa 4.3. Quan hệ đối lập và hiện tượng trái nghĩa 4.4. Trường từ vựng ngữ nghĩa 4.4.1. Giản lược về lịch sử “trường” 4.4.2. Khái niệm trường nghĩa 4.4.3. Các trường từ vựng ngữ nghĩa	6	4	22	CLO2 CLO3 CLO5	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	-Đọc: tài liệu chính; tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung của chương; -Hoàn thành bài tập được phân công.

Chương 5. Các phương pháp nghiên cứu ứng dụng ngữ nghĩa học từ vựng 5.1. Phương pháp điều tra, thu thập và xử lý tư liệu 5.1.1. Điều tra, khảo sát tư liệu 5.1.2. Thu thập tư liệu 5.1.3. Chính lý tư liệu 5.1.4. Thống kê định lượng 5.2. Một số phương pháp phân tích thành tố 5.2.1. Phương pháp phân tích nghĩa từ 5.2.2. Phương pháp phân tích nghĩa tố, nghĩa vị 5.2. Một số phương pháp phân nghiên cứu liên ngành và tương quan ngữ cảnh 5.2.3. Định vị nhân tố dụng học 5.2.3. Định vị nhân tố tư duy, văn hóa cộng đồng	5	3	18	CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân - Hướng dẫn làm bài tập	-Đọc: tài liệu chính; tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung của chương; -Hoàn thành bài tập được phân công.
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp (trực tiếp và/hoặc trực tuyến).
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Tham dự đủ các hình thức đánh giá của học phần.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
7.1	Đánh giá thường xuyên				
7.1.1	Chuyên cần	CLO1 CLO2 CLO3	Thái độ, tinh thần học tập	Tham gia đầy đủ các buổi; chuẩn bị bài và tích cực tham gia bài học.	

7.1.2	Bài tập/ báo cáo nhóm	CLO4 CLO5	Chương 1, 5	Sản phẩm báo cáo nhóm	0,5
7.1.3	Kiểm tra thường kì		Chương 2, 3, 4	Nội dung trọng tâm của chương 2, 3, 4	
7.2	Đánh giá cuối kì (Bài tập lớn / tiểu luận học phần)	CLO2 CLO3 CLO5	Chương 1, 2, 3, 4, 5	Học viên chọn đề tài bài tập lớn/ tiểu luận để thực hiện do giảng viên giao.	0,5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đỗ Hữu Châu (1987), <i>Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Hoàng Trọng Canh (chủ biên), Quế Mai Hương (2016), <i>Văn hóa giao tiếp</i> , NXB KHXH Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Hoàng Trọng Canh (2018), <i>Giáo trình từ Hán – Việt</i> , NXB Đại học Vinh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Hoàng Văn Hành (2015), <i>Thành ngữ học tiếng Việt</i> , NXB KHXH Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Đỗ Hữu Châu (1996), <i>Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
6	Đỗ Thị Kim Liên (2019), <i>Nghiên cứu thành ngữ, tục ngữ Việt Nam dưới góc nhìn ngữ nghĩa – ngữ dụng – văn hóa</i> , NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
7	Nguyễn Thiện Giáp (2024), <i>Từ điển Ngôn ngữ học</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy**Giảng viên 1:** TS. GVC. Trần Hoàng AnhSố điện thoại: 0979.671.678; Email: thanh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh VânSố điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 21: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ TỪ HÁN VIỆT

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Những vấn đề về từ Hán Việt**
- Mã học phần: MVL.817
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

- Vận dụng các tiêu chí để nhận diện từ Hán Việt trong các ngữ liệu. Từ đó đưa ra những nhận định về đặc điểm, giá trị, phong cách của từ Hán Việt được người viết sử dụng.
- Thấy được giá trị tu từ của từ Hán Việt trong kho từ vựng tiếng Việt và tầm quan trọng của việc nghiên cứu từ Hán Việt đối với các học phần ngôn ngữ liên quan khác.
- Yêu thích môn học, tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về từ Hán Việt, có thể bảo vệ được quan điểm và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khoa học của vấn đề đưa ra.

3. Tổng quan về học phần

Nội dung học phần bao gồm các vấn đề cơ bản sau: Khái quát về từ Hán Việt; Từ Hán Việt trong tiếng Việt; Các tiêu chí nhận diện từ Hán Việt trong vốn từ tiếng Việt; Phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt; Vận dụng tri thức từ Hán Việt vào việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Học phần giúp học viên áp dụng được các lý thuyết để ứng dụng và hỗ trợ cho việc học tiếp các chuyên đề chuyên ngành trong chương trình đào tạo thuận lợi hơn, tự giải quyết được các vấn đề có liên quan đến từ Hán Việt trong luận văn của mình và các vấn đề ngôn ngữ liên ngành. Ngoài ra, giúp học viên có thêm cơ sở hiểu và vận dụng tri thức học phần vào thực tiễn giảng dạy/ công tác. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Phân tích được những vấn đề lý luận về tiếp xúc ngôn ngữ và tiếp xúc ngôn ngữ Việt - Hán; kết quả của quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Việt Hán; quá trình hình thành từ Hán Việt, khái niệm cách đọc Hán Việt, cấu tạo, ngữ nghĩa, khả năng	PLO2	4

	hoạt động, phương pháp giải nghĩa từ Hán - Việt; nhận diện từ Hán Việt qua các tiêu chí... Qua đó, người học có thể vận dụng hiệu quả, đúng đắn các kiến thức của học phần vào hoạt động nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt.		
CLO 2	Phân tích được giá trị tu từ của từ Hán Việt trong kho từ vựng tiếng Việt và tầm quan trọng của việc nghiên cứu từ Hán Việt đối với các học phần ngôn ngữ liên quan khác.	PLO2	4
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Sử dụng linh hoạt phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành để khảo sát, xử lý tư liệu nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu về việc nhận diện từ Hán Việt và đặc điểm từ Hán Việt trong kho từ vựng tiếng Việt.	PLO5	3
CLO 4	Nâng cao kỹ năng phân loại, lựa chọn và sử dụng từ Hán Việt thông dụng đúng nghĩa, đúng văn cảnh. Từ đó lý giải được các vấn đề Ngôn ngữ Việt Nam ở một số lĩnh vực khác của khoa học xã hội và nhân văn.	PLO4	4
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 5	Chủ động nghiên cứu và làm việc độc lập, có năng lực định hướng, sáng tạo tri thức mới, biết vận dụng kiến thức từ Hán Việt vào hoạt động chuyên môn mang tính thực tiễn.	PLO9	4
CLO 6	Yêu thích môn học, đưa ra kết luận chuyên môn về từ Hán Việt, có thể bảo vệ được quan điểm và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khoa học của vấn đề đưa ra.	PLO8	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Khái quát về từ Hán Việt	3	2	11	CLO1	- Phương pháp thuyết trình, phân	- Đề cương chi tiết học phần

1.1. Vấn đề vay mượn từ và từ vay mượn trong tiếng Việt 1.1.1. Vay mượn từ là quy luật phổ quát, tích cực của ngôn ngữ 1.1.2. Vay mượn từ là hiện tượng hai chiều giữa các ngôn ngữ 1.1.3. Từ vay mượn trong tiếng Việt và lớp từ Hán Việt 1.2. Quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Hán với sự hình thành từ Hán Việt 1.2.1. Ba nhân tố đưa đến một đợt tiếp xúc lâu dài, liên tục, sâu rộng 1.2.2. Hai giai đoạn tiếp xúc Hán Việt ảnh hưởng về mặt ngôn ngữ văn tự 1.3. Định nghĩa cách đọc Hán Việt Tầm quan trọng của cách đọc Hán Việt					tích, vấn đáp, gợi mở. - HV tự nghiên cứu tài liệu. - HV báo cáo. - GV tổng hợp, đánh giá, kết luận.	- HV đọc các nội dung liên quan ở các tài liệu, chú ý: - Các khả năng tiếp xúc với tiếng Hán. - Các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự tiếp xúc ngôn ngữ Việt - Hán. - Cách đọc Hán Việt. Thảo luận: Phương hướng nghiên cứu cách đọc Hán Việt.
Chương 2: Từ Hán Việt trong vốn từ tiếng Việt 2.1. Khái quát về các lớp từ vay mượn trong tiếng Việt 2.2. Khái quát về lớp từ gốc Hán trong tiếng Việt 2.2.1. Từ tiền Hán Việt 2.2.2. Từ Hán Việt 2.2.3. Từ hậu Hán Việt 2.3. Khả năng hoạt động tự do và hạn chế của các yếu tố Hán Việt 2.4. Hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa của yếu tố Hán Việt trong tiếng Việt 2.4.1. Hiện tượng đồng âm	7	3	24	CLO1 CLO2	- Phương pháp thuyết trình, phân tích, vấn đáp, gợi mở. - HV tự nghiên cứu tài liệu. - HV báo cáo. - GV tổng hợp, đánh giá, kết luận.	HV đọc các nội dung liên quan ở các tài liệu, chú ý: - Từ vựng gốc Hán. - Ngữ nghĩa, ngữ pháp của từ Hán Việt. Thảo luận: 1. Cứ liệu về xuất phát điểm của cách đọc Hán Việt. Kết quả của quá trình tiếp xúc ngôn

2.4.2. Hiện tượng đồng nghĩa 2.5. Hoạt động ngữ nghĩa của các yếu tố Hán Việt trong tiếng Việt 2.5.1. Thu hẹp nghĩa 2.5.2. Mở rộng nghĩa 2.5.3. Chuyển đổi nghĩa						ngữ Việt - Hán.
Chương 3: Các tiêu chí nhận diện từ Hán Việt trong vốn từ tiếng Việt 3.1. Tiêu chí về chữ viết 3.2. Tiêu chí về ngữ âm 3.2.1. Phụ âm đầu 3.2.2. Phân vần 3.3. Tiêu chí về ngữ pháp 3.3.1. Cấu tạo từ đơn tiết Hán Việt 3.3.2. Cấu tạo từ đa tiết Hán Việt 3.4. Tiêu chí về ngữ nghĩa 3.4.1. Từ đơn tiết 3.4.2. Từ đa tiết 3.5. Tiêu chí về phong cách 3.5.1. Từ Hán Việt tạo ra sắc thái phong cách tao nhã 3.5.2. Từ Hán Việt tạo ra sắc thái phong cách trang trọng 3.5.3. Từ Hán Việt tạo ra sắc thái phong cách trù tượng, cổ kính	8	5	29	CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp thuyết trình, phân tích, vấn đáp, gợi mở. - HV tự nghiên cứu tài liệu. - HV báo cáo. - GV tổng hợp, đánh giá, kết luận.	HV đọc các nội dung liên quan ở các tài liệu, chú ý: - Quy luật chuyển đổi phụ âm hữu thanh Hán và vô thanh Hán với thanh điệu trầm, bổng của tiếng Việt. - Quá trình diễn biến từ hệ thống thanh mẫu và vận bộ Hán đến hệ thống phụ âm đầu và vần Hán Việt. Bài tập: 1. Nhận diện các từ Hán Việt trong văn bản được tuyên giảng. 2. Thống kê và lý giải hiện tượng một số từ đa tiết Hán Việt bị nhầm là từ thuần Việt.

Chương 4: Phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt 4.1. Thuyết minh nghĩa yếu tố cấu tạo và quan hệ giữa các yếu tố 4.1.1. Từ đơn tiết Hán Việt 4.1.2. Từ đa tiết Hán Việt 4.2. Căn cứ vào văn cảnh, ngữ cảnh 4.2.1. Đặt từ vào văn cảnh và ngữ cảnh cụ thể 4.2.2. Tìm hiểu điển tích, điển cố 4.3. Đối chiếu với từ thuần Việt đồng nghĩa 4.3.1. Những từ tương đồng về nghĩa 4.3.2. Những từ vừa tương đồng vừa phân biệt với nhau về nghĩa 4.3.3. Những từ tương đồng về nghĩa nhưng khác nhau về sắc thái, phong cách	7	3	24	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp thuyết trình, phân tích, vấn đáp, gợi mở. - HV tự nghiên cứu tài liệu. - HV báo cáo. - GV tổng hợp, đánh giá, kết luận.	HV đọc các nội dung liên quan ở các tài liệu, chú ý: - Căn cứ giải nghĩa từ Hán Việt. Thảo luận: Trật tự từ đa tiết trong tiếng Hán và tiếng Việt. Ví dụ.
Chương 5: Vận dụng tri thức từ Hán Việt vào việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt 5.1. Sử dụng từ Hán Việt đúng âm, đúng nghĩa 5.2. Sử dụng từ Hán Việt phù hợp đối tượng, ngữ cảnh 5.3. Sử dụng từ Hán Việt theo hướng tích cực, chủ động, sáng tạo nhưng tránh lạm dụng	3	2	11	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp thuyết trình, phân tích, vấn đáp, gợi mở. - HV tự nghiên cứu tài liệu. - HV báo cáo. - GV tổng hợp, đánh giá, kết luận.	HV thống kê trường hợp sử dụng sai từ Hán Việt trong các ngữ liệu bất kỳ và thực hiện yêu cầu sau: - Chỉ ra lỗi dùng sai từ Hán Việt. - Dùng từ Hán Việt khác để thay thế cho những từ Hán Việt bị dùng sai.

<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Chương 1, 2, 3, 4, 5	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Chương 3, 4, 5	Nội dung trọng tâm của các phần	
2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận/ bài tập lớn)</i>	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Chương 2, 3, 4, 5	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Trọng Canh (2018), <i>Giáo trình Từ Hán – Việt</i> , NXB Đại học Vinh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (2014), <i>Từ điển Hán Việt</i> , NXB KHXH	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Nguyễn Văn Khang (2013), <i>Từ ngoại lai trong tiếng Việt</i> , NXB Tổng hợp	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Đặng Đức Siêu (2001), <i>Dạy và học từ Hán Việt ở trường phổ thông</i> , NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Nguyễn Tài Cẩn (2024), <i>Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.			X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Đức Hùng

Số điện thoại: 0988682643; Email: tdhung@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: PGS.TS. Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944970046; Email: dmhung@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 22: NGÔN NGỮ TRONG BIÊN TẬP XUẤT BẢN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngôn ngữ trong biên tập xuất bản**
- Mã học phần: MVL.818
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần giúp người học nắm vững các nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo và biên tập văn bản tiếng Việt; có kỹ năng biên tập và soạn thảo các loại văn bản thông dụng như văn bản hành chính, văn bản khoa học, văn bản chính luận, văn bản báo chí, văn bản nghệ thuật; hình thành thái độ làm việc cẩn trọng với hoạt động soạn thảo và biên tập văn bản.

3. Tổng quan về học phần

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức vừa cơ bản, vừa chuyên sâu về những vấn đề liên quan đến ngôn ngữ trong biên tập xuất bản. Cụ thể là các loại hình văn bản (văn bản hành chính, văn bản khoa học, văn bản chính luận, văn bản báo chí, văn bản nghệ thuật), các nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo và biên tập văn bản tiếng Việt. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Vận dụng tốt các kiến thức về loại hình văn bản, các nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo và biên tập văn bản tiếng Việt vào các hoạt động thực tiễn như: dạy học văn bản ở trường phổ thông, biên tập, truyền thông, nghiên cứu và các hoạt động khác.	PLO2	4
4.2. Kỹ năng			
CLO 2	Sử dụng kỹ năng cơ bản trong hoạt động biên tập và soạn thảo các loại văn bản thông dụng và áp dụng vào thực tiễn.	PLO4	4

CLO 3	Sử dụng thành thạo quy trình, kỹ thuật trong hoạt động biên tập và soạn thảo các loại văn bản và áp dụng hiệu quả vào thực tiễn.	PLO6	5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 4	Biết cách làm việc theo nhóm, cùng thảo luận, viết báo cáo, trình bày quan điểm về những vấn đề chung hoặc một vấn đề cụ thể về ngôn ngữ trong biên tập, xuất bản.	PLO7	5
CLO 5	Thể hiện thái độ làm việc cẩn trọng với hoạt động soạn thảo và biên tập văn bản, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác và khoa học về nội dung mình đưa ra.	POL8	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1: Văn bản 1.1. Khái niệm văn bản 1.2. Mô hình văn bản 1.3. Các loại văn bản 1.3.1. Văn bản hành chính 1.3.2. Văn bản khoa học 1.3.4. Văn bản chính luận 1.3.5. Văn bản báo chí 1.3.6. Văn bản nghệ thuật	8	5	29	CLO1 CLO2 CLO3	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung mục 1.3
Chương 2: Soạn thảo văn bản 2.1. Văn bản hành chính 2.1.1. Văn bản quy phạm pháp luật 2.1.2. Văn bản hành chính 2.1.3. Văn bản hợp đồng 2.2. Văn bản khoa học 2.2.1. Bài báo khoa học	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân - Làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và làm các bài tập được phân công.

2.2.2. Khoá luận, luận văn, luận án 2.2.3. Đề tài khoa học 2.3. Văn bản báo chí 2.3.1. Thể loại thông tấn 2.3.2. Thể loại ký báo chí 2.3.3. Thể loại chính luận 2.4. Ứng dụng trong soạn thảo văn bản						
Chương 3: Biên tập văn bản 3.1 Biên tập nội dung 3.1.1 Biên tập nội dung tư tưởng 3.1.2. Biên tập nội dung thông tin 3.1.3 Biên tập ngôn ngữ 3.2 Biên tập kỹ thuật, mỹ thuật 3.3 Ứng dụng các thành tựu tin học vào việc biên tập ngôn ngữ: readability, track changes,...	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân - Làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và làm các bài tập được phân công.
<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO1 CLO2 CLO3	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	Đánh giá thường xuyên				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Chương 1, 2, 3	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì/ Báo cáo nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	Chương 1, 2, 3	Nội dung trọng tâm của các phần	
2	Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận/ bài tập lớn)	CLO1 CLO2 CLO3	Chương 1, 2, 3	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hồ Xuân Mai (2014), <i>Ngôn ngữ báo chí và biên tập báo</i> , NXB Chính trị quốc gia	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Nguyễn Quang Hoà (2021), <i>Biên tập báo chí</i> , NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Lê Minh Toàn (2012), <i>Hướng dẫn soạn thảo văn bản trong lĩnh vực thông tin và truyền thông</i> , NXB Chính trị Quốc gia	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Trần Ngọc Thêm (2009), <i>Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy**Giảng viên 1:** TS. GVC. Trần Thanh VânSố điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dthu.edu.vnCơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp**Giảng viên 2:** PGS.TS. Đỗ Minh HùngSố điện thoại: 0944970046; Email: dmhung@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 23: NGÔN NGỮ VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngôn ngữ và truyền thông**
- Mã học phần: MVL.819
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần giúp sinh viên hiểu được khái niệm truyền thông, bản chất mối quan hệ giữa ngôn ngữ - truyền thông, nắm được một số đặc điểm của ngôn ngữ truyền thông và những kỹ năng cơ bản để tạo lập và đánh giá thông điệp truyền thông cũng như nhận diện được các hệ thống tín hiệu ngôn ngữ mà các loại hình truyền thông đang sử dụng để truyền tải thông tin. Từ đó, học viên có thể vận dụng các kiến thức lý luận ngôn ngữ truyền thông để thực hành phân tích, đánh giá thực tế cũng như có thể lựa chọn và vận dụng các loại tín hiệu ngôn ngữ để xây dựng một sản phẩm truyền thông chuẩn.

3. Tổng quan về học phần

Học phần được xây dựng và thiết lập dựa trên lý thuyết Truyền thông đã được phân chia theo thể loại sản phẩm truyền thông theo cấu trúc gồm: Báo viết (Báo giấy, Báo in): Ngôn ngữ là chữ viết + Hình ảnh tĩnh + Infographic; Báo nói: Ngôn ngữ là Âm Thanh + Giọng nói + Âm Nhạc hiệu; Báo hình: Ngôn ngữ là Hình ảnh tĩnh, Hình ảnh động + Âm thanh + Giọng nói + Infographic; Báo điện tử: Ngôn ngữ là Chữ viết + Hình ảnh tĩnh, Hình ảnh động + Âm Thanh + Giọng nói + Infographic; Mạng xã hội: Tích hợp. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Đánh giá được vai trò của ngôn ngữ trong việc sáng tạo và phát triển các sản phẩm truyền thông; phân tích được các hệ thống tín hiệu ngôn ngữ mà các loại hình truyền thông đang sử dụng để truyền tải thông tin; vận dụng các kiến thức lý luận ngôn ngữ truyền thông để thực hành phân tích, đánh giá thực tế cũng như có thể	PLO2	4

	lựa chọn và vận dụng các loại tín hiệu ngôn ngữ để xây dựng một sản phẩm truyền thông chuẩn.		
4.2. Kỹ năng			
CLO 2	Sử dụng thành thạo các kỹ năng liên quan đến Ngôn ngữ và truyền thông như: kỹ năng đọc, tóm tắt và thuyết trình các vấn đề tiêu biểu.	PLO4	5
CLO 3	Sử dụng hiệu quả kỹ năng phân tích, đánh giá, lý giải các sản phẩm truyền thông để làm rõ hơn nữa vai trò của nó trong địa hạt mới (Ngôn ngữ học ứng dụng).	PLO7	4
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 4	Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao trong nghiên cứu, học tập để phát triển chuyên môn và có khả năng thích ứng linh hoạt trong điều kiện làm việc thay đổi.	PLO8 PLO10	5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Các khía cạnh lý thuyết truyền thông 1.1. Khái niệm về giao tiếp 1.2. Khái niệm về thông tin 1.3. Truyền thông - Một hoạt động giao tiếp cộng đồng 1.4. Mô hình truyền thông 1.5. Sản phẩm truyền thông và sự truyền bá 1.6. Các loại phương tiện truyền thông	4	2	14	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung ở các đề mục thuộc chương 1
Chương 2. Các khía cạnh lý thuyết ngôn ngữ truyền thông 2.1. Cơ sở ngôn ngữ của truyền thông	6	3	21	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung ở các đề mục thuộc chương 2

2.2. Đặc điểm của ngôn ngữ truyền thông 2.3. Vai trò của ngôn ngữ truyền thông 2.4. Chuẩn ngôn ngữ và chệch chuẩn ngôn ngữ 2.5. Một số cơ sở lí thuyết ngôn ngữ áp dụng đối với sản phẩm truyền thông (sáng tạo, phân tích, đánh giá).					- Làm việc nhóm hoặc cá nhân	
Chương 3. Các dạng ngôn ngữ truyền thông 3.1. Ngôn ngữ báo in 3.2. Ngôn ngữ phát thanh 3.3. Ngôn ngữ truyền hình 3.4. Ngôn ngữ báo điện tử 3.5. Ngôn ngữ mạng xã hội	6	3	21	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân - Ghi chép - Làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung ở các đề mục thuộc chương 3
Chương 4. Mối quan hệ giữa truyền thông và các thể loại sản phẩm truyền thông 4.1. Các hình thức truyền thông có sử dụng ngôn ngữ (PR, quảng cáo, thương hiệu, truyền thông phát triển cộng đồng...). 4.2. Một số nội dung của ngôn ngữ truyền thông 4.2.1. Ngôn ngữ với quảng cáo 4.2.2. Ngôn ngữ với thương hiệu 4.2.3. Ngôn ngữ với truyền thông xã hội	6	4	22	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung ở các đề mục thuộc chương 4

Chương 5. Một số vấn đề thực tiễn về ngôn ngữ truyền thông 5.1. Xác lập các yêu cầu về tạo lập thông điệp truyền thông 5.2. Xác lập các yêu cầu về đánh giá thông điệp truyền thông	6	3	21	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Thuyết giảng - Phát vấn - phản hồi - Thảo luận chung - Làm việc nhóm hoặc cá nhân - Làm bài tập	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung ở các đề mục thuộc chương 5
<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO1 CLO2 CLO3	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Chương 1, 2, 3, 4, 5	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì	CLO1 CLO2 CLO3	Chương 3, 4, 5	Nội dung trọng tâm của các phần	

2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận hoặc Bài tập lớn/tiểu luận học phần)</i>	CLO1 CLO2 CLO3	Chương 1, 2, 3, 4, 5	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5
---	---	----------------------	----------------------	---------------------------------	-----

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Tạ Ngọc Tấn (2001), <i>Truyền thông đại chúng</i> , NXB Chính trị Quốc gia	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Claudia Mast (2004), <i>Truyền thông đại chúng - Những kiến thức cơ bản</i> , NXB Thông tấn.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Nguyễn Thế Kỷ (2020), <i>Báo chí, truyền thông Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i> , NXB Thông tin và truyền thông	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Hoàng Anh

Số điện thoại: 0979671678; Email: thanh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục tiểu học, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 24: NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học xã hội**
- Mã học phần: MVL.820
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần Ngôn ngữ học xã hội cung cấp cho học viên cao học chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam những kiến thức vừa cơ bản, vừa chuyên sâu và thời sự về ngôn ngữ học xã hội. Từ những kiến thức lí luận này, học viên có thể vận dụng vào nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề cụ thể của tiếng Việt trong mối quan hệ tương tác giữa tiếng Việt với xã hội Việt Nam và giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ dân tộc thiểu số và ngoại ngữ ở Việt Nam. Học phần cũng giúp cho học viên có cách nhìn theo hướng vận động về tiếng Việt trong thời đại đô thị hóa và toàn cầu hóa, từ đó góp phần vào bảo vệ, phát triển và hiện đại hóa tiếng Việt.

3. Tổng quan về học phần

Ngôn ngữ học xã hội ra đời ở thời kì hậu cấu trúc thuộc hướng nghiên cứu liên ngành, lấy biến thể làm đơn vị nghiên cứu, nghiên cứu mối quan hệ tương tác giữa ngôn ngữ và xã hội; giải thích các hiện tượng ngôn ngữ bằng các nhân tố xã hội. Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quát về ngôn ngữ học xã hội với các khái niệm cơ bản như: biến thể, cộng đồng giao tiếp, cảnh huống; ngôn ngữ có lời và ngôn ngữ phi lời, thái độ ngôn ngữ. Nghiên cứu các nội dung của ngôn ngữ học xã hội vĩ mô và ngôn ngữ học vi mô như học phần tập trung vào một số nội dung cơ bản và thời sự như: đa ngữ xã hội, phương ngữ xã hội, giao tiếp tương tác ngôn ngữ học xã hội; chính sách ngôn ngữ, kế hoạch hoá ngôn ngữ và lập pháp. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội; ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ học xã hội vào việc nghiên cứu tiếng Việt và các ngôn ngữ ở Việt Nam (như ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, ngoại ngữ). Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Vận dụng các vấn đề lí thuyết của ngôn ngữ học xã hội vào nghiên cứu các vấn đề của tiếng Việt, sử dụng tiếng Việt và lí giải các hiện tượng tiếng Việt mới xuất hiện, nhất là tiếng Việt trên mạng xã	PLO2	4

	hội; chú trọng tới sự phân tầng của xã hội Việt Nam (giới, tuổi, nghề nghiệp, tôn giáo, quyền lực, v.v.) trong sử dụng tiếng Việt. Từ đó, có thể áp dụng chúng vào xử lý tiếng Việt trong công nghệ thông tin, biên tập, dạy tiếng Việt, ngữ văn trong nhà trường, giáo dục song ngữ (tiếng Việt - tiếng dân tộc) ở vùng dân tộc thiểu số, v.v.		
CLO 2	Vận dụng lí thuyết của ngôn ngữ học xã hội để nghiên cứu các đề tài về tiếng Việt như: giao tiếp của người Việt từ góc độ giới/ từ góc độ quyền lực/ từ góc độ tuổi/từ góc độ các nhóm xã hội (tiếng lóng, ngôn ngữ mạng); phân tích ngôn ngữ trong các tác phẩm văn học từ sự kiện giao tiếp (như ngôn ngữ hội thoại), sự phân tầng xã hội của các nhân vật giao tiếp; phân tích, đánh giá năng tiếng tiếng Việt của học sinh dân tộc thiểu số; v.v.	PLO6	4
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Biết cách làm việc theo nhóm, cùng thảo luận, viết báo cáo, trình bày quan điểm về những vấn đề chung hoặc một vấn đề cụ thể về ngôn ngữ học xã hội, như sự tác động của đô thị hóa, toàn cầu hóa đối với tiếng Việt hiện nay và đối với ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số; sự tác động của các nhân tố xã hội đối với tiếng Việt trong trường học	PLO5	4
CLO 4	Biết cách tiếp cận nghiên cứu liên ngành của ngôn ngữ học xã hội (ngôn ngữ học-xã hội học): Sự tác động của xã hội Việt Nam và sự phản ánh xã hội Việt Nam đối với tiếng Việt; sự tác động cũng như vai trò của tiếng Việt đối với xã hội Việt Nam; sự tác động của tiếng Việt đối với tư duy người Việt, góp phần làm thay đổi tư duy, nhận thức của con người (ví dụ như sự chống kì thị về giới thể hiện trong tiếng việt, v.v.). Trên cơ sở đó, xây dựng các đề tài nghiên cứu cụ thể về tiếng Việt, từ góc độ ngôn ngữ học xã hội.	PLO1	5
CLO 5	Sử dụng thành thạo kỹ năng tổng hợp và ứng dụng, cùng các phương pháp nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội vào trong công việc liên quan đến tiếng Việt như phân tích dữ liệu (kỹ thuật số), phân tích nhân vật, văn bản (ngữ văn),	PLO4	5

	dạy - học tiếng Việt (cho người nước ngoài, ở vùng dân tộc thiểu số)		
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 6	Chủ động nghiên cứu và làm việc độc lập, có năng lực định hướng, sáng tạo tri thức mới; Đưa ra được các kết luận chuyên môn về các vấn đề của ngôn ngữ xã hội ở Việt Nam, bảo vệ được kết luận chuyên môn của mình và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khoa học về vấn đề mình đưa ra.	PLO8	5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Tổng quát về ngôn ngữ học xã hội 1.1. Ngôn ngữ học xã hội và nghiên cứu liên ngành 1.2. Những khái niệm cơ bản 1.2.1. Biểu thể và biến 1.2.2. Cộng đồng giao tiếp 1.2.3. Thái độ ngôn ngữ 1.2.4. Cảnh huống ngôn ngữ 1.3. Những ứng dụng của ngôn ngữ học xã hội	4	3	15	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc các tài liệu: [1] tr. 37-111.
Chương 2. Đa ngữ xã hội 2.1. Hiện tượng đa ngữ xã hội 2.1.1. Đa ngữ và đa ngữ xã hội 2.1.2. Người đa ngữ và các khái niệm liên quan 2.1.3. Các nhân tố làm nảy sinh hiện tượng đa ngữ xã hội 2.2. Hệ quả của đa ngữ xã hội	6	3	21	CLO1 CLO2 CLO4	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc các tài liệu: [1] tr.113-142; tr.143-147.

2.2.1. Đa ngữ và đa thể ngữ 2.2.2. Tiếp xúc, vay mượn và giao thoa 2.3. Trạng thái đa ngữ xã hội ở Việt Nam 2.3.1. Cảnh hưởng ngôn ngữ ở Việt Nam 2.3.2. Tiếp xúc tiếng Việt với các ngôn ngữ và hệ quả của nó						
Chương 3. Giao tiếp tương tác ngôn ngữ học xã hội 3.1. Những vấn đề chung của giao tiếp tương tác ngôn ngữ học xã hội 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Sự kiện giao tiếp 3.2. Các loại hình giao tiếp tương tác ngôn ngữ học xã hội 3.2.1. Duy trì và chuyển đổi ngôn ngữ trong giao tiếp 3.2.2. Chuyển mã và trộn mã 3.3. Giao tiếp ngôn ngữ của người Việt với các nhân tố xã hội chi phối 3.3.1. Các nhân tố xã hội chi phối giao tiếp của người Việt 3.3.2. Phân tích một số trường hợp giao tiếp của người Việt gắn với bối cảnh xã hội	6	3	21	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc các tài liệu: [1] tr.341-405
Chương 4. Chính sách ngôn ngữ và kế hoạch hóa ngôn ngữ 4.1. Chính sách ngôn ngữ	6	3	21	CLO1 CLO2 CLO4 CLO6	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề	Học viên đọc các tài liệu: [1]

4.1.1. Những vấn đề chung về Chính sách ngôn ngữ 4.1.2. Chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam 4.1.2. Chính sách giáo dục ngôn ngữ của Việt Nam 4.2. Kế hoạch hóa ngôn ngữ 4.2.1. Những vấn đề chung về kế hoạch hóa ngôn ngữ 4.2.2. Kế hoạch hóa ngôn ngữ ở Việt Nam 4.2.3. Chuẩn hóa tiếng Việt và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.					- Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	tr.455-541
Chương 5. Các phương pháp điều tra, nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội 5.1. Phương pháp điều tra, thu thập và xử lý tư liệu 5.1.1. Điều tra, khảo sát tư liệu 5.1.2. Thu thập tư liệu 5.1.3. Chỉnh lý tư liệu 5.2. Một số phương pháp điều tra, nghiên cứu cụ thể 5.2.1. Phương pháp điều tra, nghiên cứu theo cộng đồng nói năng 5.2.2. Phương pháp điều tra, nghiên cứu theo mạng xã hội 5.2.3. Phương pháp điều tra, nghiên cứu thái độ ngôn ngữ	6	3	21	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Thuyết giảng - Đàm thoại - Nêu và giải quyết vấn đề - Làm việc nhóm - Làm việc cá nhân	Học viên đọc các tài liệu: [2] tr.273-306. [1]: tr.49-58; tr.95-110
<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà

Tổng:	30	15	105			
--------------	-----------	-----------	------------	--	--	--

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Chương 1, 2, 3, 4, 5	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì/ Báo cáo nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Chương 2, 3, 4, 5	Nội dung trọng tâm của các phần	
2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận hoặc Bài tập lớn/tiểu luận học phần)</i>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	Chương 2, 3, 4, 5	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo

1	Nguyễn Văn Khang (2014), <i>Ngôn ngữ học xã hội</i> . NXB Giáo dục, Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Nguyễn Văn Khang (1999), <i>Ngôn ngữ học xã hội: những vấn đề cơ bản</i> , NXB Khoa học xã hội, Việt Nam		X	
3	Nguyễn Văn Khang (2013), <i>Từ ngoại lai trong tiếng Việt</i> , NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Nguyễn Văn Khang (2019), <i>Ngôn ngữ mạng - Biến thể ngôn ngữ trên mạng tiếng Việt</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: GS.TS. Nguyễn Văn Khang

Số điện thoại: 0912118665; Email: nvkhang@gmail.com

Địa chỉ: số 5, 113/189, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Hoàng Anh.

Số điện thoại: 0979671678; Email: thanh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 25: DỤNG HỌC VIỆT NGỮ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Dụng học Việt ngữ**
- Mã học phần: MVL.821
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 30/15/105
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức vừa cơ bản, vừa chuyên sâu về Dụng học Việt ngữ. Từ những kiến thức lý luận đó, học viên có thể vận dụng các kiến thức từ học phần để luận giải các hiện tượng ngữ nghĩa - ngữ dụng tiếng Việt trong thực tiễn sử dụng và ý thức được sự cần thiết nghiên cứu chuyên sâu về ngữ nghĩa - ngữ dụng học tiếng Việt làm cơ sở bền vững để tiếp tục học tập, nghiên cứu tiếng Việt, bảo tồn, phát huy bản chất và sự trong sáng của tiếng mẹ đẻ.

3. Tổng quan về học phần

Học phần Dụng học Việt ngữ thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần bao gồm 5 nội dung: Khái quát về dụng học Việt ngữ; Lý thuyết hành động ngôn từ; Lập luận; Lý thuyết hội thoại; Nghĩa tường minh và hàm ẩn. Với 5 nội dung này, học phần đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu câu nói gắn với ngữ cảnh, ngữ hướng, với người giao tiếp (tuổi tác, địa vị khác nhau) nên việc hiểu nghĩa của phát ngôn trở nên sinh động, linh hoạt và phong phú.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Phân tích được những khái niệm, những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về ngữ dụng học nói chung và tiếng Việt nói riêng và vận dụng các kiến thức từ học phần để luận giải các hiện tượng ngữ nghĩa - ngữ dụng tiếng Việt trong thực tiễn sử dụng.	PLO2	4
CLO 2	Phát triển phương pháp nguyên cứu thông dụng trong lĩnh vực liên quan đến ngữ dụng học tiếng Việt và các ngôn ngữ khác (tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Nga).	PLO5	4

4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Nâng cao kỹ năng sử dụng và giảng dạy tiếng Việt.	PLO7	5
CLO 4	Phát triển năng lực phát hiện và tiến hành nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến ngữ nghĩa – ngữ dụng tiếng Việt và ngoại ngữ (như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức).	PLO5	5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 5	Nhận thức được vai trò, ý nghĩa quan trọng của việc học tập, nghiên cứu môn học.	PLO8	4
CLO 6	Ý thức được sự cần thiết nghiên cứu chuyên sâu về ngữ nghĩa - ngữ dụng học tiếng Việt làm cơ sở bền vững để tiếp tục học tập, nghiên cứu tiếng Việt, bảo tồn, phát huy bản chất và sự trong sáng của tiếng mẹ đẻ.	PLO10	5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Khái quát về dụng học Việt ngữ 1.1. Khái niệm ngữ dụng học 1.2. Ba bình diện của tín hiệu và mối quan hệ của chúng 1.2.2. Mối quan hệ giữa ba bình diện 1.2.3. Đối tượng của dụng học Việt ngữ 1.3. Ngữ cảnh và ý nghĩa 1.3.1. Ngữ cảnh và văn cảnh 1.3.2. Quy chiếu và chỉ xuất	5	3	18	CLO1 CLO2	- Giảng lý thuyết - Hướng dẫn làm bài tập - Chuẩn bị bài tập hỗ trợ kỹ năng	Đọc tài liệu, chuẩn bị các nội dung mục: 1.1 và 1.3

Chương 2. Lý thuyết hành động ngôn từ 2.1. Hành động và hành động ngôn ngữ 2.1.1 Hành động 2.1.2. Hành động ngôn ngữ 2.2. Các kiểu hành động ngôn ngữ 2.2.1. Hành động tạo lời 2.2.2. Hành động mượn lời 2.2.3. Hành động ở lời (hay hành động ngôn hành) 2.3. Phân biệt phát ngôn miêu tả với ngữ vi 2.3.1. Phát ngôn miêu tả 2.3.2. Phát ngôn ngữ vi 2.4. Biểu thức ngữ vi với động từ ngữ vi 2.4.1. Biểu thức ngữ vi 2.4.2. Động từ ngữ vi 2.5. Điều kiện sử dụng hành động ở lời 2.5.1. Khái niệm điều kiện sử dụng hành động ở lời 2.5.2. Điều kiện sử dụng hành động ở lời 2.6. Phân loại các hành động ở lời 2.6.1. Cách phân loại của J.L. Austin 2.6.2. Cách phân loại của J.R. Searle 2.7. Hành động ngôn từ trực tiếp và hành động ngôn từ gián tiếp 2.7.1. Hành động ngôn từ trực tiếp	7	3	24	CLO1 CLO4 CLO5	- Giảng lý thuyết - Hướng dẫn làm bài tập - Chuẩn bị bài tập hỗ trợ kỹ năng	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Phân biệt phát ngôn miêu tả và phát ngôn ngữ vi - Phân biệt động từ miêu tả và động từ ngữ vi - Phân biệt biểu thức ngữ vi tường minh và biểu thức ngữ vi hàm ẩn - Phân biệt hành động ngôn ngữ trực tiếp và hành động ngôn ngữ gián tiếp
--	---	---	----	----------------------	---	---

2.7.2. Hành động ngôn từ gián tiếp						
Chương 3. Lập luận 3.1. Khái niệm lập luận 3.1.1. Phát ngôn miêu tả 3.1.2. Định nghĩa lập luận 3.1.3. Phân biệt lập luận với thuyết phục 3.2. Đặc điểm của lập luận 3.2.1. Đặc điểm cấu tạo	3	2	11	CLO3 CLO5 CLO6	- Giảng lý thuyết - Hướng dẫn làm bài tập - Chuẩn bị bài tập hỗ trợ kỹ năng	Học viên đọc tài liệu và chuẩn bị các nội dung: - Vai trò của lập luận - Khái niệm lập luận và đặc điểm của lập luận.
Chương 4. Lý thuyết hội thoại 4.1. Khái niệm hội thoại 4.2. Các vận động hội thoại 4.2.1. Sự trao lời 4.2.2. Sự trao đáp 4.2.3. Sự tương tác 4.3. Các quy tắc hội thoại 4.3.1. Khái niệm quy tắc hội thoại 4.3.2. Các nguyên tắc hội thoại thường gặp 4.4. Các đơn vị hội thoại 4.4.1. Cuộc thoại 4.4.2. Đoạn thoại 4.4.3. Cặp thoại 4.4.4. Hành động ngôn ngữ	7	3	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Giảng lý thuyết - Hướng dẫn làm bài tập - Chuẩn bị bài tập hỗ trợ kỹ năng	- Các vận động hội thoại - Các quy tắc hội thoại - Cấu trúc hội thoại - Lịch sự trong hội thoại - Phủ định và chiến lược từ chối. - Các nhóm chuẩn bị báo cáo theo phân công, cử thành viên báo cáo trước lớp. - Thảo luận và trả lời câu hỏi. - Làm bài tập: phân tích các đơn vị cấu trúc hội thoại.
Chương 5. Nghĩa tường minh và hàm ẩn	6	4	22	CLO1 CLO2	- Giảng lý thuyết	Học viên đọc tài liệu và

5.1. Khái quát về nghĩa tường minh và hàm ẩn 5.1.1. Khái niệm nghĩa tường minh 5.1.2. Khái niệm nghĩa hàm ẩn 5.2. Phân loại nghĩa hàm ẩn 5.2.1. Tiền giả định 5.2.2. Hàm ngôn 5.3. Lịch sự và giao tiếp 5.3.1. Khái niệm lịch sự 5.3.2. Giao tiếp (vai giao tiếp và quan hệ giao tiếp) 5.3.3. Chiến lược giao tiếp				CLO3 CLO6	- Hướng dẫn làm bài tập - Chuẩn bị bài tập hỗ trợ kỹ năng	chuẩn bị các nội dung: - Thế nào là nghĩa tường minh và hàm ẩn. - Xác định tiền giả định và hàm ngôn. - Xác định nghĩa hàm ẩn trong lời hội thoại. - Các nhóm chuẩn bị báo cáo theo phân công, cử thành viên báo cáo trước lớp. - Thảo luận và trả lời câu hỏi. - Làm bài tập: + Tìm tiền giả định. + Phân tích nghĩa hàm ẩn + Xác định hàm ngôn.
<i>Kiểm tra kết thúc</i>	2	0	6	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6	Theo yêu cầu của GV	Chuẩn bị bài ở nhà
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;

- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Chương 1, 2, 3, 4, 5	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì/ Báo cáo nhóm	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6	Chương 2, 3, 4, 5	Nội dung trọng tâm của các phần	
2	<i>Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận hoặc Bài tập lớn/tiểu luận học phần)</i>	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6	Chương 2, 3, 4, 5	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đỗ Hữu Châu (2007), <i>Giáo trình ngữ dụng học</i> , NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Đỗ Thị Kim Liên (2005), <i>Giáo trình ngữ dụng học</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	

3	Nguyễn Đức Dân (1998), <i>Ngữ dụng học</i> , Tập 1, NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Nguyễn Thiện Giáp (2009), <i>Dụng học Việt ngữ</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: GS. TS. Đỗ Thị Kim Liên

Điện thoại: 0396373659. Email: kimliengv@yahoo.co.uk

Đơn vị công tác: Hội Ngôn ngữ học Việt Nam

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Điện thoại: 0963569643. Email: ttvan@dtu.edu.vn

Đơn vị công tác: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 26: NGÔN NGỮ VĂN HỌC VIỆT NAM

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngôn ngữ văn học Việt Nam**
- Mã học phần: MVL.822
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (30LT/15ThH/105TH)
- Số tiết trực tuyến: 20; Số tiết trực tiếp: 25
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần Ngôn ngữ Văn học Việt Nam cung cấp cho học viên cao học chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam những kiến thức vừa cơ bản, vừa chuyên sâu về ngôn ngữ Văn học Việt Nam. Học viên có thể vận dụng vào nghiên cứu, phân tích được các vấn đề của ngôn ngữ Văn học Việt Nam như loại hình ngôn ngữ, ngôn ngữ văn học Việt Nam nhìn từ các mối liên hệ, vấn đề xác lập tính loại hình, các quan niệm, các thể loại có thể hiện thành phần ngôn ngữ, các biểu hiện của ngôn ngữ trong thơ hoặc văn xuôi. Học viên có thể định hướng các vấn đề khoa học về ngôn ngữ Văn học Việt Nam trong hoạt động giảng dạy, hoạt động giao tiếp xã hội và các hoạt động chuyên môn khác; vận dụng hiệu quả những kiến thức về ngôn ngữ Văn học Việt Nam vào hoạt động dạy học Ngữ văn trong các trường phổ thông, cao đẳng, đại học; hoạt động biên tập báo chí, truyền thông và nghiên cứu khoa học.

3. Tổng quan về học phần

Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, học phần Ngôn ngữ Văn học Việt Nam nhằm cung cấp cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về các vấn đề của ngôn ngữ Văn học Việt Nam như: đặc điểm loại hình ngôn ngữ văn học Việt Nam; ngôn ngữ văn học Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ khác nhau: đặc trưng, tính hệ thống, các thao tác hoạt động của ngôn ngữ Văn học Việt Nam; vấn đề xác lập tính loại hình nhìn từ các mối liên hệ với ngôn ngữ Văn học Việt Nam: nguồn gốc, tính chất, quan hệ, các cấp độ và phương thức của tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong Văn học Việt Nam; về quan niệm, các thể loại thơ và thành phần của ngôn ngữ thơ; ngôn ngữ văn xuôi trong Văn học Việt Nam nhìn từ các thể loại, điểm nhìn và người kể chuyện, ngôn ngữ nhân vật và cấu trúc văn bản truyện. Việc hiểu rõ các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Văn học Việt Nam là cơ sở quan trọng để giúp học viên cao học tiếp cận các văn bản văn học thuộc các thể loại khác nhau. Điều này có ý nghĩa cần thiết trong quá trình nghiên cứu, phê bình văn học, trong học tập và giảng dạy văn học từ bậc phổ thông đến bậc đại học, trong công tác biên tập, truyền thông và nghiên cứu khoa học. Học phần Ngôn ngữ Văn học Việt Nam là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, nhằm giúp học viên cao học nghiên cứu, nâng cao các kỹ năng nhận diện và phân tích các vấn đề về ngôn ngữ Văn học Việt Nam trong quá trình giảng dạy ở phổ thông, đại học, công tác biên tập, truyền thông, nghiên cứu khoa học và hoạt động giao tiếp xã hội. Bên cạnh đó, học phần nhằm giúp người học chủ động nghiên cứu và làm việc

độc lập, xác định được vị trí của ngôn ngữ Văn học Việt Nam trong ngôn ngữ văn học dân tộc, vai trò của ngôn ngữ Văn học Việt Nam trong việc phát triển tiếng Việt, có ý thức giữ gìn ngôn ngữ dân tộc, phát huy những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO 2-3, 5-6, 8-9.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Vận dụng các vấn đề lý thuyết của ngôn ngữ văn học Việt Nam, lý luận chuyên sâu về bản chất, đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ văn học Việt Nam; luận giải các vấn đề đặc điểm loại hình của ngôn ngữ văn học Việt Nam; sử dụng ngôn ngữ trong văn học nhìn từ nhiều góc độ, các mối liên hệ khác nhau; các cấp độ và phương thức của tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong ngôn ngữ Văn học Việt Nam; các thể loại thơ và thành phần của ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ văn xuôi trong Văn học Việt Nam vào việc dạy học Ngữ văn, biên tập, truyền thông, giao tiếp và nghiên cứu khoa học.	PLO2	4
CLO 2	Vận dụng thành thạo các kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ văn học Việt Nam để phục vụ cho hoạt động dạy học Ngữ văn trong các trường phổ thông, đại học, công tác nghiên cứu khoa học, công tác biên tập và truyền thông.	PLO3	4
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Biết cách làm việc nhóm, cùng thảo luận, viết báo cáo, trình bày quan điểm về những vấn đề về ngôn ngữ văn học Việt Nam.	PLO5	4
CLO 4	Sử dụng thành thạo kỹ năng tổng hợp, ứng dụng và phân tích các kết quả nghiên cứu về ngôn ngữ văn học Việt Nam vào hoạt động dạy Ngữ văn ở các trường phổ thông, hoạt động giao tiếp xã hội, biên tập, truyền thông và nghiên cứu khoa học.	PLO6	5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			

CLO 5	Chủ động nghiên cứu, làm việc độc lập, có năng lực định hướng, vận dụng hiệu quả những kiến thức về ngôn ngữ văn học Việt Nam, sáng tạo tri thức mới; đưa ra được các kết luận chuyên môn về các vấn đề của ngôn ngữ văn học Việt Nam, bảo vệ được các kết luận chuyên môn của mình và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khoa học của các vấn đề được đưa ra.	PLO8 PLO9	4
-------	--	--------------	---

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1: Cơ sở lý thuyết về ngôn ngữ Văn học Việt Nam 1.1. Vấn đề xác lập quan niệm cơ bản, phân kỳ, đặc điểm loại hình, phân loại <i>1.1.1. Vấn đề xác lập quan niệm</i> <i>1.1.2. Vấn đề phân kỳ và ngôn ngữ Văn học Việt Nam</i> <i>1.1.3. Đặc điểm loại hình ngôn ngữ văn học Việt Nam</i> <i>1.1.4. Vấn đề phân loại tác giả</i> <i>1.1.4.1. Ngôn ngữ văn học Việt Nam nhìn từ góc độ loại hình - thể loại sáng tác</i> <i>1.1.4.2. Ngôn ngữ văn học Việt Nam nhìn từ góc độ ý thức hệ tư tưởng, văn hóa</i> 1.2. Một số đặc trưng và tính hệ thống trong ngôn ngữ Văn học Việt Nam 1.3. Các thao tác hoạt động trong của ngôn ngữ Văn học Việt Nam <i>1.3.1. Đọc văn bản tác phẩm</i> <i>1.3.2. Thao tác lựa chọn</i>	6	3	21	CLO 1 CLO 2 CLO 4 CLO 5	Thuyết trình; Đàm thoại; Nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm. Semina: 1. Kiểm định những đặc tính của chất liệu ngôn ngữ chi phối nghệ thuật văn chương. 2. Nhận xét về giọng điệu khẩu ngữ trong thơ Việt Nam hiện đại	Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo

1.3.3. Thao tác kết hợp 1.3.4. Thâm nhập và lĩnh hội những đặc điểm hình thức và nội dung “câu chữ” của tác phẩm 1.3.5. Phân tích tín hiệu thẩm mỹ và xác định ý nghĩa thẩm mỹ của tác phẩm 1.4. Vấn đề xác lập tính loại hình nhìn từ các mối liên hệ với ngôn ngữ Văn học Việt Nam 1.4.1. Ngôn ngữ Văn học Việt Nam nhìn từ mối liên hệ văn hóa, văn học 1.4.2. Ngôn ngữ Văn học Việt Nam nhìn từ hệ thống quan niệm văn học, quan niệm thẩm mỹ 1.4.3. Ngôn ngữ Văn học Việt Nam nhìn từ cảm hứng sáng tác và hệ thống hình tượng 1.4.4. Ngôn ngữ Văn học Việt Nam nhìn từ hệ thống thể loại						
Chương 2. Từ tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong Văn học Việt Nam 2.1. Tín hiệu ngôn ngữ 2.1.1. Khái quát về tín hiệu ngôn ngữ 2.1.2. Các tính chất cơ bản của tín hiệu ngôn ngữ 2.2. Tín hiệu thẩm mỹ trong Văn học Việt Nam 2.2.1. Khái quát về tín hiệu thẩm mỹ 2.2.2. Quan hệ giữa tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ	6	4	22	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Thuyết trình; Đàm thoại; Nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm. Seminar: 1. Phân tích Lửa trong Truyện Kiều 2. Kí hiệu và liên kí hiệu trong Truyện Kiều	Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo

2.2.3. Hằng thể và biến thể của tín hiệu thẩm mỹ 2.2.4. Nguồn gốc và tính chất của tín hiệu thẩm mỹ 2.2.5. Các cấp độ của tín hiệu thẩm mỹ 2.2.6. Phương thức xây dựng tín hiệu thẩm mỹ						
Chương 3: Ngôn ngữ thơ trong Văn học Việt Nam 3.1. Quan niệm thơ 3.1.1. Quan niệm thơ của các tác giả trên thế giới 3.1.2. Quan niệm thơ của các tác giả Việt Nam 3.2. Các thể loại thơ 3.2.1. Các thể thơ cách luật 3.2.2. Các thể thơ tự do 3.2.3. Các thể thơ đặc biệt 3.3. Các thành phần của ngôn ngữ thơ 3.3.1. Ngữ âm thơ 3.3.2. Từ vựng và ngữ nghĩa thơ 3.3.3. Cú pháp thơ	9	4	31	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Thuyết trình; Đàm thoại; Nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận: 1. Phân tích những đặc trưng định vị thơ khác với văn xuôi như thể nào? 2. Tiêu chí nào để nhận diện loại hình thơ/ thể loại thơ. 3. Phân tích đặc điểm từ láy trong thơ điệu của Nguyễn Đình Chiểu	Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo. Nghiên cứu và làm việc theo nhóm để thực hiện Seminar
Chương 4: Ngôn ngữ văn xuôi trong Văn học Việt Nam 4.1. Quan niệm văn xuôi 4.2. Các thể loại văn xuôi 4.2.1. Khái niệm thể loại 4.2.2. Thể loại tiểu thuyết 4.2.3. Thể loại truyện ngắn 4.3. Điểm nhìn và người kể chuyện 4.3.1. Khái niệm điểm nhìn	9	4	31	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Thuyết trình, đàm thoại; Thảo luận nhóm. Thảo luận: 1. Điểm nhìn trong tiểu thuyết và truyện ngắn? 2. Phân biệt khái niệm độc thoại nội tâm và dòng ý thức, các	Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo

4.3.2. Quan hệ điểm nhìn và người kể chuyện 4.3.3. Các kiểu điểm nhìn và giọng điệu 4.4. Ngôn ngữ nhân vật truyện 4.4.1. Nhân vật trong truyện 4.4.2. Ngôn ngữ đối thoại 4.4.3. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm 4.5. Cấu trúc văn bản truyện ngắn 4.5.1. Phân mở đầu truyện 4.5.2. Phần nội dung truyện 4.5.3. Phân kết thúc truyện					phương thức biểu hiện của chúng? 3. Phân tích những khuynh hướng đổi mới của tiểu thuyết và truyện ngắn Việt Nam hiện nay về mặt cấu trúc văn bản và diễn đạt ngôn từ?	
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm theo chủ đề được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	Đánh giá thường xuyên				0.5
1.1	Chuyên cần, thái độ, tinh thần học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Chương 1, 2, 3, 4	Tham gia tất cả các buổi học theo quy định; chuẩn bị bài và tích cực tham gia báo cáo nhóm.	
1.2	Kiểm tra thường kì/ Báo cáo nhóm	CLO1 CLO2	Chương 2, 3, 4	Nội dung trọng tâm của các phần	

		CLO3 CLO5			
2	Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận hoặc Bài tập lớn/tiểu luận học phần)	CLO1 CLO2 CLO3	Chương 2, 3, 4	Nội dung trọng tâm của các phần	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bùi Minh Toán (2016), <i>Ngôn ngữ với văn chương</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Nguyễn Ngọc Phú, Vũ Thị Hiền (sách chuyên khảo) (2021), <i>Con người trung nghĩa trong thơ nhà nho Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX</i> , NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Nguyễn Ngọc Phú, Vũ Thị Hiền (sách chuyên khảo) (2024), <i>Con người trung nghĩa trong văn xuôi nhà nho Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX</i> , NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Nguyễn Ngọc Phú

Số điện thoại: 0973.506.885; Email: nnphu@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác: Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2:

Họ và tên: TS. GVC. Nguyễn Thị Chính

Số điện thoại: 0908.483.060; Email: ntchinh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 27: PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ**
- Mã học phần: MVL.823
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (30/15/105)
- Số tiết trực tuyến: 20; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 25
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể:

Luận giải và áp dụng hợp lý những nguyên lý, phương pháp, quy trình, kỹ thuật tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ nói chung và tiếng Việt (như một) ngoại ngữ nói riêng.

Xây dựng, thiết kế và tổ chức thực hiện được các hoạt động giáo dục tiếng Việt ngoại ngữ trong môi trường thực tế; chủ động (độc lập hoặc hợp tác) thực hiện các đề tài nghiên cứu về các hoạt động giáo dục tiếng Việt ngoại ngữ.

Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

3. Tổng quan về học phần

Trong chương trình Đại học (của chuyên ngành *Ngữ văn*, hoặc *Sư phạm Ngữ văn*), học viên chưa được tiếp cận học phần này. Học phần sẽ trang bị cho học viên kiến thức về các nguyên lý, phương pháp, quy trình, kỹ thuật tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ nói chung và dạy tiếng Việt (như một) ngoại ngữ nói riêng. Học phần tạo điều kiện cho học viên vận dụng kiến thức đã tích lũy được nhằm tập trung xây dựng, thiết kế khả thi, phù hợp các hoạt động giáo dục Việt ngoại ngữ trong điều kiện thực tế. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			

CLO 1	Luận giải được các lí thuyết, phương pháp, mô hình tiếp cận giáo dục ngoại ngữ;	PLO2	4
CLO 2	Vận dụng kiến thức học phần vào các hoạt động giáo dục tiếng Việt (như một) ngoại ngữ.	PLO3	5
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Xây dựng, thiết kế và tổ chức thực hiện được các hoạt động giáo dục tiếng Việt ngoại ngữ trong môi trường thực tế.	PLO5 PLO6	4
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO4	Có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, trung thực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	PLO8 PLO9	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2/ngoại ngữ 1.1. Khái niệm về ngôn ngữ 2/ngoại ngữ 1.2. Đặc điểm quá trình tiếp thu ngôn ngữ 2/ngoại ngữ 1.3. Những yếu tố tác động vào quá trình tiếp thu ngôn ngữ 2/ngoại ngữ 1.3.1. Yếu tố nội tại (tuổi, động cơ, đặc điểm cá nhân) 1.3.2. Yếu tố bên ngoài (môi trường học tập, điều kiện sử dụng) Chương 2. Nguyên lý, phương pháp, quy trình, kỹ thuật dạy học tiếng Việt ngoại ngữ	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO4	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 1,2

2.1. Nguyên lý chung và chuyên biệt 2.2. Phương pháp dạy học tiếng Việt ngoại ngữ 2.3. Quy trình triển khai dạy học 2.4. Kỹ thuật tổ chức dạy học cụ thể						
Chương 3. Thiết kế và tổ chức dạy học các kỹ năng tiếng Việt ngoại ngữ 3.1. Kỹ năng nghe 3.1.1. Các nguyên tắc 3.1.2. Thiết kế và tổ chức dạy học 3.1.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập 3.2. Kỹ năng nói 3.2.1. Các nguyên tắc 3.2.2. Thiết kế và tổ chức dạy học 3.2.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập 3.3. Kỹ năng đọc 3.3.1. Các nguyên tắc 3.3.2. Thiết kế và tổ chức dạy học 3.3.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập 3.4. Kỹ năng viết 3.4.1. Các nguyên tắc 3.4.2. Thiết kế và tổ chức dạy học 3.4.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	10	5	35	CLO1 CLO2 CLO3	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 3, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Chương 4. Thiết kế và tổ chức dạy học kiến thức ngôn ngữ Việt	10	5	35	CLO3 CLO4	(i) Thuyết giảng, trình chiếu;	Đọc tài liệu nội dung

4.1. Ngữ âm tiếng Việt 4.1.1. Các nguyên tắc 4.1.2. Thiết kế và tổ chức dạy học 4.1.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập 4.2. Ngữ pháp tiếng Việt 4.2.1. Các nguyên tắc 4.2.2. Thiết kế và tổ chức dạy học 4.2.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập 4.3. Từ vựng tiếng Việt 4.3.1. Các nguyên tắc 4.3.2. Thiết kế và tổ chức dạy học 4.3.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập <i>Ôn tập - Báo cáo nhóm</i>					(ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Chương 4 hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Thực hiện và nộp báo cáo kết quả học tập đúng thời gian quy định.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá	Quy định	Trọng số
Đánh giá quá trình	Tham gia các hoạt động học tập	CLO1-2 CLO4	Chương 1, 2	Tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài lớp	0.1
	Báo cáo nhóm	CLO3	Chương 3	Báo cáo trực tiếp trong lớp	0.2

	Bài thi tự luận	CLO4	Chương 4	Đáp án	0.2
Đánh giá cuối kì	Bài tiểu luận/Bài tập lớn	CLO3, 4	Chương 1, 2, 3	Đúng theo quy định về nội dung và hình thức; nộp đúng thời hạn.	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nhóm tác giả (2019), <i>Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài 1-2</i> , NXB ĐHQG, TP.HCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Nhóm tác giả (2005), <i>Tiếng Việt cho người nước ngoài trình độ nâng cao</i> , NXB ĐHQG, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Nguyễn Thu Lan, Nguyễn Minh Chánh (2023), <i>Sách tham khảo tiếng Việt học thuật -nghe: dành cho sinh viên nước ngoài</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Nhóm tác giả (2023), <i>Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản</i> , NXB ĐHQG TP.HCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944.970.046; Email: dmhung@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác/địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. Huỳnh Thị Nhĩ

Số điện thoại: 0825272799; Email: htnhi@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác: Công ty Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Sa Đéc, Đồng Tháp

HỌC PHẦN 28: NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học ứng dụng**
- Mã học phần: MVL.824
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (30/15/105)
- Số tiết trực tuyến: 20; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 25
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể:

Thuyết giải được những lĩnh vực, những yếu tố chung và yếu tố đặc thù mà ngôn ngữ được ứng dụng để phục vụ những nhu cầu, mục đích khác nhau trong thực tiễn của cuộc sống hiện đại;

Vận dụng hợp lý những nguyên lý của ngôn ngữ học ứng dụng trong giao tiếp và các hoạt động giáo dục tiếng Việt với tư cách là tiếng mẹ đẻ/ngôn ngữ thứ nhất hoặc là ngôn ngữ thứ 2/ngoại ngữ;

Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

3. Tổng quan về học phần

Học phần này (chưa được triển khai ở các chương trình đào tạo bậc đại học liên quan) sẽ trang bị cho học viên kiến thức về các lĩnh vực của ngôn ngữ học ứng dụng. Học phần tạo điều kiện cho học viên vận dụng kiến thức liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện phù hợp, hữu ích các đề tài nghiên cứu về mức độ ứng dụng của tiếng Việt trong giao tiếp thông thường và các hoạt động dạy học tiếng Việt. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Thuyết giải được những lĩnh vực, những yếu tố chung và yếu tố đặc thù của ngôn ngữ ứng dụng;	PLO2	4

CLO 2	Vận dụng kiến thức học phần vào phục vụ những nhu cầu liên quan đến việc sử dụng tiếng Việt ở các lĩnh vực khác nhau.	PLO3	5
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Vận dụng hợp lý những nguyên lý của ngôn ngữ học ứng dụng trong giao tiếp và các hoạt động giáo dục tiếng Việt (với tư cách là ngôn ngữ thứ nhất/mẹ đẻ hoặc là ngôn ngữ thứ 2/ngoại ngữ);	PLO5 PLO6	4
CLO 4	Thiết kế các chương trình giáo dục tiếng Việt với tư cách là (với tư cách là ngôn ngữ thứ nhất/mẹ đẻ hoặc là ngôn ngữ thứ 2/ngoại ngữ);		
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, trung thực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	PLO8 PLO9	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Những khái niệm căn bản 1.1. Ngôn ngữ học lí thuyết 1.1.1. Lược sử ngôn ngữ học lí thuyết 1.1.2. Các cấp độ ngôn ngữ 1.2. Ngôn ngữ học ứng dụng 1.2.1. Lược sử ngôn ngữ học ứng dụng 1.2.2. Đối tượng, lĩnh vực, vai trò của ngôn ngữ học ứng dụng 1.2.3. Các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 1

Chương 2. Ngôn ngữ học ứng dụng trong giao tiếp 2.1. Ngôn ngữ hội thoại 2.1.1. Đặc điểm, phạm vi 2.1.2. Các yếu tố tác động 2.1.3. Các định hướng nghiên cứu, phát triển 2.2. Ngôn ngữ phi hội thoại/lời 2.2.1. Đặc điểm, phạm vi 2.2.2. Các yếu tố tác động 2.2.3. Các định hướng nghiên cứu, phát triển 2.3. Ngôn ngữ ứng dụng trong công nghệ số/nền tảng số hóa 2.3.1. Đặc điểm, phạm vi 2.3.2. Các yếu tố tác động 2.3.3. Các định hướng nghiên cứu, phát triển	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 2, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Chương 3. Ngôn ngữ học ứng dụng trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ 3.1. Quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ nhất/ngôn ngữ mẹ đẻ 3.1.1. Các giai đoạn phát triển 3.1.2. Các yếu tố tác động 3.1.3. Các định hướng nghiên cứu 3.2. Quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ 2/ngoại ngữ 3.2.1. Các giai đoạn phát triển 3.2.2. Các yếu tố tác động 3.2.3. Các định hướng nghiên cứu	7	3	24	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 3, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Chương 4. Ngôn ngữ học ngữ liệu 4.1. Khái niệm căn bản	7	3	24	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu;	Đọc tài liệu nội dung Chương

4.2. Ứng dụng của ngôn ngữ học ngữ liệu 4.1.2. Ứng dụng trong giao tiếp 4.1.3. Ứng dụng trong dạy và học ngôn ngữ 4.2. Ngôn ngữ học ngữ liệu tiếng Việt 4.2.1. Ứng dụng trong giao tiếp 4.2.2. Ứng dụng trong dạy và học ngôn ngữ 4.2.3. Khả năng phát triển của ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Việt					(ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	4, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Chương 5. Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Việt trong hoạt động giáo dục ngôn ngữ 5.1. Các phương pháp định lượng 5.1.1. Đối tượng, mục đích, quá trình thực hiện 5.1.2. Phân tích, thảo luận kết quả 5.2. Các phương pháp định tính 5.2.1. Đối tượng, mục đích, quá trình thực hiện 5.2.2. Phân tích, thảo luận kết quả 5.3. Các phương pháp kết hợp 5.3.1. Đối tượng, mục đích, quá trình thực hiện 5.3.2. Phân tích, thảo luận kết quả Ôn tập - Báo cáo nhóm	10	5	35	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 5, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Thực hiện và nộp báo cáo kết quả học tập đúng thời gian quy định.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá	Quy định	Trọng số
Đánh giá quá trình	Tham gia các hoạt động học tập	CLO1-2 CLO5	Chương 1, 2, 3	Tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài lớp	0.1
	Báo cáo nhóm	CLO3	Chương 3, 4	Báo cáo trực tiếp trong lớp	0.2
	Bài thi tự luận	CLO4	Chương 3, 4	Đáp án	0.2
Đánh giá cuối kì	Bài tiểu luận/Bài tập lớn	CLO3, 4	Chương 1, 2, 5	Đúng theo quy định về nội dung và hình thức; nộp đúng thời hạn	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nhóm tác giả (1984), <i>Ngôn ngữ học: khuynh hướng - lĩnh vực - khái niệm</i> , NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Nguyễn Thiện Giáp (2015), <i>Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ</i> , Hà Nội: Giáo dục Việt Nam.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

3	Nguyễn Đức Dân, Đặng Thái Minh (1999), <i>Thống kê ngôn ngữ học - một số ứng dụng</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Hoàng Văn Vân (2004), <i>Ngôn ngữ học qua các nền văn hóa</i> , NXB ĐHQG, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944.970.046; Email: dmhung@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác/địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác/địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 29: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông**
- Mã học phần: MVL.825
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (30LT/15ThH/105TH)
- Số tiết trực tuyến: 15; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 30
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Hoàn thành học phần này, học viên: (1) có năng lực luận giải thuyết phục và áp dụng hợp lý những căn cứ, quy định, nguyên tắc, mô hình trong các hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông nói chung và năng lực tiếng Việt cấp trung học phổ thông nói riêng; (2) chủ động (độc lập hoặc hợp tác với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp) thu thập, chọn lọc, thiết kế khả thi, phù hợp và đưa vào sử dụng các dạng thức kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.

3. Tổng quan về học phần

Học phần này (chưa được triển khai ở các chương trình đào tạo bậc đại học liên quan) sẽ trang bị cho học viên những quy định, nguyên tắc, căn cứ, mô hình định hướng phân tích, đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông nói chung và năng lực tiếng Việt cấp trung học phổ thông nói riêng trong Chương trình giáo dục phổ thông (2018). Học phần tạo điều kiện cho học viên vận dụng kiến thức đã tích lũy được nhằm tập trung xây dựng, thiết kế khả thi, phù hợp các dạng thức kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt cấp trung học phổ thông (căn cứ trên những mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018). Học phần đóng góp vào việc giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs – Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO1	Hiểu chuyên sâu và vận dụng hiệu quả các nguyên tắc, mô hình được áp dụng trong hoạt động phân tích, đánh giá năng lực tiếng Việt trong giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông.	PLO2	4

CLO2	Vận dụng thành thạo các nguyên tắc, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học vào quá trình kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông.	PLO3	5
4.2 Kỹ năng			
CLO3	Sử dụng thành thạo kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các thông tin, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông. Sử dụng được các phương pháp nghiên cứu và tổ chức thực hành một đề tài nghiên cứu về kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông.	PLO5	4
CLO4	Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả, kỹ năng làm việc nhóm trong việc triển khai vấn đề nghiên cứu, bảo vệ kết quả nghiên cứu; xây dựng, thiết kế sáng tạo, khả thi, phù hợp các dạng thức đề kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông. (căn cứ trên những mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018).	PLO7	5
4.3 Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Thể hiện năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác; sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng và hướng dẫn người khác; gương mẫu về đạo đức nghề nghiệp... trong các hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt của học sinh đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT.	PLO10	5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Vai trò, ý nghĩa của hoạt động kiểm tra, đánh giá trong giáo dục ngôn ngữ 1.1. Khái niệm về kiểm tra, đánh giá trong giáo dục 1.2. Các dạng thức kiểm tra, đánh giá trong giáo dục ngôn ngữ 1.2.1. Hình thức đánh giá 1.2.2. Nội dung đánh giá	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	i)Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn – phản hồi (iii) Thảo luận chung; làm việc cặp/nhóm	- Đọc tài liệu chính; tài liệu tham khảo liên quan.
Chương 2. Nguyên tắc, hình thức, nội dung kiểm tra, đánh	3	2	11	CLO2 CLO3	i) Thuyết giảng, trình chiếu;	-Đọc tài liệu;

giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông 2.1. Các nguyên tắc kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt 2.2. Hình thức kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt 2.2. Nội dung kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt				CLO5	(ii) Phát vấn – phản hồi (iii) Thảo luận chung; làm việc cặp/nhóm	-Hoàn thành bài tập được phân công
Chương 3. Đánh giá năng lực tiếng Việt lớp 10 3.1. Về kiến thức tiếng Việt 3.1.1. Hình thức 3.1.2. Nội dung 3.2. Về kiến thức văn học 3.2.1. Hình thức 3.2.2. Nội dung 3.3. Chuyên đề tiếng Việt 3.3.1. Hình thức 3.3.2. Nội dung	7	3	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn – phản hồi (iii) Thảo luận chung; làm việc cặp/nhóm	- Đọc tài liệu; -Hoàn thành bài tập được phân công
Chương 4. Đánh giá năng lực tiếng Việt lớp 11 4.1. Về kiến thức tiếng Việt 4.1.1. Hình thức 4.1.2. Nội dung 4.2. Về kiến thức văn học 4.2.1. Hình thức 4.2.2. Nội dung 4.3. Chuyên đề tiếng Việt 4.3.1. Hình thức 4.3.2. Nội dung	7	3	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn – phản hồi (iii) Thảo luận chung; làm việc cặp/nhóm	-Đọc tài liệu; -Hoàn thành bài tập được phân công
Chương 5. Đánh giá năng lực tiếng Việt lớp 12 5.1. Về kiến thức tiếng Việt 5.1.1. Hình thức 5.1.2. Nội dung 5.2. Về kiến thức văn học 5.2.1. Hình thức 5.2.2. Nội dung 5.3. Chuyên đề tiếng Việt 5.3.1. Hình thức	7	3	24	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn – phản hồi (iii) Thảo luận chung; làm việc cặp/nhóm	-Đọc tài liệu; -Hoàn thành bài tập được phân công

5.3.2. Nội dung						
Báo cáo cá nhân/nhóm	3	2	11	CLO2 CLO3 CLO5	Nộp sản phẩm báo cáo	
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp (trực tiếp và/hoặc trực tuyến).
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Tham dự đủ các hình thức đánh giá của học phần.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
7.1	Đánh giá thường xuyên				0,5
7.1.1	Chuyên cần	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thái độ, tinh thần học tập	Tham gia đầy đủ các buổi; chuẩn bị bài và tích cực tham gia bài học.	
7.1.2	Bài tập/ báo cáo nhóm	CLO5	Chương 1, 5	Sản phẩm báo cáo nhóm	
7.1.3	Kiểm tra thường kì		Chương 1, 2	Nội dung trọng tâm của chương 1, 2	
7.2	Đánh giá cuối kì (Bài thi tự luận)	CLO2 CLO3 CLO5	Chương 2, 3, 4, 5	Thời gian thi 90 phút; gồm nội dung trọng tâm Chương 2, 3, 4, 5	0,5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), <i>Chương trình giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể</i> (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-	Trung tâm học	X	

	BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), NXB Đại học Sư phạm.	liệu Lê Vũ Hùng		
2	Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên), Bùi Minh Đức (Chủ biên) (2018), <i>Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông</i> , NXB Đại học Sư phạm Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Nguyễn Thành Thi (chủ biên) (2022), <i>Ngữ văn 10</i> , Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo), NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
4	Nguyễn Thành Thi (chủ biên) (2023), <i>Ngữ văn 11</i> , Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo), NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Nguyễn Thành Thi (chủ biên) (2024), <i>Ngữ văn 12</i> , Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo), NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS. Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944970046; Email: dmhung@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp.

Giảng viên 2: TS. GVC. Nguyễn Văn Bản

Số điện thoại: 0913938676; Email: nvban@dtu.edu.vn

Địa chỉ: Số 783/7 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp.

HỌC PHẦN 30: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NGŨ LIỆU DẠY TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Phân tích, đánh giá ngữ liệu dạy tiếng Việt ở trường phổ thông**
- Mã học phần: MVL.813
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (30/15/105)
- Số tiết trực tuyến: 20; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 25
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể:

Luận giải và áp dụng hợp lý những căn cứ, quy định, nguyên tắc, mô hình trong các hoạt động phân tích, đánh giá ngữ liệu dạy học tiếng Việt nói riêng (được cung cấp trong các sách giáo khoa trường phổ thông hiện hành và các nguồn học liệu khác) và môn Ngữ văn nói chung;

Chủ động (độc lập hoặc hợp tác với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp) thu thập, chọn lọc, thiết kế khả thi và đưa vào sử dụng các ngữ liệu dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông.

3. Tổng quan về học phần

Học phần này (chưa được triển khai ở các chương trình đào tạo bậc đại học liên quan) sẽ trang bị cho học viên những quy định, nguyên tắc, căn cứ, mô hình định hướng phân tích, đánh giá nhằm chủ động xây dựng và đưa vào sử dụng ngữ liệu dạy học tiếng Việt nói riêng và môn Ngữ văn nói chung trong Chương trình giáo dục phổ thông (bắt đầu từ 2018). Các ngữ liệu này đã được biên soạn sẵn trong các bộ sách giáo khoa hiện hành hoặc từ các nguồn tài nguyên/kênh nguồn ngữ liệu sẵn có khác. Học phần tạo điều kiện cho học viên vận dụng kiến thức đã tích lũy được nhằm tập trung nghiên cứu, phân tích và đánh giá tính phù hợp của các ngữ liệu được giới thiệu trong sách giáo khoa Ngữ văn cấp trung học phổ thông, căn cứ trên những mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông đã ban hành. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3-4, 7-8-9.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			

CLO 1	Luận giải được các nguyên tắc, mô hình được áp dụng trong hoạt động phân tích, đánh giá ngữ liệu dạy học tiếng Việt trường phổ thông;	PLO2	4
CLO 2	Vận dụng kiến thức học phần vào các hoạt động phân tích, đánh giá ngữ liệu dạy học tiếng Việt trường phổ thông;	PLO3	5
4.2. Kỹ năng			
CLO 3	Phân tích, đánh giá khách quan về độ phù hợp, tính chính xác khoa học, lô-gic, độ tin cậy, tính khả thi của ngữ liệu dạy học tiếng Việt (được giới thiệu trong các sách giáo khoa cấp trung học phổ thông hiện hành hoặc từ các nguồn học liệu khác);	PLO4 PLO7	4
CLO 4	Thu thập, chọn lọc, sắp xếp trình tự hợp lý, khả thi (dựa trên những căn cứ xác đáng) để đưa vào sử dụng khả thi, hiệu quả các ngữ liệu dạy học tiếng Việt cấp trung học phổ thông;		
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, trung thực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	PLO8 PLO9	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Căn cứ đánh giá giáo trình, tài liệu dạy học tiếng Việt 1.1. Mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông Môn ngữ văn (2018) 1.2. Những yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn	10		20	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 1

1.2.1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung 1.2.2. Yêu cầu về năng lực đặc thù 1.3. Nội dung giáo dục 1.3.1. Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu 1.3.2. Tác phẩm bắt buộc 1.3.3. Tác phẩm bắt buộc lựa chọn						
Chương 2. Ngữ liệu dạy học tiếng Việt lớp 10 2.1. Về kiến thức tiếng Việt 2.2. Về kiến thức văn học 2.3. Chuyên đề 2.4. Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu 2.4.1. Tác phẩm bắt buộc 2.4.2. Tác phẩm bắt buộc lựa chọn	6	5	30	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 2, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Chương 3. Ngữ liệu dạy học tiếng Việt lớp 11 3.1. Về kiến thức tiếng Việt 3.2. Về kiến thức văn học 3.3. Chuyên đề 3.4. Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu 3.4.1. Tác phẩm bắt buộc 3.4.2. Tác phẩm bắt buộc lựa chọn	6	5	30	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 3, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Chương 4. Ngữ liệu dạy học tiếng Việt lớp 12 4.1. Về kiến thức tiếng Việt 4.2. Về kiến thức văn học 4.3. Chuyên đề 4.4. Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu 4.4.1. Tác phẩm bắt buộc	8	5	25	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn - phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 4, hoàn thành sản phẩm học tập được giao

4.4.2. Tác phẩm bắt buộc lựa chọn <i>Ôn tập - Báo cáo nhóm</i>						
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Thực hiện và nộp báo cáo kết quả học tập đúng thời gian quy định.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá	Quy định	Trọng số
Đánh giá quá trình	Tham gia các hoạt động học tập	CLO1-2 CLO5	Chương 1, 2, 3, 4	Tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài lớp	0.1
	Báo cáo nhóm	CLO3	Chương 2, 3	Báo cáo trực tiếp trong lớp	0.2
	Bài thi tự luận	CLO4	Chương 4	Đáp án	0.2
Đánh giá cuối kì	Bài tiểu luận/Bài tập lớn	CLO3, 4	Chương 2, 3, 4	Đúng theo quy định về nội dung và hình thức; nộp đúng thời hạn.	0.5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), <i>Chương trình giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể</i> (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	

	năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), NXB Đại học Sư phạm.			
2	Nguyễn Thành Thi (chủ biên) (2022), <i>Ngữ văn 10</i> , Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo), NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Nguyễn Thành Thi (chủ biên) (2023), <i>Ngữ văn 11</i> , Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo), NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
4	Nguyễn Thành Thi (chủ biên) (2024), <i>Ngữ văn 12</i> , Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo), NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
5	Nguyễn Thành Thi (chủ biên) (2022, 2023, 2024), <i>Sách giáo viên - Ngữ văn 10, 11, 12</i> , Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo), NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944.970.046; Email: dmhung@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 31: TỰ ĐIỂN HỌC ỨNG DỤNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Từ điển học ứng dụng (*Applied Dictionary Studies*)
- Mã học phần: MVL.832
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (30/15/105)
- Số tiết trực tuyến: 20; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 25
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm KHXH, Trường Sư phạm.

2. Mục tiêu học phần (MT)

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể:

Phân tích được đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các thành phần nội dung nền tảng của kết cấu từ điển phổ quát và từ điển tiếng Việt nói riêng được ứng dụng đáp ứng những nhu cầu, mục đích khác nhau trong thực tiễn của cuộc sống hiện đại;

Vận dụng hợp lý những nguyên tắc xây dựng, biên soạn từ điển để tự thiết kế một mô hình/dự án từ điển với quy mô từ 500 mục từ tiếng Việt trở lên, sử dụng IA và các phương tiện công nghệ khả dụng khác;

Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

3. Tổng quan về học phần

Học phần này (chưa được triển khai ở các chương trình đào tạo bậc đại học liên quan trước) sẽ trang bị cho học viên kiến thức lý thuyết về từ điển học ứng dụng. Cụ thể là lý thuyết chuyên biệt về đối tượng nghiên cứu, các định hướng tiếp cận, phương pháp xây dựng từ điển, v.v... Học phần tạo điều kiện cho học viên vận dụng kiến thức liên quan thiết kế, tổ chức xây dựng, biên soạn từ điển (quy mô hẹp) tiếng Việt phổ quát/chuyên sâu về các lĩnh vực thiết thực trong thực tế. Học phần có vai trò góp phần đạt các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Việt Nam: PLO2-3, 5-6, 8-9.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs – Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			

CLO1	Phân tích được đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các thành phần nội dung nền tảng của kết cấu tự điển phổ quát.	PLO2	4
CLO2	Thuyết giải được các thành phần cốt lõi có trong một công trình tự điển hoàn chỉnh khi đưa vào sử dụng.	PLO3	5
4.2 Kỹ năng			
CLO3	Vận dụng hợp lý những nguyên lý, các bước biên soạn tự điển vào việc tổ chức biên soạn, xây dựng tự điển tiếng Việt (quy mô hẹp).	PLO5 PLO6	4
CLO4	Biên soạn được 500 mục từ tiếng Việt theo định dạng tự điển (vận dụng công cụ AI và các phương tiện công nghệ hỗ trợ sẵn có khác).		
4.3 Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO5	Có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chuẩn mực, trung thực, có trách nhiệm, đạo đức; nêu cao tinh thần hợp tác trong các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	PLO8 PLO9	4

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Dẫn luận tự điển học 1.1. Tự điển học là gì? 1.2. Lịch sử tự điển học 1.3. Phân loại tự điển 1.2.1. Phân loại theo số lượng ngôn ngữ (đơn ngữ, song ngữ, đa ngữ) 1.2.2. Phân loại theo lĩnh vực, chuyên ngành ứng dụng 1.2.3. Phân loại theo mục đích ứng dụng (mô tả, giải thích, khuyến dụng, đồng nghĩa, trái nghĩa, tiếng lóng, chính tả)	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn – phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 1
Chương 2. Mô hình cấu trúc vĩ mô của tự điển 2.1. Định nghĩa cấu trúc vĩ mô 2.2. Danh mục từ (trong từ điển) 2.3. Cơ sở dữ liệu danh mục từ 2.3.1. Nguyên tắc lựa chọn mục từ	3	2	11	CLO1 CLO2 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn – phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 2, hoàn thành sản phẩm học tập được giao

2.3.2. Thứ tự sắp xếp nội dung mục từ						
Chương 3. Mô hình cấu trúc vi mô của tự điển 3.1. Định nghĩa cấu trúc vi mô 3.2. Đầu mục từ (hoặc đề mục) tức tên gọi mục từ; 3.3. Định nghĩa, nội dung giải thích đầu mục từ và những chỉ dẫn khoa học có liên quan đến đầu mục từ; 3.4. Minh hoạ, ảnh, bản đồ; 3.5. Thư mục, tư liệu trích dẫn và xuất xứ của tư liệu; 3.6. Tên tác giả biên soạn mục từ	7	3	24	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn – phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 3, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Chương 4. Đặc tính tiêu biểu của tự điển 4.1. Tính chuẩn mực 4.2. Tính tương đối 4.3. Tính đa dạng 4.4. Tính trung lập 4.5. Tính lịch sử	7	3	24	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn – phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 4, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Chương 5. Tự điển trực tuyến (online) 5.1. Định nghĩa 5.2. Ưu điểm 5.2.1. Cho phép truy cập trực tuyến, mọi lúc, mọi nơi 5.2.2. Phát hành miễn phí, tất cả mọi người đều có thể sử dụng. 5.2.3. Thường xuyên được cập nhật từ mới. 5.2.4. Có hình thức tương tác với người dùng 5.2.5. Minh hoạ tự điển online Ôn tập – Báo cáo Dự án nhóm (Biên soạn từ điển tự chọn)	10	5	35	CLO3 CLO4 CLO5	(i) Thuyết giảng, trình chiếu; (ii) Phát vấn – phản hồi (iii) Thảo luận cặp/nhóm	Đọc tài liệu nội dung Chương 5, hoàn thành sản phẩm học tập được giao
Tổng:	30	15	105			

6. Yêu cầu đối với người học

- Dự ít nhất 80% các buổi học trên lớp.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tập trung học tập và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Thực hiện và nộp báo cáo kết quả học tập đúng thời gian quy định.
- Tích cực tham gia tất cả các hoạt động học tập quy định trong học phần.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Nội dung được đánh giá	Quy định	Trọng số
Đánh giá quá trình	Tham gia các hoạt động học tập	CLO1-2 CLO5	Chương 1, 2, 3	Tính cực tham gia các hoạt động trong và ngoài lớp	0.1
	Báo cáo nhóm	CLO3	Chương 3,4	Báo cáo trực tiếp trong lớp	0.2
	Bài thi tự luận	CLO4	Chương 3,4	Đáp án	0.2
Đánh giá cuối kì	Bài tiểu luận/Bài tập lớn/ Dự án nhóm	CLO3, 4	Chương 1,2, 5	Đúng theo quy định về nội dung và hình thức; nộp đúng thời hạn.	0.5

8. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nhóm tác giả (2024), <i>Từ điển tiếng Việt</i> , Hà Nội: Hồng Đức.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng, Trường ĐH Đồng Tháp (http://thuvien.dthu.edu.vn)	X	
2	Thành Yên (2022), <i>Từ điển tiếng Việt thông dụng</i> , Hà Nội: Dân Trí			X
3	Hà Quang Năng, Hà Thị Quế Hương (2017), <i>Từ điển chính tả tiếng Việt</i> , ĐH Quốc gia			X
4	Đỗ Minh Hùng (2014), <i>Từ ngữ Anh - Việt giáo dục học ngôn ngữ và ngoại ngữ tiếng Anh</i> , Nxb Tổng hợp Tp.HCM			X
5	<i>Từ điển bách khoa Britannica</i> (2014), Hà Nội: Giáo dục			X

9. Thông tin về giảng viên dạy

- Giảng viên 1

PGS.TS Đỗ Minh Hùng

Số điện thoại: 0944.970.046; Email: dmhung@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác/địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐH Đồng Tháp

- Giảng viên 2

TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác/địa chỉ: Khoa Sư phạm KHXH, Trường Sư phạm, Trường ĐH Đồng Tháp

HỌC PHẦN 32: THỰC TẬP 1

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Thực tập 1**
- Mã học phần: MVL.826
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ 150 (00LT/90ThH/60TH)
- Số tiết trực tuyến: 15; Số tiết trực tiếp hoặc thực tế học phần: 30
- Học phần điều kiện (*nếu có*):...
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản, chuyên sâu về các khái niệm cơ bản, vị trí, vai trò, mục đích của hoạt động thực tập, thực tế chuyên môn cũng như các phương pháp/thủ pháp nghiên cứu ngôn ngữ học trong hoạt động thực tập 1. Học phần còn giúp học viên có kỹ năng tổ chức, thực hiện một chuyến thực tế ngôn ngữ học: xây dựng hồ sơ ngữ liệu; xử lý các dữ liệu thu thập được, viết được bài thu hoạch cuối khóa; thiết lập mối quan hệ với địa phương, cộng đồng trong đợt điền dã và có thái độ trung thực trong việc thu thập, xử lý các ngữ liệu.

3. Tổng quan về học phần

Học phần này giới thiệu cho học viên hiểu rõ vị trí, vai trò của hoạt động thực tập 1 cũng như những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho một cuộc nghiên cứu thực tế ngôn ngữ học tại thực địa; hiểu được các khái niệm cơ bản của nghiên cứu thực tế ngôn ngữ học; hiểu được vai trò của con người trong hoạt động nghiên cứu thực tế; nắm được cách chuẩn bị, tổ chức, thực hiện một cuộc nghiên cứu thực tế ngôn ngữ học; có được một số kỹ năng để tiến hành nghiên cứu thực tế ngôn ngữ học.

4. Chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO1	Vận dụng hiệu quả kiến thức nghiên cứu thực tế liên quan đến Ngôn ngữ Việt Nam vào các hoạt động thực tiễn như: phát triển tiếng Việt, dạy học Ngữ văn, nghiên cứu và các hoạt động khác.	PLO2	4
4.2. Kỹ năng			
CLO2	Sử dụng thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành để lập được kế hoạch nghiên cứu thực tế ngôn ngữ học, điều tra và xử lý tư liệu	PLO7	4

	nghiên cứu về ngôn ngữ thông qua hoạt động thực địa		
CLO3	Sử dụng hiệu quả kỹ năng phân tích ngữ liệu và xử lý ngữ liệu thu thập được để tiến hành công việc nghiên cứu những vấn đề liên quan.	PLO4	4
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO4	Đưa ra được các kết luận chuyên môn về các vấn đề ngữ liệu qua hoạt động thực tập, thực tế chuyên môn và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khoa học về vấn đề mình đưa ra;	PLO8	4
CLO5	Có thái độ làm việc cẩn trọng, tôn trọng cộng tác viên; trung thực trong việc thu thập và xử lý các ngữ liệu và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác.	PLO9	5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CĐR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Giới thiệu chung 1.1. Giới thiệu về thực tập 1 1.2. Phương pháp nghiên cứu trong thực tập 1 1.3. Vị trí, vai trò của thực tập 1	00	15	10	CL01 CL02 CL03 CL04 CLO5	Thuyết trình, giảng giải, thảo luận nhóm	Học viên đọc tài liệu, chuẩn bị các nội dung: - Chỉ ra các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học điền dã - Phân tích vị trí, vai trò của ngôn ngữ học điền dã
Chương 2. Các nhân tố trong hoạt động thực tập 1 2.1. Nhà khoa học trong hoạt động thực tập 1 2.2. Cộng đồng xã hội trong nghiên cứu thực tập 1	00	15	10	CL01 CL02 CL03 CL04 CLO5	Thuyết trình, giảng giải, thảo luận nhóm	Học viên đọc tài liệu, chuẩn bị các nội dung mục 2.2 và 2.3

2.3. Nhân chứng trong nghiên cứu thực tập 1						
Chương 3. Điều tra, xử lý ngữ liệu và viết báo cáo thực tập 1 3.1. Đặt vấn đề 3.2. Lựa chọn đề tài 3.3. Xây dựng giả thiết 3.4. Xác định đơn vị điều tra 3.5. Thu thập hồ sơ ngữ liệu 3.6. Xử lý ngữ liệu 3.6.1. Số liệu hóa ngữ liệu 3.6.2. Thống kê số liệu 3.7. Kiểm tra giả thiết 3.8. Viết báo cáo thực tập 1	00	60	40	CL01 CL02 CL03 CL04 CLO5	Thuyết trình, giảng giải, thảo luận nhóm	Nghe giảng, đọc tài liệu, nghiên cứu, xử lý dữ liệu
Tổng:	00	90	60			

6. Yêu cầu đối với người học

- Học viên vắng học quá 20% số tiết thì không được dự thi kết thúc học phần. Học viên phải chuẩn bị bài, tham gia thực hiện bài tập trên lớp;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Báo cáo nhóm và làm việc cá nhân theo nội dung được phân công.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CĐR	Quy định	Trọng số
<i>1</i>	<i>Bài tập lớn/Bài thu hoạch</i>	CL01 CL03 CL04 CLO5	Nội dung trọng tâm của tất cả các phần theo hướng dẫn của GV	1.0

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thiện Giáp (2010), <i>Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ</i> , NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Nguyễn Văn Khang (1999), <i>Ngôn ngữ học xã hội: (Những vấn đề cơ bản)</i> , NXB KHXH, HN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Hoàng Thị Châu (2009), <i>Phương ngữ học tiếng Việt</i> , NXB ĐHQGHN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

9. Thông tin về giảng viên dạy**Giảng viên 1:** TS. GVC. Trần Hoàng Anh

Số điện thoại: 0979.671.678; Email: thanh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 33: THỰC TẬP 2

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Thực tập 2**
- Mã học phần: MVL.827
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 00/90/60
- Số tiết trực tuyến - trực tiếp: 45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Bộ môn phụ trách dạy học: Sư phạm Ngữ văn; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2. Mục tiêu học phần (MT)

Học phần cung cấp cho học viên những nét đặc trưng về quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, các hoạt động giáo dục liên quan đến ngôn ngữ của các Trung tâm giáo dục (hoặc Công ty Truyền thông, Nhà xuất bản,...). Đặc biệt, học viên sẽ được tìm hiểu những đặc trưng về ngôn ngữ trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu, biên tập xuất bản,... ở từng cơ sở tham gia thực tập, biết cách quan sát, phân tích, so sánh, thu thập dữ liệu, rút ra được đặc điểm nổi bật về nghiên cứu, giảng dạy, biên tập ngôn ngữ của các cơ sở tham gia thực tập. Từ đó, học viên có thể lựa chọn đề tài, phác thảo đề cương chi tiết để viết tiểu luận hoặc bài thu hoạch cuối khóa. Học phần còn rèn luyện cho học viên thái độ tích cực và trung thực trong quá trình trải nghiệm thực tế tại các Trung tâm giáo dục (hoặc Công ty Truyền thông, Nhà xuất bản,...), có tinh thần cầu tiến và tự học nâng cao hiểu biết về các mô hình giáo dục tại các cơ sở tham gia thực tế.

3. Tổng quan về học phần

Học phần bao gồm các nội dung: Lập kế hoạch thực tập; Nội dung thực tập; Thu thập và xử lý dữ liệu và thuộc khối kiến thức thực tập.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra (CLOs - Course Learning Outcomes)	Ánh xạ với CDR CTĐT	Mức độ năng lực
4.1. Kiến thức			
CLO 1	Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của cơ sở tham gia thực tập; Mô tả được cơ cấu tổ chức của cơ sở tham gia thực tập; Tổng hợp được các dữ liệu liên quan đến ngôn ngữ và phân tích, so sánh, rút ra các đặc điểm nổi bật về ngôn ngữ trong nghiên cứu, giảng dạy, biên tập, truyền thông tại các cơ sở thực tập.	PLO2	4
4.2. Kỹ năng			

CLO 2	<i>Kết hợp</i> các dữ liệu và thông tin nhận được, <i>biết cách phân tích để lý giải</i> những những đặc trưng về ngôn ngữ trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu, biên tập xuất bản ở từng cơ sở tham gia thực tập. Từ kết quả khảo sát, phân tích có thể đưa ra được đề tài nghiên cứu và viết bài thu hoạch cuối đợt thực tập.	PLO4	5
4.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
CLO 3	Chủ động nghiên cứu và làm việc độc lập, có năng lực định hướng, sáng tạo tri thức mới, biết vận dụng kiến thức ngôn ngữ Việt Nam vào hoạt động thực tiễn;	PLO8	5
CLO 4	Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, có thái độ tích cực và trung thực trong quá trình trải nghiệm thực tế tại các Trung tâm giáo dục (hoặc Công ty Truyền thông, Nhà xuất bản,...), có tinh thần cầu tiến và tự học nâng cao hiểu biết về các mô hình giáo dục tại các cơ sở tham gia thực tế.	PLO9 PLO10	5

5. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Nội dung	Số tiết			CDR	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của người học
	LT	ThH	TH			
Chương 1. Lập kế hoạch thực tập 1.1. Địa điểm, thời gian, nội dung tham gia thực tập 1.2. Tìm hiểu sơ bộ về cơ sở thực tập 1.3. Nghe báo cáo tình hình hoạt động tại cơ sở thực tập	00	15	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết trình, giảng giải, thảo luận nhóm	Nghe báo cáo, ghi chép nội dung, hoàn thiện kế hoạch thực tập
Chương 2. Nội dung thực tập 2.1. Những nét đặc trưng về quá trình hình thành và phát triển của cơ sở thực tập 2.2. Cơ cấu tổ chức tại cơ sở thực tập 2.3. Các hoạt động giáo dục liên quan đến ngôn ngữ tại cơ sở thực tập	00	15	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết trình, giảng giải, thảo luận nhóm	Tổ chức tập học theo nhóm, ghi chép nội dung, chụp ảnh minh họa
Chương 3. Thu thập, xử lý dữ liệu	00	60	40	CLO1		Tổ chức tập học

3.1. Thu thập dữ liệu liên quan đến hoạt động ngôn ngữ tại cơ sở thực tập 3.2. Xử lý dữ liệu liên quan đến hoạt động ngôn ngữ tại cơ sở thực tập 3.3. Chọn đề tài liên quan đến hoạt động ngôn ngữ tại cơ sở thực tập 3.4. Phác họa đề cương, viết bài thu hoạch cuối khóa				CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết trình, giảng giải, thảo luận nhóm	theo nhóm, ghi chép nội dung, chụp ảnh minh họa, thu thập, thống kê dữ liệu liên quan nội dung nghiên cứu thực tập
Tổng:	00	90	60			

6. Yêu cầu đối với người học

- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

7. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Hình thức tổ chức đánh giá	CDR	Nội dung được đánh giá (chương/chủ đề)	Quy định	Trọng số
1	Ý thức học tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Chương 1, 2, 3	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	
2	Tiểu luận/ Bài thu hoạch	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Chương 1, 2, 3	Nội dung trọng tâm của tất cả các phần	0.5

8. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. GVC. Trần Thanh Vân

Số điện thoại: 0963569643; Email: ttvan@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

Giảng viên 2: TS. GVC. Trần Hoàng Anh.

Số điện thoại: 0979.671.678; Email: thanh@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

HỌC PHẦN 34: LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ/ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP/ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào khoản 2, Điều 36 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ Trường Đại học Đồng Tháp, luận văn tốt nghiệp thạc sĩ đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Báo cáo luận văn tốt nghiệp thạc sĩ là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai nghiên cứu; đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề thực tiễn của học viên;

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm:

Trích dẫn đầy đủ và rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của tác giả khác (nếu có) theo Quy định về trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo trong đề cương, luận văn, luận án của Trường Đại học Đồng Tháp;

Kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp thạc sĩ phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

Đáp ứng yêu cầu về rà soát, chống đạo văn bằng phần mềm chuyên dụng theo quy định của Trường Đại học Đồng Tháp;

Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

d) Trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa và theo quy định chung của Trường Đại học Đồng Tháp;

e) Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp quy định chung về cách thức trình bày luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.